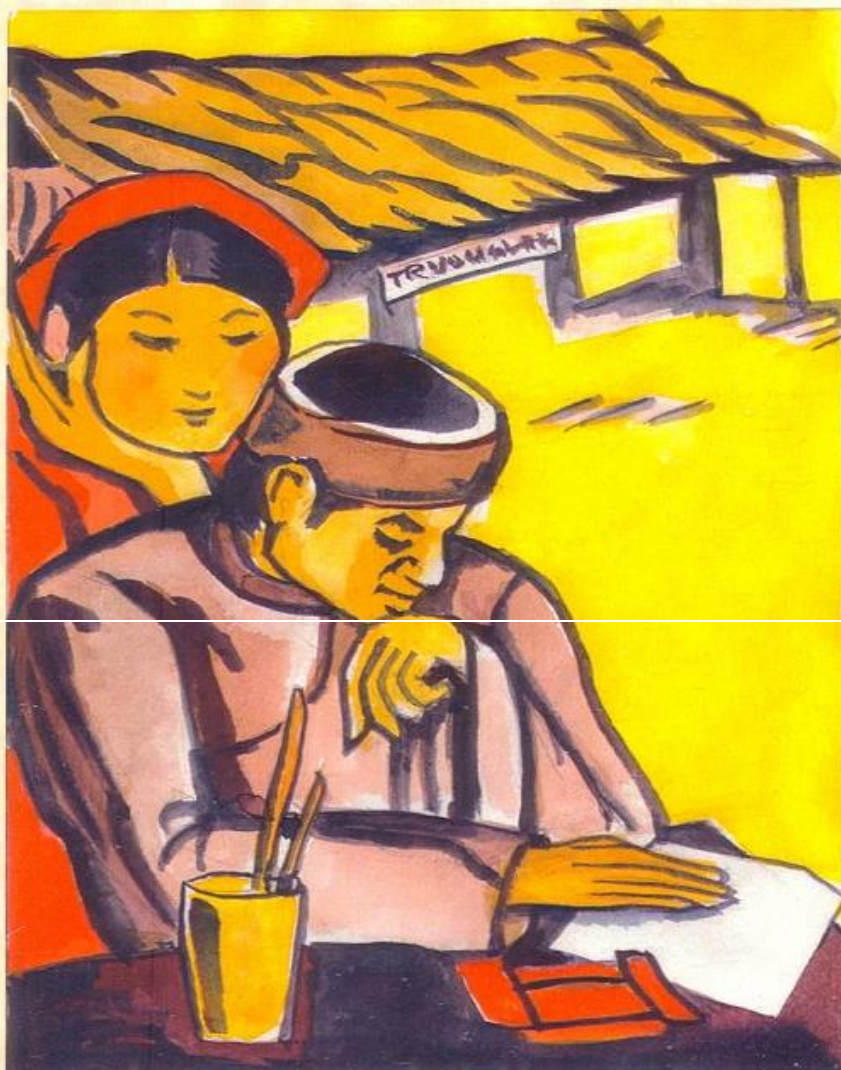


HỒ PHỔ LẠI

CÁI THUỞ BAN ĐẦU



ĐỒNG LẠC- 2008

Lời Tri Ân

Xin chân thành cảm tạ Linh Mục Phương Hoài Nhân, OP đã tận tình giúp đỡ Hồ Phổ Lại trong việc hoàn thành tác phẩm "Cái Thuở Ban Đầu. " Ngàn vạn niềm thương gửi về ông bố của bảy trẻ và năm con yêu quý của mẹ.

HỒ PHỔ LẠI

Lời Giới Thiệu

Người xưa nói: *"Mộng thì đa đoan ngàn mối, Tình thì chẳng có một vật."*

Chị rời quê hương hồi hải cùng làn sóng tị nạn trong một giai đoạn bất ổn nhất của lịch sử cận đại, hai vai nặng gánh đến một nơi xa lạ. Tranh đấu vươn lên hồng quên đi những đồ nát của một quê hương với bao kỷ niệm đẹp của tuổi học trò..., đang chìm đắm trong đen tối, do sự áp đặt của một nền văn hoá chưa được thực chứng... Tuy không thiếu những hi sinh, từ hoa trái của nền văn hoá xưa còn lại. Trong bối cảnh này, tác giả đã sống và viết. Qua tập truyện ngắn "CÁI THUỞ BAN ĐẦU", góp nhặt những mẫu truyện mà chị đã ghi lại trong những giai đoạn qua. Đọc xong, chúng ta có thể xem đây là những gì riêng tư và sâu kín nhất của chị Hồ Phổ Lại, của bạn hay của tôi. Quý vị sẽ biết và sẽ hiểu Hồ Phổ Lại, biết mình hơn qua những nhân chứng... Xin đọc, nhưng đừng mong tìm một giải pháp cho cuộc đời hay của một áng văn. Hiện tại bất định, tương lai chưa đến, quá khứ qua rồi. Mọi vấn đề đều có hai mặt của một đồng tiền. Vì vô minh mà có sinh; cũng vì vô minh mà có tử.

Bác sĩ Phan Thiệu Cát
Vancouver, mùa thu 2007

CÁCH VỜI SÂM THƯƠNG

Ngày nghe tin mẹ vừa sanh ra đời một đứa con gái, ông nội xách cái quạt lông đi từ đầu trên xuống xóm dưới chửi trời trách đất cho cả xóm cùng nghe. Còn cha, khi vào thăm tại nhà bảo sanh tỏ thái độ chối từ quyết liệt bằng cách không buồn mở miệng hỏi han cũng không buồn để mắt dòm ngó đến đứa bé sơ sinh đỏ hồng đang ngoe ngoe ở góc giường. Mà hình như Thượng đế cũng lãng quên mất chuyện đáng lẽ ra phải chuẩn bị hành trang kỹ càng trước khi cho bé ngâm cùng một cuống nhau với con cái nhà họ. Theo lời mẹ kể lại thì khi mới lọt lòng bé dúm dỏ nhăn nhoe không khác gì một con khỉ nhô lại sanh thiếu tháng. Với thói quen suốt đời sống lệ thuộc vào người trên, nhìn cha ghẻ lạnh, nghe ông nội luôn miệng cằn nhằn dần dần mẹ có mặc cảm. Vừa từ nhà bảo sanh về, mẹ quyết định giao phó bé cho chị vú. Được rảnh nợ, trong vòng một năm sau mẹ sanh ra đời đứa con trai thứ hai. Ông nội hể hả. Cha thỏa thuê. Mẹ hăm hở bận rộn với cậu thứ nam vừa kịp thời mang lại cho bà cái giá trị tưởng đã mất. Cái địa vị mờ mịt của bé lại có thêm một duyên cớ nữa để hoàn toàn chìm vào quên lãng.

Phải chăng đó là một trong những lý do chính yếu làm anh Khôi thương yêu bé nhất nhà. Anh cũng mất mẹ xa cha phải đem thân nương náu tại nhà bé. Tuy nguồn phát xuất khác nhau nhưng anh và bé lại giống nhau ở chỗ cả hai đều đứng ngoài lề cuộc sống của gia đình. Ngoài ra, anh còn một điểm khác bé nữa là anh đã đủ khôn lớn để biết suy nghĩ biết dùm bọc và biết san sẻ tình thương cho đứa em họ không may. Nỗi tiêu khiển độc nhất của anh là được ẵm bồng, được nựng nịu và ru hời ru hởi bé những lúc vú em bận bịu. Khi bé lẫm lẫm biết đi, anh thường dẫn bé ra chơi ở bờ biển. Đặt bé ngồi chễm chệ trên đùi, anh lấy tay chỉ cho bé thấy ngọn núi Đồng Bò chon von lơ lửng giữa trời mây sóng nước. Anh cũng không quên dạy bé biết cách theo dõi mây cánh bướm trắng phớt phớt ẩn hiện trên đầu ngọn sóng. Núi xa bướm nhạt, sóng dỗi nước cuốn, là khung trời tuổi nhỏ mà anh đã rời xa hay chính là nơi chốn viễn du mà anh đang khao khát tìm tới? Là nỗi hoài vọng một cái gì đã mất, là niềm mơ tưởng một cái gì chưa với tới được? Anh nhớ thương ai, ao ước những gì bé đâu cần biết! Điều bé cần là lúc nào anh cũng hiện diện ngay bên cạnh bé ngày lẫn đêm. Ngây thơ, bé yên trí nghĩ rằng: bé sẽ lớn, sẽ sống và sẽ chết bên anh. Cho đến một ngày năm biết đi biết chạy biết nói năng rành rọt, bé mới thật sự nếm thử nỗi mất còn.

Một buổi chiều hè, nơi mảnh đất hoang vu nằm cuối con đường cụt gần nhà, anh Khôi từ giã bé ra đi. Sau khi lúi húi lượm nhặt những cánh lá bàng khô rơi rụng khắp nơi dồn thành một đồng vun chùn, anh ẵm bé lên lòng thăm thì:

- Anh sắp sửa đi xa. Khi anh đi rồi, em phải ngồi yên trên đồng lá này cho đến khi có người nhà ra kiếm đem về. Em không được kêu, cũng không được chạy theo anh. Đâu, em thử lặp lại anh nghe coi?

Bé còn quá dại để có thể hiểu hết những gì anh muốn nói. Nhưng khi nhìn thấy nét mặt căng thẳng và đôi mắt trũng sâu thâm quầng đang đăm đăm nhìn mình bé mơ hồ đoán biết là anh sắp làm một việc gì đó, một việc gì quan trọng không vui và nhất định không có bé nhập cuộc. Hoàng hốt ôm chặt lấy cổ anh, bé ngửa cổ lên trời kêu la thất thanh:

- Không, không, em không chịu ngồi đây một mình.

Tiếng la bãi bãi của bé vang vọng trong cảnh chiều tà tịch mịch làm anh Khôi có vẻ sợ. Vội vàng ngước mặt lên, anh đảo mắt nhìn quanh. Đặt vội bé xuống đồng lá, anh vùng người đứng dậy. Cặp mắt ráo hoảnh, hai vành môi mím lại chặt khừ, không nói thêm một lời anh hồi hải cất bước chạy đi. Đầu phải tay vừa, bé cũng lập tức vùng dậy băng mình rượt theo, vừa chạy vừa gào:

- Anh, anh ơi, đừng bỏ em! Cho em theo với!

Không dừng chân lại, anh quay đầu nhìn lui, mặt chan hoà nước mắt.

- Đừng la, đừng khóc! Đừng lại liền đi, em!

Mãi về sau khi đã lớn, những lúc hồi tưởng lại cảnh biệt ly chiều hôm ấy bé cũng không hiểu vì sao lúc nhìn thấy đôi mắt đầy lệ lúc thoáng nghe giọng nói rưng rưng theo gió tạt về, bé bỗng nhiên thấy sợ và lập tức dừng chân lại. Khoảng cách càng xa, bóng anh càng mờ, bóng chiều càng sẫm.

Khi cha học tốc chạy ra, ông tìm thấy bé đang nằm giữa giấy giữa đồng lá bàng tanh bành nhàu nát. Lôi bé ngồi dậy, ông sững sốt hỏi:

- Anh Khôi đâu? Sao con lại nằm đây?

Hai mắt nhắm nghiền, mặt mũi tèm lem, toàn thân run rẩy, bé nghẹn ngào lấy tay chỉ theo hướng anh đi. Cha đứng như trời trồng, đôi mắt nhìn theo, nét mặt sa sầm, cặp chân mày nhíu lại. Hình như đêm đó sao cũng mờ và trắng không có. Trong bóng tối nhập nhoè cha vác bé lên vai, dò dẫm trở về. Sương mù phủ xuống, cảnh vật chung quanh nhể nhại, tóc tai mặt mũi bé đầm đìa cả nước. Suốt đêm, mọi người trong nhà không ai buồn đi ngủ. Họ thì thào thì thọt ra vô, chân bước khẽ khàng, nói năng không thành tiếng. Cửa để mở hé, trong ngọn đèn dầu đặt trên bàn thờ cái tim đèn được vặn cao hơn và để cháy cho đến sáng. Một mình trong gian phòng nhỏ xíu, bé gào khóc cho đến khi mặt trời lên. Những ngày sau lang thang ngoài vườn, bé lủi thủi chơi với đồng cát và với những chiếc vỏ sò vỏ ốc mà anh đã tỉ mỉ lượm lặt để dành đầu từ lâu lắm rồi. Vậy là anh đi, đi luôn, đi biệt, đi mất tăm mất tích. Trong khi bé cứ phải tiếp tục sống giữa một nơi chốn mà kể từ lúc mới ra đời bé chỉ có anh là thân cận, là gần gũi, là nguồn an ủi, là nỗi mến yêu. Chồng sách cũ, khung giường trống, cái ghế dựa đóng đũa kê tựa hành lang là chỗ anh thường ngồi ru bé ngủ. Là tất cả những gì anh bỏ lại. Là hình ảnh gập ghềnh, là dấu vết đục đẽo, là lối mòn rúc rỉ đào khoét cõi lòng bé đêm ngày.

Đến tuổi đi học, bé tới trường với tâm trạng gập ghềnh sỏi đá. Bình thường sao được? Một chiếc lá rơi đã là một gọi nhớ thiết tha, một đùn đất xốt xa, một nùi kéo điên cuồng! Đồng lá bàng anh lượm lặt dồn đồng cho bé ngồi, đôi mắt anh quay lại ngập nước, giọng nói rưng rưng theo gió tạt về một chiều nào trong ngõ tối đầy sương. Thì cuộc chơi nào mà không dang dở? Thì trận cười nào mà không đứt đoạn? Cứ vậy bé sống, xiêu qua đổ lại, khi vấp vờ lúc tỉnh táo như một người tàn tật. Cứ nhất định chỉ đặt một chân trong cuộc đời để bước đi nhìn mọi người khác còn chân kia thì khư khư thu lại làm vốn, chực chờ chạy theo anh.

Khi chiến tranh lan rộng gia đình bé sơ tán trở về quê nội, trú ngụ trong gian nhà từ đường tại một làng xa, ở Huế. Cũng một buổi chiều giữa lúc đang mải mê chơi trò cút bắt với anh em và lũ trẻ con hàng xóm, thỉnh thoảng bé nghe tiếng cha gọi. Biết tánh ông nóng nảy, nhưng cuộc chơi đang tới hồi hào hứng bé cứ việc... tăng lờ. Khác với những lần trước, luôn luôn ra lệnh bằng cách phẩy phẩy ngồi yên vị tại chỗ, đặc biệt hôm đó cha lại tự mình băng bộ chạy bay ra vườn. Vừa nhác thấy bóng bé cha vươn tay ra vỗ lấy, lôi bừa bé vào nhà. Vừa bước tới ngưỡng cửa, chưa chi cha đã kề miệng vào sát vành tai bé, lập cả lập cập nói:

- Ra sau vườn chè! Đi liền lập tức?

Ngạc nhiên, bé mở lớn mắt nhìn cha. Để làm gì và để gặp ai? Không đợi bé kịp mở miệng hỏi, cha vung cánh tay lên, xô mạnh bé ra ngoài. Loang choạng đứng đây, bé ngờ ngác quay mặt nhìn lui. Vẫn tiếp tục nép sát người sau cánh cửa ra vô, cha lấy tay xua lia xua lia. Về mặt khẩn trương, ánh mắt van vãn, hai vành môi tái ngắt, bàn tay run rẩy...; tất cả mọi thứ nơi cha đủ sức báo hiệu một sự việc vừa hiểm nguy vừa cấp bách vừa vô phương tránh né. Tuy bối rối lo âu và không hiểu mô tê gì hết, bé vẫn phải liu diu vâng lời cha dạy.

Hai chân đã bước đến cuối vườn mà bé vẫn chưa phát giác ra được điều gì khác lạ, cũng không hề thấy có bóng dáng ai lai vãng ở khu vực đó. Chẳng lẽ quay vô? Có lý nào cha lại bỏ phí công lao cho một việc làm vô ích? Nếu bé nhớ không lầm thì với bầm tánh khó khăn, xa cách hình như chưa bao giờ bé có dịp may mắn được nhìn thấy cha chịu mở miệng ra đùa cợt với bất cứ ai. Mà đùa cợt sao nổi với ánh mắt nản nỉ và vẻ mặt hốt hơ hốt hải như vậy? Thôi, đã ra lờ cứ liều tiến thêm vài bước nữa, xem sao. Tới trước bụi chè già có tàn lá rậm phủ loà xoà xuống tận mặt đất trông kể càn cái mương đào, bé dừng chân lại.

Đang dùng dằng lờ ngó, bé chợt nhìn thấy sát sạt bên bờ vai bé có một cánh tay ai đó vươn ra. Chưa kịp tháo chạy thì cả con người tí hon của bé đã bị nguyên cánh tay đó chụp trúng. Đồng thời một cánh tay khác cũng le lèng đưa ra, xoè rộng năm ngón, bịt kín miệng bé lại. Bé vùng vẫy, chời đáp, cắn xé, thoi lui; đã không thoát ra được, đành rồi, bé còn bị hai vòng tay lạ kéo tọt vào giữa vòm cây đồng thời bị nhấc bổng lên cao. Mặt bé tê đi, người bé co rúm lại, miệng bé ú ớ liên hồi. Đã tưởng ngắt đi rồi, may sao bé thoáng nghe một giọng nói:

- Thanh! Anh đây mà?

Trời đất, giọng nói của anh Khôi! Bao nhiêu ngày bao nhiêu đêm nhớ thương chờ đợi, khắc khoải kiếm tìm. Sao anh lại đứng đó và từ đâu anh đến? Hay, phải chăng anh đã chết và người đang ẵm bé trong vòng tay chỉ là một bóng ma vất vưởng hiện hồn về từ chín tầng địa ngục? Mặc kệ! Dầu anh là ma hay là người, bé không buồn thắc mắc cũng không buồn sợ hãi. Miễn sao có anh kề cận ngay bên cạnh là bé thỏa mãn rồi. Sung sướng quá, bé kêu la rồi rít:

Anh anh! Anh đi đâu mà lâu đến vậy? Em nhớ anh quá trời quá đất!

- Anh, anh! Anh đi đâu mà lâu dữ vậy? Em nhớ anh quá trời quá đất !

Ôm ghì lấy bé hôn lấy hôn để, anh trả lời giọng nhỏ như cơn gió thoảng qua:

- Đừng la to! ở lại đây với anh.

Hiển nhiên là bé phải ở lại. Vì tận thâm tâm bé đâu còn thèm khát hay ao ước một điều gì khác ngoài chuyện được ở lại, được ở gần, được sống đời sống kiếp với anh. Rúc đầu sâu vào trong cổ áo anh, bé hít lấy hít để mùi mồ hôi pha mùi bụi đất mà anh đã mang theo về từ những góc bể chân trời đồi núi xa xôi. Say sưa bé quên hết. Quên tiếng cười đùa của lũ trẻ trước nhà, quên tiếng dao thớt trong bếp, quên ánh đèn dầu đã thắp thò rọi qua khe cửa gỗ. Vòng tay anh càng siết chặt chừng nào, bé càng để mê để yên trí nghĩ rằng: bé lại có anh, in hệt thuở thanh bình hoa gấm ngày nào. Than ôi! Sự đời đâu có suôn sẻ và xuôi chèo mát mái như ý nghĩ đơn sơ của bé ở thời xa xưa đó. Bằng chứng là cuối cùng anh vẫn rời tay ra, thả bé xuống đất.

- Thôi! Em vô nhà đi!

Bé phải vô nhà một mình, còn anh? Tại sao anh ở lại? Hay là anh lại tính chuyện sẽ ra đi lần nữa? Một lần xa anh bé đã tổn đến già. Lần này, không! Nhất định, không! Bé sẽ ra sức ra tay giữ lấy anh, giữ rịt giữ hoài giữ cho đến chết. Nghĩ sao làm vậy, bé gồng mình lên, kéo rộng hai vạt áo anh ra xoắn tròn đến mấy vòng chung quanh hai nắm tay nhỏ xíu của mình rồi mới chịu hạ rộng miệng, la lớn:

- Không, không, anh không được đi?

Ngồi xổm xuống đất, kéo vạt bé vào lòng, anh lên tiếng dỗ dành:

- Suy! Em không được la! Em la lên là anh bị bắt liền. Nghe lời anh, vô nhà ngay đi và đừng khóc lóc nữa.

Giật mình, bé thần mặt ra như vừa bị ai hớp mất hồn. Tại sao anh sợ bị bắt? Mà sợ bị ai bắt? Không hiểu ắt giáp gì hết, nhưng vì quá thương anh bé bậm môi ngậm cứng miệng lại. Vẫn tiếp tục ép đầu mình sát sạt vào người anh, bé tiếp tục khóc... thắm. Tủi hờn. Hậm hực. Đau khổ. Ai oán. Giữ yên khuôn mặt bé trong hai vòng tay nóng hôi hổi, anh ngồi lặng lẽ. Qua bóng chiều chạng vạng, bé ngược nhìn lên để thấy rõ hai hốc mắt anh cũng long lanh đầy nước. Rốt cuộc lại, anh vẫn đi. Lóng còng, lật bật gỡ đôi vòng tay níu kéo của bé, anh lùi chân lại. Lùi dần lùi dần, vừa lùi vừa chường mắt lên nhìn bé không chớp. Trời ơi! Cái nhìn, ánh mắt chiều hôm đó! Những gì anh muốn nói, những gì anh muốn gởi lại hoặc muốn mang theo? Là một nỗi mất, là một nỗi còn! Là một lần chối bỏ đời đời, là một phút chia xa biệt biệt hay chính là một lời hò hẹn đến trăm năm? Tủi thân, bé khóc nức lên, đưa tay bụm lấy mắt. Một tiếng động vang lên, bé thả vạt tay ra để còn kịp nhìn thấy anh đang cất mình nhảy qua cái mương sâu, biến mất trong khu vườn kế cận. Bé đứng chết sững, toàn thân tê liệt không biết làm cách nào chạy theo cho kịp mà cũng không dám lên tiếng gọi anh trở lại. Đêm sâu dần, gió lạnh từ rừng xa thổi về cơn nẩy rồi cơn khác. Tiếng sâu bọ muỗi mòng đồng loạt cất lên. Tiếng ếch nhái ừ ừ kêu rền từ bốn phía đồng ruộng. Bé vẫn đứng, trơ trọi giữa khu vườn vắng, đôi mắt mờ dờ theo hướng anh đi. Từ dạo ấy cứ mỗi buổi chiều về khi thoát nghe tiếng côn trùng rền rĩ, bé lại lần mò ra đứng đợi ở vườn sau lòng thấp thỏm cầu mong thấy bóng anh trở lại. Nhưng chiều đi đêm tới, ngày qua tháng lại trong khu vườn ấy mãi mãi chỉ in hình mỗi chiếc bóng của bé. Hiu hắt với bóng chiều, xiêu dỗi trong gió lạnh, chấp chờn giữa vùng ánh sáng chớp tắt của đàn đom đóm.

Sau hồi cư gia đình bé trở về sinh sống tại Nha Trang. Bé cấp sách tới trường. Con đường học vấn với mười mấy năm làm thân con gái! Có biết bao sôi nổi hứa hẹn để bé phải kiếm tìm đắp xây và chờ đợi. Nhưng dầu xây dầu đắp, dầu kiếm tìm dầu chờ đợi, dầu xoay ngang trở dọc, dầu cố tình đắp điểm chốt bỏ xô đẩy lẫn tránh cách nào thì tận dưới đáy vũng lầy sâu kín và riêng tư nhất của cõi lòng bé, hình bóng anh vẫn ngang nhiên ngự trị như thường. Trong ngôi nhà đó, giữa thành phố đó, trên bờ biển đó; một dáng núi xa xa, một cánh buồm mờ tỏ, một vỏ ốc lạc loài với mọi người là cảnh vật vô tri nhưng với bé là một nỗi nhớ thê lương, một trở về dấn vật, một dĩ vãng đứng lại đời đời.

Giữa tình trạng lấp lửng say tình đúng sai, bé vẫn sống. Sống một mình và sống với mọi người. Cũng lớn lên trong đà sống chung và riêng. Để có một ngày bé sức nhớ rằng: mình phải lập gia đình. Như mọi người đàn bà con gái khác. Chứ chẳng lẽ đợi chờ anh hoài? Biết anh còn hay mất? Biết chờ đợi đến bao giờ?

Vậy là Thanh lấy chồng. Để được như mọi người và để được yên thân một đời. Với Thanh chuyện lấy chồng, sanh con đẻ cái rồi ung dung ngồi đợi thời gian trôi là chuyện đương nhiên phải đến như ngày đi đêm tới.

Chiến cuộc 75 giúp Thanh cơ hội thấy rõ chân tướng cuộc đời, thấy luôn đoạn cuối số mệnh của riêng nàng.

Một ngày cuối tháng tư, lúc từ bến xe miền Trung trở về sau những giờ dài ngong ngóng tìm kiếm thân nhân trong đoàn người chạy loạn, Thanh tìm thấy mảnh giấy nhỏ: "Anh đã gặp anh Thân tại phi trường. Chuyến bay do anh Thân lái sẽ cất cánh trong nửa giờ nữa. Anh trở về đem con và em theo. Em đi vắng, anh đành phải dẫn con đi..." Vậy là chồng Thanh đi mất với đứa con độc nhất. Thanh ở lại một mình trong gian nhà hiu quạnh, giữa hoàn cảnh hỗn loạn đảo điên. Một buổi chiều đang ngồi bó gối, thỉnh thoảng Thanh nghe có tiếng gõ cửa. Cánh cửa lớn mở ra, một bóng người xuất hiện. Một giọng nói oà lên giữa ánh nắng ban mai:

Thanh ơi! Anh đâu, anh Khôi

- Thanh, em! Anh đây: anh Khôi.

Giọng nói đó và âm thanh đó...

Đêm lại, trong gian nhà vắng vẻ anh với Thanh đối mặt. Lần đầu tiên giữa một không gian khép kín, đặc biệt chỉ có sự hiện diện của hai người. Riêng biệt. Kín đáo. Thoả thuê. Đồng lõa. Đã biết bon chen, đã trở thành chai sạn, đã đủ khả năng "bòn tro đãi trấu" gỡ gạc lại phần nào sự lỗ lã thua thiệt của phần đời trước, Thanh còn sợ ai sợ gì để không dám "thấu cáy" luôn con bài cuối cùng?

Mấy tuần sau anh trở ra Bắc, ba tháng sau trước kỳ hạn anh vào thăm mấy bữa, Thanh âm thầm theo đoàn người vượt biển ra khơi. Bé Khả ra đời trên một hải đảo xa xôi. Anh không biết và sẽ không bao giờ được... biết. Đầu có ích lợi gì, vì đã có lần Thanh nghe anh ủ ê tâm sự:

- Hồi đó, anh đi vì anh biết nếu còn ở lại thì trước sau gì anh cũng lấy em... làm vợ.

Làm vợ! Ồi thôi! Trời xa đất thăm biến đi đâu sạch bách cả rồi! Biết làm cách nào một khi anh với Thanh vốn xuất thân cùng một nguồn gốc: anh là con ông bác còn Thanh là con ông chú. Đó là lý do anh đi, bần bật đến mấy chục năm trời? Cái tròng treo giữa anh với Thanh làm anh suốt đời vừa bồn ba chạy trốn vừa bươn bả kiếm tìm. Là cái tình máu mủ trớ trêu, là cái nợ gối chần nôn nả. Vậy mà cuối cùng cái ảo ảnh hoang đường vẫn dẫn dắt anh trở về và cái vòng định mệnh nghiệt ngã vẫn xui khiến Thanh đứng lại đợi chờ. Để cùng nhau nhắm mắt buông tay đi lòng vòng trở lại điểm khởi đầu. Cái điểm mà, đã có một ngày anh trốn chạy, đã có một lần anh quyết liệt chối từ để phải cắn răng đánh đổi bằng mấy mươi năm biến biệt cách xa. Đó là đoạn đường anh đã qua. Đó là cái giá anh đã trả. Dầu gì thì anh cũng đã qua, dầu gì thì anh cũng đã trả. Đã chạy bằng nước mắt thâu đêm, đã trốn bằng nhớ thương mòn mỏi, đã đánh đổi bằng chính máu xương đa thịt của mình. Chừng ấy thứ, chừng ấy năm, Thanh còn nỡ lòng nào!

Thôi thì, Thanh phải đi cho anh được thoát nợ. Dầu Thanh biết rõ rằng: đi là hết. Là anh với Thanh mỗi người mỗi ngã. Là anh với Thanh mỗi kẻ một phương trời.

MỘT THỜI ĐI HỌC

Từ báo Việt ngữ đầu tiên tôi mượn được kể từ ngày chiếc thuyền tị nạn mang tôi tới quần đảo Nam dương có đăng tin: nhà văn T .T. G. tự sát trong trại học tập. Sự suy luận vốn vẫn có thói quen... suy luận theo những gì tôi muốn bảo rằng: tôi đọc lầm hoặc tờ báo đăng tin không chính xác. Nhưng tại sao hai bàn tay tôi vẫn cứ run lên cho đến nỗi tờ báo mang tên “Thời Tập” tự động rớt xuống đất. Như một bao cát ướt, tôi thả rơi người xuống chiếc giường gỗ sau lưng. Nước mắt tôi âm thầm chảy ra, giọt này theo giọt khác. Cứ để mặc cho nước mắt tha hồ tuôn chảy, tôi nằm yên ngược mặt lên nhìn bầu trời xa thăm thẳm, xuyên qua những lỗ thủng dột nát của mái lều. Đôi mắt lần theo những ánh sao xa, tôi thê thiết hồi tưởng lại khung trời đã mất. Một khung

trời nơi đó tôi đã sống qua những ngày tuổi trẻ êm đềm: có thân nhân, có bè bạn và có cả thầy T.T.G. Hình như vào khoảng giữa năm 56 hay 57 thầy T.T.G. bắt đầu dạy học ở trường V.T., một ngôi trường công lập độc nhất của tỉnh N.

Lớp đệ tam C (Đệ tam Văn Chương) là lớp học được thầy G. xuất hiện đầu tiên. Ở thời điểm đó, sau khi đậu trung học đệ nhất cấp học sinh có ba con đường chọn lựa: loại giỏi Toán theo ban B, loại chăm học vào ban A (ban Văn vật), loại láo nháo còn lại vì có khiếu văn chương vì tự biết mình không muốn “gạo” bài hoặc vì ... không có khiếu nào hết thì dồn đại vào ban C. Lớp đệ tam là lớp mở đầu chương trình đệ nhị cấp, đã không phải lớp thi đã là tổng hợp của một thành phần “xà-bần” hỗn tạp đành rồi, khi leo tới cấp 2 chúng tôi bắt đầu đi vào tuổi lớn, lứa tuổi biết chống đối biết sống lập dị và biết yêu đương. Chuyện trai gái học chung một lớp cũng có góp công vô việc giúp chúng tôi... nổi tiếng. Nổi tiếng với đủ thứ lý do: vô trật tự, “cúp cua” nhiều, bồ bịch lăng nhăng và nhất là... học dốt. Thuở ấy, đối với cả lớp và đối với riêng tôi, lớp học không phải là chỗ chỉ dùng riêng cho việc học mà còn là một nơi chốn để hò hẹn và để tụ họp vui chơi. Chúng tôi tới lớp học hành qua loa, thời gian còn lại dùng vào việc tán gẫu, nô đùa, làm thơ và viết thư tình. Ông Hiệu trưởng hăm he, giáo sư bất mãn, thông tin bạ tời tệ..., những điều vặt vãnh đại loại không bao giờ được chúng tôi đếm xỉa đến. Rốt cuộc lại nhà trường đành thả lỏng. Họ không còn biết phải áp dụng thứ kỷ luật nào nữa vì trong cuộc chơi

chúng tôi sát cánh nhau thành một khối đồng nhất. Niên học càng đi sâu, giáo sư càng nhượng bộ, chúng tôi càng ngang ngược: giữa giờ học có đứa mở cửa sổ phóng ra sân, giữa giờ thi có một bầy tụ tập cuối lớp đánh bạc ăn tiền. Thầy G. xuất hiện giữa lúc tinh thần học hỏi của chúng tôi đang trên đà tuột dốc đến độ đã có đứa dám cả gan đến lớp chỉ với mái tóc bông bông và hai bàn tay... không.

Tôi còn nhớ chiều hôm ấy, một buổi chiều đầu đông có gió rét thổi mạnh từng cơn dài ngoài khung cửa. Tiếng chuông vào lớp vang lên đã lâu mà vị giáo sư Việt văn vẫn chưa thấy xuất hiện. Vậy là hè nhau chúng tôi chia bè kết đảng, đứa ngâm thơ, đứa ca hát, đứa đánh bài, đứa chuồn ra sân, đứa trốn ra về. Thầy Điểm (Tổng giám thị) học tốc bước vào giữa không khí tưng bừng, sôi động như chợ vỡ. Thật đúng là một kẻ chuyên đóng vai “kỳ đà cản mũi” sau khi báo tin thầy Hà thôi dạy, thầy Tổng hằng hái báo luôn tin thứ hai: vị giáo sư mới đã có mặt rồi. Cụt hứng, một anh bạn ngồi tận cuối lớp lên tiếng phê bình:

- Tên nào đó? Có gì quan trọng đâu mà phải gấp gáp dữ thần vậy?

Một giọng mất dạy khác phụ họa theo:

- Phải rồi! Trâu bò mất học!

Trả treo kiểu đó, thật đã giận hết chỗ nói! Chúng tôi hả hê, rú lên như bầy heo bị thọc huyết. Tiếng đập bàn, tiếng huýt gió, tiếng la ó đồng loạt nổi lên ồn ào hỗn độn y hệt một trận đánh lộn có nhiều người cùng lao vô nhập cuộc một lần. Giữa lúc thầy Tổng đang bối rối

vì không biết phải xoay xử cách nào thình lình cánh cửa kính mở ra: người giáo sư mới bước vào. Đóng cửa xong, thầy G. xoay người lại. Đứng thẳng, cái túi xách trên tay thả thòng xuống đất, đôi mắt sáng quắc đảo qua mọi khuôn mặt học trò. Mãi đến giờ phút ngồi viết lại những dòng chữ này, tôi cũng chưa hiểu tại sao lúc đó chỉ với một cái nhìn của thầy G. mà tinh thần của cả lớp bị trấn áp tức thì. Mọi cái miệng đều ngậm cứng lại, mọi cánh tay bị thả rơi xuống, mọi bàn chân bị kéo bừa về. Trên một trăm con mắt tinh quái banh ra, dán chặt lên khuôn mặt người thầy vừa xuất hiện. Thầy Tổng cũng đứng yên miệng há hốc, thầy có vẻ không tin khi nhìn thấy tận mắt cái im lặng họa hiêm, cái trật tự bất ngờ có thể coi như lịch sử của bảy “nhất quỷ nhì ma” đang ngồi trước mặt. Không khí lắng đọng và căng thẳng kéo dài, hồi hộp nặng nề. Cuối cùng, giữa lúc không ngờ nhất thầy G. bất thần quay mặt đi, từ từ tiến tới trước, không hướng về phía bàn giáo sư mà hướng về khung cửa sổ mở rộng. Đứng dựa bên thành cửa thầy khoanh tay lại, đưa mắt nhìn trời. Chúng tôi dõi mắt nhìn theo. Bàng hoàng. Ngớ ngẩn. Thầy Tổng thì có vẻ như đang mơ ngủ. Mãi sau, có lẽ sức nhớ lại cái địa vị của mình, thầy Điểm đưa tay hướng về người giáo sư mới, hấp tấp giới thiệu:

- Đây là thầy T.T.G. , một nhà văn đồng thời một nhà báo nổi tiếng ngoài bắc.

Thấy chúng tôi vẫn im lặng ngoan ngoãn ngồi nghe, thấy thầy G. vẫn thản nhiên đứng bên cạnh cửa sổ, địa vị Tổng giám thị trong lòng thầy Điểm bỗng nhiên bùng

sống dậy. Thầy thấy cần phải lợi dụng giây phút thiêng liêng đó để làm một cái gì: phải bắt buộc chúng tôi nghe lại bài học luân lý muôn đời, để ít ra có một lần trong đời chúng tôi còn biết thế nào là bốn phận của kẻ làm học trò trước “cửa Khổng sân Trình”. Vậy là thầy Tổng bắt đầu lên giọng, hùng hổ, hăng say y hệt một diễn giả được sanh ra đời với cái tài hùng biện trời cho.

Phần tôi, tôi ngồi đó nhưng hình như tôi đã bỏ qua hết mọi sự việc chung quanh, không nhìn thấy bạn bè không nghe những gì thầy Tổng nói mà chỉ nhìn thấy một mình thầy G. đứng bên cạnh cửa sổ mắt dõi nhìn hàng thù dương dài dằng dặc ở cuối sân trường. Thầy thấy gì qua cảnh rừng cây trước mặt? Thầy nghe gì qua tiếng sóng biển rì rầm xa xa? Trong say sưa tôi lặng lẽ chiêm ngưỡng thầy: ngắm dáng thầy đứng, nhìn bộ áo thầy mặc, quan sát đôi dày thầy mang trong chân. Có lẽ vì thói quen thích vẽ vời hay vì dựa theo óc tưởng tượng quá đáng tôi có mơ màng nhìn thấy nơi thầy một vẻ gì vừa bất cần vừa bạt mạng bằng bạc toát ra từ mái tóc không chải, từ màu áo ố vàng, từ lớp da dày sần sùi phai lạt. Không đứng, tôi sung sướng và cũng không hiểu rõ vì sao mình sung sướng.

Thầy Tổng hoàn tất tốt đẹp bốn phận “ngàn năm một thuở” và ra khỏi lớp một lúc lâu thầy G. mới nhẩn nha quay đầu lại. Nhìn thấy bàn giáo sư trống trơn, nhìn 60 khuôn mặt đăm chiêu của bầy học trò ngồi dưới thầy có vẻ giật mình. Lìa khung cửa sổ, thầy từ từ tiến tới, bước lên bục gỗ. Chúng tôi vẫn ngồi cứng ngắt như tượng đá. Bất thần, miệng thầy mở ra: một nụ cười xuất

hiện. Ánh mắt thầy xa xôi và hoang vắng chừng nào thì nụ cười của thầy lại thân thiện và gần gũi chừng đó. Trong tôi, nỗi e sợ ban đầu loăng đảnh đi nhường chỗ đứng cho một thứ cảm giác lâng lâng thoải mái. Mở cái sách tay bằng ni-lông, thầy lôi ra đủ thứ linh kinh: sách, vở, giấy, viết v.v. Thứ nào cũng cũ kỹ, nhăn nhoe, không bao không bọc. Đùn tất cả mọi thứ thành một đống trước mặt, thầy bắt đầu lên tiếng:

- Các bạn đã nghe thầy Tổng nói về tôi.

Giọng nói rõ ràng, ấm cúng, khi cao khi thấp. Mấy mươi khuôn mặt háo hức ngược lên, ngóng chờ. Đúng lúc đó, thầy dừng lại hướng cái nhìn ra khoảng trời rộng bên ngoài. Rồi, cũng bất ngờ như lúc quay đi, thầy quay lại:

- Xin lỗi các bạn. Về tiểu sử của tôi ... thật ra, từ “tiểu sử” quá long trọng, tôi đang cố tìm một từ ngữ khác sát nghĩa hơn với những gì tôi có. Cho phép tôi được tóm tắt tất cả trong một câu: trong dĩ vãng, tôi đã có viết báo, viết sách và dạy học. Tôi vừa dùng chữ “đã”; đã có nghĩa là đã làm, đã qua chứ không bao hàm ý nghĩa to lớn hay vĩ đại gì.

Cả lớp cùng bỡ ngỡ. Đã từng cấp sách đến trường tạm gọi nhiều năm, đã từng là học trò của biết bao người thầy, đâu có bao giờ chúng tôi được nghe chính miệng một giáo sư nói về mình bằng những lời mào đầu khiêm nhượng, ý nhị và lạ lùng kiểu đó? Chúng tôi thập thò đưa mắt nhìn nhau. Trên bàn giáo sư, người thầy mới vẫn bình thản nói tiếp:

- Hôm nay, lần đầu tiên bước chân vào trường V.T.,

tôi muốn được mở màn những năm tháng dạy học ở đây bằng lớp đệ tam C này.

Tôi lắc đầu ngán ngẩm, cúi gằm mặt nhìn tập vở mở rộng trên bàn. Tại sao thầy không bắt đầu bằng một lớp nào khác mà lại bắt đầu bằng lớp học “ma chê quỷ hờn” này? Và tại sao nhà trường lại để thầy khai trương bằng một lớp học chỉ có danh hoang đàng và bất trị? Nếu tôi đoán không lầm thì có lẽ tất cả bạn bè trong lớp cũng như tôi đều có chung một nỗi sợ: sợ rằng thầy sẽ đi luôn sau giờ học đầu tiên. Nếu vậy, quả là một điều chúng tôi không muốn. Vì ngay từ giây phút bắt đầu chạm mặt, tất cả những gì có mặt nơi thầy (ánh mắt, nụ cười, giọng nói và cái vẻ bên ngoài... cấu thả) góp chung lại tạo dựng thầy thành một hình ảnh vừa lạ lùng, vừa xa xôi, vừa vô cùng hấp dẫn. Cái mầm mống phản loạn, cái gốc gác buông tuồng trơ tráo của bầy ngựa hoang phải chăng vẫn mãi mãi tha thiết kiếm tìm một anh nài từng trải, khác người và cao tay ấ?

- Trước khi vào đây tôi có nghe nhà trường nói qua về các bạn.

Thầy tiếp tục nói và tôi nôn nóng lắng nghe. Thầy dừng lại, bỏ lửng câu nói nửa chừng. Cả lớp rúng động, sượng sùng. Cái phải đến đã đến rồi đây! Tôi nín thở, đóng tai lên chờ đợi:

- Qua dư luận ban đầu, tôi được biết trong lớp học này có vài anh chị rất có khiếu văn chương. Thật là một nỗi thích thú lớn lao cho tôi.

Từ đâu, trong lồng ngực tôi nghe một tiếng thở dài khoan khoái thoát ra. Nhưng nỗi mừng này đâu có thể

trợn vện khi tôi đoán trước sau gì thầy G. cũng sẽ nói nhiều điều khác nữa. Vì lớp học này đâu chỉ gồm có hai, ba học sinh?

- Xin cho tôi biết ai là N.T.H., Th.T. và N.Đ. S.?

Đưa qua mắt H. , tôi e dè đứng lên. Bên cạnh tôi, H. đứng vụt dậy. S. ngồi tận cuối lớp tôi không biết về mặt S. ra sao lúc đó, nhưng chắc chắn một điều là S. cũng có đứng lên như H. và tôi. H., S. và tôi phải đứng chôn chân một chỗ rất lâu, có nghĩa là thầy G. đã nhìn chúng tôi rất kỹ. Lòng tôi chột tê tái. Thầy phát hiện được gì khi nhìn tận mắt “ba tinh cầu méo mó” của lớp học này? Giữa bấy mù, quả thật ba chúng tôi có đóng vai kẻ chột. Ngoài tài vật, cả ba đều là những học sinh cứng đầu, lì lợm và khó dạy. S. bất mãn với gia đình, phóng túng ở học đường, liêu lĩnh ngoài xã hội; H. buông thả trong chuyện tình, phớt lờ trước dư luận; chỉ có tôi là đứa còn có bề ngoài dễ dạy nhất. Than ôi! Con người đâu phải chỉ cấu tạo thuần bằng cái vỏ bên ngoài? Với cặp mắt tinh anh với cái nhìn như xoáy đậu thật lâu nơi chúng tôi, thầy G. đã phát hiện được những điều mới mẻ và dấu điểm nào nơi bề trái của ba khuôn mặt lơ láo đó? Vậy mà cuối cùng thầy vẫn khoát tay thân thiện:

- Hai chị và S. ngồi xuống. Lúc mới bước vào với những gì đã nghe qua tôi cũng đoán trước ai là H., ai là Th. T. và ai là S. Cũng may, tôi không lầm. Xin cảm ơn cả ba.

Rời mắt khỏi chúng tôi, thầy nhìn xuống cả lớp:

- Ngoài ba người tôi đã nghe và đã thấy, tôi còn được biết nhiều anh chị tuy đầu quân vào lớp tam C này

nhưng vốn liếng văn chương thì mới... bắt đầu. Điều đó không có gì đáng bận tâm cho lắm vì có bắt đầu thì mới có chấm dứt.

Nói đến đó, đôi mắt thầy trở nên mơ màng và giọng nói cũng nhỏ nhẹ hẳn xuống như vừa đổi qua một cung bậc khác, thứ cung bậc thường dùng để tỉ tê tâm sự trong những đêm trường quanh quê:

- Các bạn nên nhớ rằng: Chẳng lẽ suốt đời các bạn không bao giờ thấy cần phải viết một cái gì? Một lá đơn thưa kiện? Một tờ thư thăm hỏi? Năm, bảy lá thư tình?

Một vài tiếng cười khúc khích thú vị cất lên.

- Nếu không trở thành một nhà văn một nhà thơ, thì ít ra chúng ta cũng nên cố gắng để trở thành một người... Việt. Là người Việt, lại là kẻ có cấp sách đi học trên mười mấy năm trời lúc rời trường lẽ nào chúng ta không đủ sức viết suôn sẻ, đầy đủ và gãy gọn một đoạn văn bằng chính tiếng mẹ đẻ?

Dầu không rủ nhau, mọi cái đầu đều gật gù. Với nụ cười khả ái với lối nói chuyện cởi mở có lòng, thầy G. làm chúng tôi cảm động. Nếu không nói là có mơ hồ cảm thấy hối hận, thẹn thùng khi hồi nhớ lại những trò đùa lố lăng mà cả bọn đã hề nhau trở tài ra trong dĩ vãng. Nhìn sáu mươi khuôn mặt bồn thần nhìn sáu mươi đôi mắt có đôi lúng túng, có đôi đỏ hoe, thầy G. biết mình đã thành công. Thầy mỉm cười, hờn hờ mở sách ra.

Bài giảng hôm đó là lối văn tả tình. Thầy bắt đầu thế nào và chấm dứt ra sao thật quả đến giờ này tôi đã quên gần hết, chỉ còn nhớ một điều chắc chắn: hôm ấy thầy đã đặt cả hồn, đã để cả tình lẫn cả tài ba vào từng

lời giảng. Không đủ ngôn từ để diễn tả hết cái hay cái đẹp lẫn sự tài tình khéo léo của tất cả những gì được nghe hôm ấy, nhưng tôi vẫn cảm thấy rõ ràng rằng: chúng tôi được nghe như được sờ, được nếm, được nhai, không phải bằng lỗ tai, lỗ miệng, đôi tay mà bằng cả khối óc khát khao, bằng cả con tim chờ đợi và bằng cả tâm hồn náo nức nữa. Chúng tôi như bị lôi cuốn đi kéo bừa đến một bến bờ xa lạ, một bến bờ không có thật ngoài đời vì ở đó chỉ có hoa, có suối, có tiếng điều căng gió, có tiếng văng đưa em. Là chỗ mơ, là đất mộng đời. Là nơi chốn từ lâu chúng tôi quờ quạng kiếm tìm mà không thấy. Nơi chốn đó, thầy G. đã mở ra cho chúng tôi ồ ạt tiến vào, dẫu chỉ vào trong phút giây ngắn ngủi. Tiếng chuông báo hiệu buổi học chấm dứt vang lên, chúng tôi giật nảy người. Bàng hoàng tiếc rẻ như vừa bị lôi đầu dây giữa lúc đang mê trong một cơn mơ quá đẹp. Ba giờ ngồi yên chăm chỉ nghe bài cũng chính lần đầu tiên chúng tôi phát hiện ra thêm một khía cạnh nữa trong con người đa dạng của mình: té ra, ở một xó xinh mốc meo nào đó chúng tôi vẫn còn giữ được một chút gì khả dĩ tượng trưng cho sự đứng đắn gương mẫu của kẻ làm học trò. Tiếng giảng bài chấm dứt, chúng tôi vẫn tiếp tục ngồi yên khoanh tay chờ đợi. Chờ đợi gì? Chúng tôi cũng không biết. Trên bàn giáo sư, thầy cũng im lặng. Thầy trò nhìn nhau. Mãi cho đến khi chúng tôi rục rịch lôi cặp vở ra về, thầy mới đưa tay lên ra dáng ngăn cản lại:

- Cho tôi xin thêm năm, mười phút nữa. Qua mấy giờ làm việc chung, có lẽ các bạn đã hiểu phần nào về

tôi, về chuyện dạy và về những gì tôi có. Để có thể dễ dàng thông cảm nhau hơn, xin cho tôi cái may mắn được tìm hiểu lại về các bạn.

Tất cả mọi bàn tay đều dừng lại, ngỡ ngàng. Tất cả mọi cái miệng đều mở ra, dợm nói. Bằng cách nào, thầy tìm hiểu chúng tôi? Từ góc cuối, nơi tụ họp các anh nam sinh lớn tuổi nơi đầu não của hầu hết mọi cuộc nổi loạn trong lớp, tôi có nghe loáng thoáng vài tiếng xì xầm nhỏ nhỏ. Nếu là thầy Hà hay bất cứ một giáo sư nào khác nói lên câu đó thì chắc chắn các bạn tôi sẽ phản ứng lại bằng những tiếng la ó hỗn hào hoặc bằng những tiếng huýt gió xác xược, nhưng hôm đó người nói lại là thầy G. Phản ứng trong tôi cũng như trong bạn bè không phải là một nỗi phản loạn thường ngày mà lại là một nỗi lo sợ mênh mê. Nỗi lo: làm buồn lòng thầy. Nỗi sợ: làm thầy thất vọng.

Chúng tôi ngây người ra, mặt mày ngẩn ngơ in hệt một bầy ngáo. Thầy rời ghế tiến đến bảng đen lấy phấn viết: “Hãy lựa một trong hai đề tài sau đây:

Tả một buổi chợ tan.

Tả một sân ga vắng.

Ngày nộp bài: thứ sáu tuần sau.”

Chúng tôi len lén day qua trở lại, lố mốt nhìn nhau. Có tiếng thì thầm ở phía sau, rồi anh Đông (trưởng lớp) rụt rè đứng dậy:

- Xin thầy cho phép em được phát biểu ý kiến.

Thầy nhoẻn miệng cười, khích lệ:

- Anh cứ nói tự nhiên! Tôi xin nghe.

- Thưa thầy, bài giảng hôm nay là lối văn tả tình, đề

tài thầy ra lại thuộc loại tả cảnh; chúng em sợ... sẽ không làm nổi.

Chấp hai tay sau lưng đi qua đi lại, thầy từ tốn trả lời:

- Cũng vì lý do anh vừa nói mà tôi cho hai đề tài đó. Các bạn cứ làm như khả năng mình có. Khi chấm bài, tôi sẽ biết là tôi nên bắt đầu thế nào và từ đâu.

Anh Đông ngồi xuống, nhưng chỉ một chốc sau lại đứng lên ấp úng:

- Các bạn quanh đây nhờ em thưa lại với thầy rằng: phải chi thầy cho chúng em tả một buổi chợ đông hay tả cái sân ga lúc tàu đến thì còn... tương đối dễ, chứ nếu phải tả “buổi chợ tan” hay tả “cái sân ga vắng” thì quả... vượt quá xa khả năng sẵn có của chúng em.

Đến đó, giọng nói của anh Đông bỗng trở nên cà lăm cà cặp:

- Thưa thầy, cái chợ... không người cũng như cái sân ga mà con tàu đã đi mất thì có thể coi như hết sạch rồi, đâu còn gì nữa để chúng em ... tả?

Cả lớp vùng cười lớn. Tiếng cười đồng loạt đầu tiên kể từ lúc thầy có mặt. Một tiếng cười đồng đều, hiền hoà và an phận. Thầy cũng cười, nụ cười thông cảm rộng lượng. Dầu cố gắng giữ gìn cách mấy tôi vẫn úp mặt xuống bàn, cười lên sặc sụa. Bên cạnh tôi, H. ré lên như bị ai chọc lét. Cười đã đời vừa ngóc đầu dậy tôi chứng hửng, thầy G. đã đứng sừng sững trước mặt tôi từ lúc nào rồi.

- Th. T. và chị H. vui lòng trả lời hộ tôi câu hỏi này: đề tài tôi ra như vậy các bạn trong lớp có đủ khả năng

làm hay không?

Tôi nhúu mày lại, bậm môi suy nghĩ, cuối cùng gật đầu nhẹ nhẹ. Thầy nói nhỏ:

- Cảm ơn Th. T. Còn chị H.?

H. đứng phắt dậy:

- Thưa thầy, nhất định được. Nếu không làm nổi một trong hai đề tài đó thì chúng em đâu còn xứng đáng là học sinh ban văn chương nữa. Em tin chắc rằng thế nào thầy cũng đã có nghe qua danh tiếng của lớp học này: chúng em toàn là những nhà “nghệ sĩ chân chính”. Xin thầy an tâm. Các bạn trong lớp sẽ nộp bài đúng ngày.

H. đã “tếu” lại dạn dĩ, sắc bén và rành tâm lý nữa. Được khoác đại danh hiệu nghệ sĩ lòng tự ái của cả lớp từ lâu ngủ quên bất ngờ được đánh thức dậy. Mọi khuôn mặt trịnh trọng hất lên cao, mọi cặp mắt đờ đẫn bỗng chốc trở nên mơ màng, tiếng xì xầm im bật, lời kêu ca của anh Đông cũng ngừng hẳn lại.

Thầy G. cảm ơn H. , hăng hái nhìn xuống cuối lớp.

- Anh S., xin cho chúng tôi nghe ý kiến!

Người tôi run lên, bấn loạn. S. nổi tiếng bất cần đời ngay từ thời còn ngồi ở lớp đệ thất (lớp I trung học) nếu lần này với thầy mà S. vẫn tỏ ra ngổ ngáo thì tôi sẽ buồn bã vô cùng. Buồn cho thầy và buồn cho cảm tình từ lâu tôi đã ưu ái dành cho S. nữa. Cả lớp im thin thít, nhịp tim tôi đập loạn xạ, thầy cũng có vẻ đợi chờ. Một lúc... Một lúc thật lâu mới có tiếng S. vang lên lễ phép:

- Cho phép em được trình bày ý kiến của riêng mình: Xin thầy cứ giữ nguyên hai đề tài đó, ai suy nghĩ được gì thì cứ viết ra giấy còn ai không suy nghĩ được gì

--

hết thì cứ việc nộp giấy... trắng. Thưa thầy, nộp giấy trắng cũng thể hiện một lối suy nghĩ vì có vậy mới biết rõ là mình hoàn toàn ... bí, vẫn còn hơn là không bao giờ thấy có dịp phải dùng đến bộ óc. Cứ để nó nằm yên trong một xó tối hoài thì thế nào cũng có ngày nó... rỉ sét đi. Em xin dứt lời.

Thầy cười ha hả, nhìn S. gục gặc đầu. H. lấy khuỷu tay húc mạnh vào sườn tôi, miệng tru dài như cái loa có cán:

- Đã thiệt! Đã thiệt!

Tôi lặng người, sương rên. S. đáo để thật. Thảo nào!

Tiếng vỗ tay vang lên. Thầy mau mắn leo lên bàn giáo sư:

- Cho phép tôi nói vài câu lạc đề. Về tiếng đồn xấu dành cho lớp này có lẽ không hoàn toàn vô căn cứ. Tuy nhiên, theo thiện ý của riêng tôi thì cho mãi đến hôm nay giáo sư và nhà trường vẫn chưa có ai chịu khó thử tìm hiểu thật cặn kẽ về con người toàn diện của các bạn. Ngoài xã hội cũng như tại học đường có một loại người khi muốn sửa đổi hoặc rèn luyện nếu cứ nhắm mắt áp dụng bừa bãi cái biện pháp trừng phạt, thóa mạ hay từ bỏ thì không những đã thất bại mà còn bất công và có khi phí phạm nữa. Tôi xin kết luận: tôi hoàn toàn thỏa mãn khi xưng phong nhận dạy lớp học này.

Thầy đứng lên, xách đồ nghề bước xuống bục gỗ:

- Cảm ơn các bạn! Tuần sau mình gặp lại.

Không đứa nào rủ đứa nào, cả lớp đồng loạt đứng dậy. Mấy chục khuôn mặt lặng im bùi ngùi. Mấy chục cái đầu, tóc dài lẫn tóc ngắn thẳng ro như lính trên sân

tập. Mấy chục cái miệng cùng mở ra một lượt:

- Chúng em xin cảm ơn thầy.

Thầy quay lại, đưa tay lên chào, mở cửa bước ra. Khi chúng tôi lục tục ra theo, sân trường đã vắng ngắt. Tận cuối sân sau, người lao công già dừng chổi trở mặt đứng nhìn, nhìn thầy G., người giáo sư lần đầu ông ta thấy mặt, nhìn lũ học trò nổi tiếng ngỗ nghịch lần đầu tiên rời lớp học trễ giờ. Trong cái nhìn dớn dác của ông ta, tôi đọc thấy câu hỏi này: “Ông thầy mới là ai? Ông ta làm cách nào giữ chân được bọn ôn hoàng dịch lệ đó?”

Chiều xuống đã lâu, gió rét thổi mạnh. Trên đường về co ro trong chiếc áo len mỏng, tôi đi như lướt, nhẹ nhàng hứng khởi. Lòng tôi nôn nóng mong chóng đến nhà để bắt tay làm bài luận mới. Qua nỗi nôn nóng hiềm hoi, qua nỗi hăng say không phải lúc nào cũng có, tôi hân hoan bởi móc được chi tiết nhỏ mọn này: thì ra, tôi cũng có... ham học.

Ngay đêm hôm đó đợi cha mẹ và anh em yên giấc, tôi lần mò đi lục tìm tập thơ cũ, tập thơ đầu tay mà tôi đã dành trọn vẹn hai năm trời ròng rã để rì mọ sáng tác nên. Tìm được rồi tôi hăng hái đem ra sau vườn, châm lửa đốt. Ngồi bó gối nhìn ngọn lửa bập bùng liếm dần từng trang giấy mỏng, tôi cảm thấy lòng mình hoàn toàn thanh thản, không gợn lên một niềm nuối tiếc nhỏ mọn nào. Đã may mắn gặp thầy, khi rời lớp học ý nghĩ ban đầu khẩn thiết nhất của tôi là: muốn làm học trò thầy, một thứ học trò đúng danh đúng nghĩa điều kiện đầu tiên tôi phải trở thành một tờ giấy trắng. Hoàn toàn trắng. Vì cả thầy lẫn tôi đều cần có chỗ trống để sắp

xếp vào đó những ý niệm ban đầu đơn sơ và nguyên thủy nhất. Hai chữ "tiểu sử" thầy không dám dùng! Còn tôi, tôi là gì, tại sao tôi cứ khư khư ôm chặt lấy những thứ mình có hay tưởng là mình có. Nhờ thầy, tôi có dịp xét lại mình cho đến khi thoát hẳn kiếp làm người mà lúc nào tôi cũng là một con số không giữa vũ trụ càn khôn; một con số không to lớn trống hơ trống hoác.

Thời gian trôi, trôi mãi. Cuộc sống không dừng lại. Thầy cũng không còn. Chỉ có tôi còn lại đây với tất cả những gì thầy bỏ lại. Như một khoảng đời, như một đoạn phim hiện ra lớp lang cái sau theo cái trước rồi lần lượt qua đi. Qua hết. Cái còn lại chỉ là kỷ niệm. Kỷ niệm tiếc nuối, kỷ niệm ngậm ngùi, kỷ niệm tan tác. Bằng chứng là thầy đã đi: cô đơn, biệt lập. Chúng tôi ở lại, mỗi đứa một phương trời: xiêu lạc, bơ vơ.

Đêm sâu dần. Trên bầu trời cao, những vì sao xa đã lặn mất. Tiếng côn trùng ử ử rả rả khắp sông sau núi trước. Tôi xoay đầu nằm nghiêng cho nước mắt xuôi dòng chảy dài xuống gối. Mường tượng đâu đây trong tiếng giun tiếng dế, tôi có nghe văng vẳng giọng ngâm thơ trong một buổi chiều nào đó:

Một cái búng tay,
Rún trời đã rụng.
Trong giờ rất thiêng,
Trong giờ rất yên,
Trong giờ rất lặng.

Những vần thơ này của ai? Phải chăng, của thầy? Vì lý do nào thầy thích nó? Ý thích lạ lùng đã có một lần trong đời xúi giục thầy đi tìm con đường giải thoát cho

riêng mình? Một lối giải thoát sau cùng theo đúng vận số, khí tiết, con người. Tại một nơi chốn đìu hiu, ở một góc tù quanh quẽ. Than ôi! Chuyện thầy đi thì dầu gì thầy đã đi rồi. Điều đáng nói là dầu thầy đi và đi mãi không về, thì hiện tại nơi tôi còn có mặt, quả đất vẫn cứ hững hờ quay. Và ngày mai khi tôi bừng thức dậy, mặt trời vẫn cứ thản nhiên mọc. Mặc kệ chuyện thầy ở hay đi. Ngay cả tôi, ân tình dành cho thầy có lẽ chỉ còn lại trong những giọt nước mắt này, chảy ra lần đầu trong đêm nay. Và ngày mai và tháng tới và năm sau, tôi sẽ lãng lờ bỏ quên thầy. Cho tro than, cho vùi lấp. Như đã từng bỏ quên biết bao điều đáng nhớ khác. Nếu lãng quên là điều kiện cần cho người sống và cho cả tôi, thì đâu là điều kiện đủ cho linh hồn kẻ bỏ đi? Nhất là với những lần đi không người đưa, không kẻ khóc... Bên cái xác co quắp lạnh tanh của thầy, tôi cầu trời cho có ai bỏ quên một manh chiếu rách hay một nén nhang tàn. Mà chắc gì đã có!

Ngày gặp gỡ thầy, với hai năm dài được thầy dạy dỗ. Trong ngôi trường đó, bên bờ biển đó, có tiếng gió vi vu, có sóng nước rập rình, có cả hình ảnh những con dã tràng chạy loanh quanh trên bờ cát đêm ngày không ngừng nghỉ; để một sáng nằm phơi bộ xương khô dật dờ bên triền sóng.

Tôi nhớ lại, nhớ lại hết, tất cả cùng một lần. Và tôi vùng khóc lớn. Lần này tôi khóc muối mặn, khóc thật tình, khóc cho thầy và khóc cả cho tôi.

BẦU LEO, DÂY BÍ CỬNG LEO

Dung cố gắng đẩy mạnh cánh cửa kính dày rồi thận trọng bước ra ngoài. Trước mặt nàng, bầu trời hiện ra dưới một màu trắng đục nhờ nhờ, không có lấy một tia nắng, dầu chỉ le lói. Hồi sáng, khi Dung rời nhà trời có lạnh nhưng vẫn tanh ráo, mới có mấy giờ đồng hồ trôi qua mà cảnh vật đã hoàn toàn đổi khác. Tuyết lại rơi, rơi tầm tã thành từng dòng thẳng đứng như mưa rớt; một loại mưa không kết bằng giọt nước mà kết bằng những cánh hoa trắng, xốp, có cạnh lấp lánh như sao đêm. Muôn vạn ánh sao kích thước giống nhau, lập lòe, nhộn nhịp, tơi tấp buông xuống đầu từ giữa lưng trời.

Đưa tay hất chiếc mũ trùm đầu lên cao, Dung đảo mắt nhìn thẳng ra con đường trước mặt. Đường cái vắng tanh, không một bóng xe qua lại, chỉ có hai hàng cây trơ trụi, thân cành bao phủ bằng một lớp nước đá láng lẩy, trong veo là vẫn an nhiên đong đưa trong gió. Hai bên đường, nhà cửa đóng cài kín mít. Trước mỗi căn nhà, từng đồng tuyết xếp hàng lô nhô, cái cao nghệu, cái thấp lè tè, xui khiến Dung liên tưởng đến hình ảnh những nắm mồ hoang của người lớn lẩn của trẻ con, từ đời kiếp nào vẫn còn nằm yên tại đó. Còn cái nhà thấp thoáng phía sau xa thì đích thực là căn nhà mồ, trong đó xếp ngang xếp dọc hàng hàng lớp lớp tử thi.

Thế giới của người chết, một thế giới đầy bí ẩn, nhưng lại đi cặp kè với thế giới của người sống. Sống đó, rồi chết đó. Họ, những kẻ đã chết đang làm gì ở thế giới bên kia ? Nào đã có ai biết rõ ? Nhưng chắc chắn một điều là: khi được người sống trình trọng ban cho cái mẻ đay có gắn mấy chữ "tất thổ rồi," kẻ lia đời có thể yên chí lớn: từ đây, mình sẽ đi luôn một mạch. Đi luôn, đi đâu không ai biết, nhưng nhất định không bao giờ thêm trở lại cõi trần thế ô trọc này nữa. Suy nghĩ, hành động, đúng sai, khóc cười... mặc kệ, phú dăng cho người sống.

° ° °

Hôm nay, lần đầu tiên Dung đến làm việc tại viện dưỡng lão tọa lạc trong khu vực xa xôi này. Hồi trưa, lúc Dung đến văn phòng trả lại chồng hồ sơ, vừa nhìn thấy nàng, bà y tá trưởng bỗng có thái độ vô cùng vốn vã:

"Xin lỗi, chị người Tàu hay người Việt?"

"..."

Câu bút bà ta cầm hờ trên tay được thả le xuống bàn. Hiểu ý, Dung tự động xoay người lại cho thẳng thớm hơn trong

BẦU LEO, DÂY BÍ CỬNG LEO

Dung cố gắng đẩy mạnh cánh cửa kính dày rồi thận trọng bước ra ngoài. Trước mặt nàng, bầu trời hiện ra dưới một màu trắng đục nhờ nhờ, không có lấy một tia nắng, dầu chỉ le lói. Hồi sáng, khi Dung rời nhà trời có lạnh nhưng vẫn tanh ráo, mới có mấy giờ đồng hồ trôi qua mà cảnh vật đã hoàn toàn đổi khác. Tuyết lại rơi, rơi tầm tã thành từng dòng thẳng đứng như mưa rớt; một loại mưa không kết bằng giọt nước mà kết bằng những cánh hoa trắng, xốp, có cạnh lấp lánh như sao đêm. Muôn vạn ánh sao kích thước giống nhau, lập lòe, nhộn nhịp, tơi tấp buông xuống đầu từ giữa lưng trời.

Đưa tay hất chiếc mũ trùm đầu lên cao, Dung đảo mắt nhìn thẳng ra con đường trước mặt. Đường cái vắng tanh, không một bóng xe qua lại, chỉ có hai hàng cây trơ trụi, thân cành bao phủ bằng một lớp nước đá láng lẩy, trong veo là vẫn an nhiên đong đưa trong gió. Hai bên đường, nhà cửa đóng cài kín mít. Trước mỗi căn nhà, từng đồng tuyết xếp hàng lô nhô, cái cao nghệu, cái thấp lè tè, xui khiến Dung liên tưởng đến hình ảnh những nắm mồ hoang của người lớn lẩn của trẻ con, từ đời kiếp nào vẫn còn nằm yên tại đó. Còn cái nhà thấp thoáng phía sau xa thì đích thực là căn nhà mồ, trong đó xếp ngang xếp dọc hàng hàng lớp lớp tử thi.

Thế giới của người chết, một thế giới đầy bí ẩn, nhưng lại đi cặp kè với thế giới của người sống. Sống đó, rồi chết đó. Họ, những kẻ đã chết đang làm gì ở thế giới bên kia ? Nào đã có ai biết rõ ? Nhưng chắc chắn một điều là: khi được người sống trình trọng ban cho cái mẻ đay có gắn mấy chữ "tất thổ rồi," kẻ lia đời có thể yên chí lớn: từ đây, mình sẽ đi luôn một mạch. Đi luôn, đi đâu không ai biết, nhưng nhất định không bao giờ thêm trở lại cõi trần thế ô trọc này nữa. Suy nghĩ, hành động, đúng sai, khóc cười... mặc kệ, phú dăng cho người sống.

° ° °

Hôm nay, lần đầu tiên Dung đến làm việc tại viện dưỡng lão tọa lạc trong khu vực xa xôi này. Hồi trưa, lúc Dung đến văn phòng trả lại chồng hồ sơ, vừa nhìn thấy nàng, bà y tá trưởng bỗng có thái độ vô cùng vốn vã:

"Xin lỗi, chị người Tàu hay người Việt?"

"..."

Câu bút bà ta cầm hờ trên tay được thả le xuống bàn. Hiểu ý, Dung tự động xoay người lại cho thẳng thớm hơn trong

"Mấy tháng trước, ở đây có nhận một bà già người Việt Nam. Bà ta tên là - để tôi thử nhớ lại coi - H. ạ n. (với cái mũ trên đầu chữ A) 72 tuổi, bị bệnh đái đường và mù cả hai mắt. Địa chỉ cư ngụ ghi ở ? Monstreal."

Tưởng mình xón xác nghe lắm, Dung lên tiếng hỏi lại: "Tận Montrea ??Cách đây hơn hai giờ xe hơi ? Trên đó có khối gì viện dưỡng lão danh tiếng ?

" Một cái nhún vai rất "đằm" thay cho câu trả lời."

"Chính người con trai bà Hân đứng ra lo thu xếp mọi việc: liên lạc, hoàn tất thủ tục giấy tờ, đưa mẹ xuống đây. Cứ mỗi đầu tháng ông con trở lại ký nhận chi phiếu tiền già (mang tên bà Hân và gởi về địa chỉ này)."

" Nói tới đó, một thoáng bối rối vụt hiện lên trong cặp mắt xanh lè, tuy nhiên vẻ chăm chú đến lộ liễu nơi Dung vẫn thừa sức đôn đốc câu chuyện tiến mạnh tới trước."

"Mỗi lần trở lại, sau khi thanh toán xong vấn đề tiền bạc, ông con lập tức... rời khỏi nơi đây."

Co rút hai cánh tay lại, Dung lơ lảo nhìn quanh, cố ý tìm xem có cánh cửa sổ nào quên đóng hay không.

"Có nghĩa là... bà muốn nói rằng: không bao giờ ông con buồn đặt chân vào phòng bà mẹ?"

Không hề lưỡng lự, cái đầu tóc vàng gật lia gật lia.

"!!!"

"Tôi được nghe báo cáo lại là từ ngày nhập viện, bà mẹ không chịu ăn uống, từ chối mọi sự tiếp xúc, đêm ngày nằm bất động, quay mặt vào tường."

"Có bao giờ bà Hân... tỏ ý muốn gặp gỡ ông con không?"

"Tỏ ý bằng cách nào ? Bà ta không biết tiếng Anh, cũng không biết tiếng Pháp, mà ở đây thì không ai biết tiếng Việt."

"!!!"

"ĐỂ! Câu hỏi vừa rồi của chị giúp tôi nhớ thêm một chi tiết khác: vì tình trạng sức khỏe của bà Hân, đã có những lúc "Mấy tháng trước, ở đây có nhận một bà già người Việt Nam. Bà ta tên là - để tôi thử nhớ lại coi - H. ạ n. (với cái mũ trên đầu chữ A) 72 tuổi, bị bệnh đái đường và mù cả hai mắt. Địa chỉ cư ngụ ghi ở ? Monstreal."

Tưởng mình xón xác nghe lắm, Dung lên tiếng hỏi lại: "Tận Montrea ??Cách đây hơn hai giờ xe hơi ? Trên đó có khối gì viện dưỡng lão danh tiếng ?

" Một cái nhún vai rất "đằm" thay cho câu trả lời."

"Chính người con trai bà Hân đứng ra lo thu xếp mọi việc: liên lạc, hoàn tất thủ tục giấy tờ, đưa mẹ xuống đây. Cứ mỗi đầu tháng ông con trở lại ký nhận chi phiếu tiền già (mang tên bà Hân và gởi về địa chỉ này)."

" Nói tới đó, một thoáng bối rối vụt hiện lên trong cặp mắt xanh lè, tuy nhiên vẻ chăm chú đến lộ liễu nơi Dung vẫn thừa sức đôn đốc câu chuyện tiến mạnh tới trước."

"Mỗi lần trở lại, sau khi thanh toán xong vấn đề tiền bạc, ông con lập tức... rời khỏi nơi đây."

Co rút hai cánh tay lại, Dung lơ lảo nhìn quanh, cố ý tìm xem có cánh cửa sổ nào quên đóng hay không.

"Có nghĩa là... bà muốn nói rằng: không bao giờ ông con buồn đặt chân vào phòng bà mẹ?"

Không hề lưỡng lự, cái đầu tóc vàng gật lia gật lia.

"!!!"

"Tôi được nghe báo cáo lại là từ ngày nhập viện, bà mẹ không chịu ăn uống, từ chối mọi sự tiếp xúc, đêm ngày nằm bất động, quay mặt vào tường."

"Có bao giờ bà Hân... tỏ ý muốn gặp gỡ ông con không?"

"Tỏ ý bằng cách nào ? Bà ta không biết tiếng Anh, cũng không biết tiếng Pháp, mà ở đây thì không ai biết tiếng Việt."

"!!!"

"ĐỂ! Câu hỏi vừa rồi của chị giúp tôi nhớ thêm một chi tiết khác: vì tình trạng sức khỏe của bà Hân, đã có những lúc

"Ấy! Câu hỏi vừa rồi của chị giúp tôi nhớ thêm một chi tiết khác: vì tình trạng sức khỏe của bà Hân, đã có những lúc chúng tôi bắt buộc phải liên lạc với thân nhân qua số điện thoại ghi trong hồ sơ thì lúc nào cũng nghe... máy trả lời."

Bắp thịt cổ sau gáy Dung tê rần lên, dường như có ai đó vừa chơi khăm đem con sâu róm lông lá xồm xoàm nhét ngay vào chỗ thắt lưng nàng. Cố gắng lắm Dung mới nuốt trôi lớp nước miếng đặc sệt trong miệng.

"Trong trường hợp như vậy?"

"Nội quy có ghi rõ: khi người bệnh không có thân nhân, hoặc nếu có mà thân nhân một mực không đồng ý thì viện dưỡng lão tùy nghi hành động."

Bà y tá cúi đầu, loay hoay tìm lại cây viết.

"Bà Hân chết cách đây mấy tuần. Phải chi chị đến sớm hơn."

Hiếu ý, Dung tiu nghỉu lui ra, mặt nàng lịm xuống đất.

Giờ này, lang thang một mình giữa cảnh trời rét mướt, nhìn con đường về nhà còn xa hun hút, Dung có cảm giác... cõi lòng nàng đang thực sự rời bỏ nàng. Thình lình bị "hẫng chân" giữa khoảng trống không, Dung quơ tay bên mặt, vúi tay bên trái, ngoái đầu nhìn lui, ngóng cổ nhìn tới... chỉ thấy một trời mịt mịt mù mù. Câu chuyện của bà Hân... câu chuyện một người đồng hương vừa từ già cõi đời. Vẫn biết rằng có sanh ắt có tử, vẫn biết rằng sống gửi thác về; nhưng nếu phải gồng mình gánh chịu đến 72 năm sống để cuối cùng... thì chẳng thà chịu nhận lưỡi hái của tử thần khi còn son trẻ, không... gọn ghẽ hơn sao? Nói thì nói cho... sướng miệng vậy chứ trong thực tế sống hay chết đâu phải muốn là được. Được cái, chết là hết... sống. Hết sạch sành sanh, quá lắm trên trần thế chỉ lưu lại một nắm mồ dãi dầu với nắng mưa.

"Phải chi chị đến sớm hơn". Sớm hay muộn, thay đổi được gì? Nhìn Dung kia: nàng đang dò dẫm từng bước một trên con đường về nhà. Trở về với gian nhà đóng cài kín mít, trong khoảng không gian lui tới, giới hạn, ngày một quay quắt đời ngày hai, ngày hai, ngày ba khác khoải chờ ngày... chết."

Chết! Dung ngờ ngác kêu lên. Tiếng kêu chua chát bật ra giữa trời làm Dung giật nảy người đến nỗi bước hụt một bước. Hai cái đế dày nặng trĩu được đà trượt dài trên mặt băng trơn bóng. Cái té chồng gọng không ngờ vô tình gọi lại trong Dung hình ảnh chập chững của chính nàng ở thời điểm chỉ khoải trời nổi tận chín tầng mây, khoải nhì nhằng giữa mơ với thực, khoải "đánh lộn" giữa tiểu thuyết với cuộc đời. Có một phim xi-nê thuộc loại thảo khấu giang hồ kể rất chuyện những kẻ đi tìm vàng: thời thì tha hồ bắn giết, tha hồ lường gạt... rồi cuộc lại, chỉ còn độc nhân vật chính sống sót. Một mình một ngựa, giữa nỗi hân hoan vô cùng vô tận, người hùng hiên ngang trở về nơi hang đá có cất dấu kho tàng. Hỡi ơi! Khi cho tay vào miệng bao vàng (ý để thăm dò?), kẻ "bách chiến bách thắng" bị một con rắn độc nằm phục sẵn thò nọc độc ra mổ trúng phóc. Rõ, công cốc! Chồng tay lồm cồm bò dậy, Dung bực bội rửa thầm: lằng xẹt, gì không nhớ... hai cái chết không hề dính dáng tới nhau. Nhưng, hãy hơ... cùng hậu quả biết đâu không cùng nguyên nhân? Thử sắp xếp lại cho có lớp lang coi. Vì lý do nào bà Hân có mặt trên xứ sở này, trong hoàn cảnh và tuổi tác đó? Đang sẵn trớn "bốc đồng" Dung không ngại ngần gì không tự ý dựng đại lên hoạt cảnh: một đêm trời tối mịt mùng, trên một bờ biển cheo leo có một chiếc ghe chài với một nhóm người tay bồng tay dắt. Họ đi đâu? Với mục đích gì? Mà phải bán xói quê hương, xa lìa thân tộc, tù tội coi thường, hiểm nguy bất chấp. Với họ, đâu là bến bờ mộng ước? Bến bờ mộng ước! Đó, đó, thấy rõ chưa... cái mặt chuột choắt cheo có môi thập thò lòi ra tận cửa hang rồi. Không phải vậy sao? Thì cũng chính vì bầy sắc cầu vòng ở tuốt luốt trên cao mà đã có một thời lâu lắc Dung luôn miệng rêu rao để tự ca tụng mình. Minh tự ca... mình!

"Cây lúa non chờ từng cơn mưa nhỏ
Cây lúa trở chờ nước đổ trên nguồn"

Cây lúa non chờ giọt mưa để lớn, cây lúa trở chờ dòng nước đổ để được mùa, con đười ươi con đeo dính bầu sữa mẹ. "Là cây sậy biết suy nghĩ" con người còn thua cái cây và con vật ở chỗ: nếu muốn sống còn phải "muối mặt" kêu gọi đến tình thương của kẻ khác, không phải chỉ một mà đến những... hai lần. "Trẻ cây cha, già cây con," còn ai không biết nữa. Ngặt một nỗi: giai đoạn nhờ cậy lúc ấu thơ thì có giới hạn và do lòng tự phát, vì sau đó là chuỗi ngày tương lai hưng hực sáng; trong khi giai đoạn nhờ cậy lúc tuổi già thì tùy tâm, tùy hỉ và, quả thật, không biết phải chờ đợi đến bao giờ... một khi tuổi tác chồng chất, con người trở thành một gánh nặng, một nỗi bất lực không còn cơ cứu vãn. Giữa xã hội văn minh, trên đà tiến bộ vượt bậc của khoa học và kỹ thuật... sống thế nào mới được gọi là sống đúng nghĩa? Phải biết cân đo (và cân đo đúng) giữa điều lợi, với điều không lợi? Phải biết hướng tầm nhìn thẳng ro ra phía trước? Dung có đọc đâu đó câu "chôn cha mẹ là chôn luôn dĩ vãng." Một phút qua, một ngày qua... đã không còn cơ chụp bắt lại được, hưởng nữa cả cái dĩ vãng lê thê. Kẹt một điều: con người không tự dựng từ lỗ nẻ chun lên. Ấy, à,...

Luật pháp của những xứ văn minh cấm ngặt chuyện đánh đập, bỏ đói, thả giàn xua đuổi, một con chó già hay một con mèo bệnh; nếu không còn muốn chứa chấp nữa thì cứ việc bốc điện thoại lên gọi nhân viên hội bảo vệ gia súc đến tận nhà mang đi. Đã chưa, thú vật còn có chốn nương thân khi sa cơ lỡ bước, thì, thì... cái cục (hay hai cục) nợ đời bám trụ trong nhà mình sớm muộn gì không có cách tống khứ ra khỏi cửa? Vậy chờ chi phiếu tiền già chu cấp hàng tháng, vậy chờ viện dưỡng lão mọc lên như nấm... dùng để nuôi dưỡng và chứa chấp những ai? Yên chí lớn, coi như xong màn đầu, còn những màn "cúng dường tùy hỉ" về sau... kể sá gì nữa. Cá nhân chủ nghĩa là sao? Nếu không phải là... mạnh ai nấy sống, hoặc mạnh được yếu thua Á! a, nghe nôn na tựa tựa... một thứ luật rừng. Loại luật rừng được luật pháp công nhận, đồng thời được nguyên trạng bằng một nền giáo dục đầu ra đó. Nói vậy, vát chung chung, về mặt tình người:

công nhận, đồng thời được ngụy trang bằng một nền giáo dục đầu ra đó. Nói vậy, xét chung chung, về mặt tình người: đâu là điểm khác biệt giữa con người thời này với con người thời ăn lông ở lỗ ? Hay, "trăm sông đổ về biển" vì quả đất vốn... tròn, lời người xưa lắm lắm lại hóa hay.

Bà Hân già cả, bệnh hoạn, tật nguyền, mù tịt ngôn ngữ xứ người, mình trần thân trụi (biết đâu)... mặc kệ bà, tôi lệ gì ông con phải nai lưng ra gánh chịu cho thêm nặng nợ đời! Làm một phát "thí cô hồn" cho bà dân thiên hạ, bí quá thì... chết là cùng; thử hỏi ai không chết một lần ? Kéo dây đưa ra chỉ tổ làm hao tổn công quỹ của nhà nước lại làm mất thì giờ của cả đôi bên chứ ích lợi gì. Đứng về mặt dư luận, xa xôi cách trở kiểu đó, ai hoài công theo dõi ? Trước cái nhìn của người ngoại quốc, bất quá chỉ là một câu chuyện phiếm vì họ... hơn gì mình (!), và vì họ còn bận bịu trăm công ngàn việc quan trọng khác; nói đâu cho xa, nội cái tên viết bằng tiếng Việt (kèm theo mấy dấu, ?...) họ còn phát âm trật lất, một lúc nào có buồn miệng kể lại thì ai biết đó là ai.

"Cười người hôm trước,..." bằng chứng rành rành... mới sáng nay thôi, lúc sắp sửa mặc áo ra đi, nhìn sực lại thấy thằng con út (sinh đẻ trên xứ sở này) đang mắt nhắm mắt mở từ trong phòng ngủ chui ra, Dung buộc miệng hỏi:

"Hôm nay con có giờ học không ? Máy giờ con về?"

Làm như không nghe, thằng nhỏ cứ việc tỉnh bơ, sổng sổng đi thẳng vào nhà tắm. Đợi mẹ lột tót theo sau, đợi mẹ lại nhai thêm năm ba lần nữa, nó mới chịu sùng sộ quay phắt lại, chỗ miệng "sủa" lên:

"Tại sao hỏi ?"

Một câu hỏi vắn ngắn gọn, đầy đủ, thay cho câu trả lời: Không bà, không mụ, không mày, không... tao. Cuộc đời của... tao, mày lấy quyền gì "xía" vô ? Tiếng Việt nói không thông, nhưng những lúc xét thấy cần phải ra ta "chặn họng" kẻ khác, nó thừa khả năng vận dụng trí khôn thiên phú để tìm tòi cho bằng được loại từ ngữ mà nó thường loáng thoáng nghe người khác dùng để... xài xê hoặc "trả miếng" nhau.

Thằng con lớn (lớn lên ở đây)... thì mới tuần trước, nhân một lần dậy muộn, sợ bị trễ xe buýt, Dung có ngỏ ý nhờ nó đưa đi. Đang chúm mũi chúm lái vào tờ báo sáng, thỉnh linh bị cụt hứng, nó nổi sùng, "phản" một câu để đời:

"Con có việc của con."

"Mẹ... ờ hôm nay."

"Mẹ ờ, đâu phải con ờ?"

Đốp chát tay đôi, đâu thua gì dân... ở chợ! Hai từ "mẹ con" sở dĩ còn được dùng đến, một phần vì quen miệng, phần khác vì hậu ý muốn dựng lên cái ranh giới giữa Ta với Người. Một thứ ranh giới rõ ràng, bành bao, rập khuôn theo Tây chính hiệu. Khổ một nỗi... từ lâu lắm rồi, Dung đã mơ hồ nhận thấy có một hiểm họa len lén mọc rễ rồi bò tràn lan khắp cột... tùy sống mình. Thấy thì có thấy, sợ thì có sợ, nhưng... nhưng, chấp nhận sự thật thì... không bao giờ. Sự thật gì mà ghê gớm vậy ? Thủ phạm là đây: được hít thở bầu trời Tự Do, được kích lệ tận dụng nguyên lý bình đẳng tuyệt đối giữa người với người (mẹ là người thì con cũng là... người); cái tôn ty trật tự xưa như trái đất, thứ công cha nghĩa mẹ chỉ cốt làm le béc lột sức lao động, làm le làm hạ phẩm giá đáng làm... con chỉ còn một con đường đào thoát độc nhất là hoặc... huề vốn cả làng, hoặc... biết tôn trọng luật chơi (vui thì mẹ mẹ con con, không vui thì... đường ai nấy bước).

Đưa tay lên kéo sụp cái mũ len xuống tận mắt, Dung vẫn không làm sao tránh né được từng làn tuyết nổi tiếp nhau quật rất rạt trên da mặt nàng. Những mảnh tuyết vụn gặp gió lạnh se lại, sắc bén in hệt những mũi dao nhọn. Tường đầu phơi mình giờ lâu giữa trời da dẻ tê đi, mình hết biết lạnh, nào dè... Dung suýt soa thiếu điều muốn chảy nước mắt. Giá mình khóc được, nước mắt tuôn ra chắc đông thành đá... Dung vụt nhớ lại hình ảnh ngây ngô của những thằng người tuyết mà nàng vẫn thấy trẻ con tự tay đắp lên trong mấy mùa đông trước. Tuyết rơi hoài... biết đâu giờ này chính mình cũng đang mang hình dáng của một thằng người tuyết biết đi, vừa lồm bồm Dung vừa nhếch môi lên, đã là người tuyết mà lại còn biết đi! Mà chẳng thà làm một thằng người tuyết là vật vô tri vô giác, ai muốn vất đầu thì vất... đảng này cả bà Hân lẫn Dung đều là những con người có tuổi trẻ, có hoài bão, có mộng mơ. Hoài bão! Mộng mơ! Đi và đến! Muốn và được! Còn than vãn nỗi gì ? Có sự thành công nào không phải trả giá đâu ?

"Gậy ông đập lưng ông:" cái gậy mình cầm nhè cái lưng mình đập. Ấy! Khôi hài và bi thiết làm sao! Thấy hứng chí, Dung ngửa mặt lên trời, mở miệng ra cười hắc hắc, quên bẵng chuyện tuyết vẫn đang rơi. Bị một bụi tuyết lạnh đến tê người lọt thỏm vào giữa vòm miệng Dung mới hốt hoảng dừng chân lại "Nếu không muốn bị cảm lạnh thì phải lập tức nhổ cho hết tuyết ra" Lại còn bày đặt lên lớp, nói thì nghe dễ ợt... trong thực tế vòm miệng của Dung thông thương với thần thể nàng bằng cái cuốn họng suôn đuột. Tuyết lạnh lọt vào gặp thân nhiệt nóng... a lê hấp.

Nếu biết rằng... Dè vậy... Tại vì... Bởi...

Trệu trạo nuốt cho xong dòng nước lạnh buốt, Dung nhướn đôi mắt lên, mím môi lại, quay tới quay lui, nhìn lên nhìn xuống. Vẫn không thấy trời đâu, vẫn không thấy đất đâu... trên cao dưới thấp, trước mặt sau lưng, Dung chỉ thấy độc chiếc bóng của nàng đổ xuống lắc lư.

Khách lảng quàng nhìn muôn hến khuấy

*Khách lặng quay nhìn muôn bến khuất
Tiếc thắm như gió quyện trời không*¹

Canada tháng Năm - 1996

¹ Thơ Thanh Tịnh.

NHƯ CÁNH CHIM BỎ RỪNG

B

ác sĩ trưởng phái đoàn kết thúc buổi họp:

- Đêm qua xơ A. hôn mê, sáng nay bác sĩ G. xuất huyết. Nội trong ngày mai, chúng ta bắt buộc phải tìm ra phương tiện đưa họ về thẳng Canada.

Trên sà ngang ngọn đèn dầu treo lủng lẳng đưa qua đưa về nhẹ nhẹ, hắt xuống mặt bàn bằng cây bóng những mái đầu bất động. Không một lời bàn cãi, điều đó có nghĩa: câu tuyên bố vừa rồi mang trọn vẹn giá trị của một lời chung quyết. Chưa ai buồn cử động, điều đó có nghĩa: câu kết thúc mới... kết thúc phần đầu.

- Chúng ta đang rơi vào một tình huống cực kỳ khó khăn: bệnh Ebola quái ác đang tung hoành khắp vùng Soudan và đã ra tay cướp mất của chúng ta những mạng sống. Im lặng... Chỉ nghe tiếng muỗi vo ve dưới gầm

bàn và tiếng củi nổ lách tách sau hè.

- Về phần chị... Nhi, chúng tôi đang cố gắng thu xếp để chị kịp trở về cùng chuyến với hai bệnh nhân trên.

Im lặng... Giọng nói vẫn đều đặn và bóng những mái đầu bù xù vẫn tiếp tục chụm khít lại bên nhau.

- Vì không giống như phần đông chúng tôi, đây là chuyến đi xa đầu tiên của chị và... và nhất là vì chị đến chỗ này với Denis.

Denis! Nốt nhạc sau cùng, cô đọng và gợi tình nhất của bản trường ca đã ngân nga tấu lên rồi: buổi họp thực sự kết thúc.

Cánh cửa chính quên cài thành linh bị gió đẩy, bật tung ra phía ngoài. Từng luồng gió mạnh xông xáo đổ xô vào. Từ nơi xa tận dưới thung lũng, có tiếng con vật gì vừa bị sa lầy hay bị mắc bẫy đang ra sức rống lên những tiếng kêu thảm thiết. Tiếng kêu ban đầu quay quắt về sau yếu dần đi rồi dứt hẳn, trả lại cho rừng tiếng gió âm u và trả lại cho gian lậu bầu không khí nặng nề sâu thẳm thẳm. Mọi người ra dáng chờ đợi và Nhi, kẻ được gọi tên cũng ra dáng bồn chồn không kém. Cuối cùng có lẽ tạm thời chưa biết nên xoay xử cách nào khác để phá vỡ vòng vây ngọt ngào bao quanh, Nhi rón rén đứng dậy, lùi lũi đi lần ra phía cửa.

Bên ngoài ngày chưa tắt hẳn, bằng chứng là những tia nắng vàng hực vẫn còn đủ sức len lỏi qua kẽ lá, rọi sáng từng khoảnh từng khoảnh một con đường mòn nằm vắt ngang trước mặt lều. Con đường ngoằn ngoèo in hệt thân con rắn, những khi chiều xuống ngày nắng giống

ngày mưa, lúc sớm như lúc muộn. Đang đi, Nhi dừng lại nghỉ ngơi, tại sao chưa bao giờ nàng thử thắc mắc chuyện con đường quanh co đó bắt đầu từ chỗ nào và chấm dứt chỗ nào. Phải chăng vì thời gian Nhi bám trụ tại góc rừng này chưa lâu lắm hoặc phải chăng vì tận tâm Nhi cứ đinh ninh rằng suốt đời nàng sẽ không bao giờ bị du vô cái thế phải xông xáo một mình.

Được cái, có một khúc đường, chỉ một khúc thôi nhờ mỗi ngày hai bận đi về Nhi thuộc nằm lòng. Một đoạn rẽ trái, một ngọn đồi phía bên này lên phía bên kia xuống, một đoạn rẽ mặt... Lắm nhắm ôn lại, Nhi dậm bước thẳng ra đường.

Một đoạn rẽ mặt xuyên suốt khu rừng cọ dày đặc như đan và tiếng nước chảy gần gần. Xong rồi, Nhi thở ra nhẹ nhõm. Nhưng cảm giác nhẹ nhõm không chịu tồn tại lâu bền với nàng vì khi đứng ngấm mặt hồ sáng bóng, Nhi lại đắm ra tư lự. Sau đỉnh núi cao, bóng mặt trời sắp lặn đang cố gắng hoàn tất bốn phần cuối ngày: thả nốt xuống mặt hồ những tia nắng rực rỡ, biến mặt nước thành một biển màu sắc mênh mông. Dọc theo hai bờ hồ những bụi lác, bụi bần, bụi sậy mọc chen chúc hè nhau lả ngọn xuống sát mặt nước lung linh không khác gì đoàn người trẩy hội đang ngóng cổ cúi đầu, sùng bái chiêm ngưỡng cảnh tượng thần tiên phơi bày trước mặt.

- Tuyệt đẹp, Nhi thấy không?

Là tiếng phát lại của bụi bờ sóng nước do sự thâm âm và lưu giữ kỹ càng từ nhiều ngày trước, hay chỉ là tiếng vang dội trong đầu tạo nên do một câu nói được nghe đi nghe lại quá nhiều lần? Tập tành một thói quen,

đứt bỏ một thói quen, Nhi bối rối xoay vòng người lại. Xoay người lại, không những được đứng đối diện khu rừng cọ, Nhi còn được chính thức đặt chân lên mảnh đất trụi lõi, lạc loài hết sức vô cơ giữa chốn cây giăng cỏ kín này. Đứng tần ngần hồi lâu thấy mỏi, Nhi vén áo ngồi phệt xuống đất. Gió vẫn thổi hiu hiu trong rừng cây trước mặt, sóng vẫn lao xao vào ra dưới gốc đám cây hoang. Sóng gió, âm thanh đều dật dụa dật. Nhi bỗng nhớ lại tiếng võng đưa em kéo kệt mà nàng từng nghe ở một thời nào xa lắm. Tiếng võng đưa em, hai mắt lim dim đầu óc ngầy ngật, Nhi co rút hai ống chân lên, khoanh tròn hai cánh tay lại, lấy vùng đầu gối ôm ả làm chỗ gối đầu.

Rồi, giữa tiếng gió đong đưa giữa tiếng sóng đong đưa giữa tiếng võng đong đưa...

- Ni, em đang nghĩ gì?

- Nhi, không phải Ni, anh chẳng bao giờ chịu phát âm đúng vắn Nh. Em đang mãi nhìn đàn vịt nước với đám thuyền buồm.

- Để nhớ lại những dòng sông của quê hương em?

- Sông nước! Hình như trong đầu anh lúc nào cũng khẳng khẳng lưu giữ hình ảnh của những dòng sông.

- Đặc biệt lần này anh chỉ muốn nhắc đến dòng sông Nil, chỗ có nhánh phụ chảy vào hồ Kioga.

- Em đang tự hỏi: phải chăng anh vẫn nuôi mộng thế chân bác sĩ...

- Bác sĩ A. Schweitzer? Không hẳn vậy đâu, mộng ước của ông ta vừa cố non, vừa vô cùng vĩ đại trong khi mộng ước của anh trôi nổi tầm thường. Ngoài ra, anh

mong mỗi Nhi đừng quên điểm khác biệt rõ ràng này: lúc rời Pháp qua định cư ở Gabon ông ta đem theo người vợ da trắng, còn anh trong một ngày gần đây sẽ rời bỏ Canada đi hành nghề lang thang với người tình da vàng.

Bóng chiều buông xuống. Tiếng sóng đong đưa, tiếng gió đong đưa, tiếng vũng đong đưa...

“Trong anh, tất cả đều... không biên giới: một người yêu khác màu da, một quê hương không bến không bờ và một dòng sông không của quê ai”.

Một dòng sông không của quê ai; lượn lờ, uốn khúc chảy qua núi rừng bạt ngàn, bản làng heo hút, đồi gò sườn dốc, đèo cao lũng thấp. Có động giống gà gô nằm lọt giữa hốc đá, có tổ con chim cu bám chỗ chìa ba nhánh xương rồng, có ánh đuốc chập chờn, có tiếng trống dồn dập, có điệu hát lạ lùng ma quái, có tiếng mưa rơi rả rích suốt đêm trường trên nóc gian lều vải, có đêm động rừng nằm vắt tay ngang trán lắng tai nghe tiếng gió hú lãnh lốt lồng trong tiếng thú gầm vang, có vầng trăng treo vắt vẻo ngang trời, có màn sương đục giăng kín mặt hồ, có bầu trời khuya vắng vặc ánh sao, có chiếc thuyền cao-su bơm hơi trôi lên trụt xuống như cái bong bóng giữa dòng thác lũ, có những ngày dài xấn áo xấn quần, có những đêm dài miệt mài khiêng vác, mổ xẻ, băng bó, chích lỵ. Có... có; có ta, có mình.

Một tiếng động mơ hồ nổi lên đâu đây, Nhi giật mình buông vội hai tay ra để còn kịp nhìn thấy bóng một con chim đen không biết xuất hiện từ chỗ nào, vụt tung cánh bay qua đầu nàng rồi vụt biến mất sau khi thả lại giữa lưng trời vài tiếng hót rời rạc. Bóng chiều buông

xuống, màn sương buông xuống. Quay ngược đầu về phía sau, Nhi dớn dác đưa mắt tìm tòi: vẫn tiếng sóng, vẫn tiếng gió, chỉ có độc tiếng văng đưa em là ngưng hẳn lại và đàn vịt nước và đám thuyền buồm không còn thấy tăm hơi đâu nữa. Khác gì con vượn, Nhi lơ lảo quay đầu thêm lần nữa, cả khu rừng phong mới chớm nộ với dãy đèn thành phố giăng hàng dọc hàng ngang đồng loạt biến mất tiêu đằng nào. Bên Nhi, chỉ còn lại khu rừng cọ xác xơ trong gió và tiếng côn trùng râm ran vang dậy bốn góc trời. Tiếng côn trùng vang lên từ lòng đất. Bệnh Ebola quái ác! Những mạng người! Hối hả chống tay xuống đất, Nhi đứng bật dậy. Gió thổi mạnh hơn, đám lau sậy oằn oại ven hồ bắt đầu thi hành công tác: đem hơi nước tạt rào rào lên bờ. Phần áo phía sau lưng dần dần ướt đẫm, Nhi thoát rừng mình. Tiếng mưa rơi thánh thót suốt đêm qua, những giọt mưa giội tới tấp trên mấy dòng chữ mới sơn vội vã.

Hốt hơ hốt hải, Nhi co giò nhảy phóc tới sát miếng ván trắng trắng cắm chông chênh, điểm sáng độc nhất còn sót lại giữa vùng trời đất mịt mù. Dưới màn sương đục ngầu, bên ánh mắt mê hoảng, mấy dòng chữ kẻ bằng màu sơn đỏ loét hiện ra cận kề và loang loáng như màu máu mới tươm ra. "Nơi đây an nghỉ linh hồn B.S. Denis Alain "

Mới đọc xong dòng chữ trên cùng chưa gì Nhi đã rụt cổ lại, lùi chân, thông dong bỏ đi. Thông dong! Nhi đâu ngờ rằng trận mưa dai dẳng suốt đêm qua đã vô tình làm chảy rửa gần hết nước sơn và, Nhi đâu ngờ rằng nàng vừa đọc lại vanh vách dòng chữ in chặt khừ trong trí nhớ

thay vì đọc dòng chữ thực sự hiện hình trên tấm bia mới dựng chiều qua. Suy cho cùng, không có gì đáng ngạc nhiên vì, trong khi bạn bè mỗi người kẻ vồn vẹn một chữ thì riêng Nhi nàng có quyền ngồi cả buổi nắn nót kẻ trọn dòng, lại chính là dòng đầu tiên.

Mặt đất chan hòa bóng tối khi Nhi đặt chân vào khu rừng cọ. Sờ soạng từng bước một, Nhi lắng tai nghe tiếng chân nàng, lắng tai nghe tiếng sương đêm hay tiếng nước lạnh đọng lại trên cành cây từng hồi, từng hồi nhỏ giọt xuống làm ướt đầm mái tóc trần và hai bờ vai run rẩy của nàng. Đó đây, thỉnh thoảng vài gốc cây u nần nổi hẳn trên mặt đất làm chân Nhi vấp phải. Đôi dép quai treó mang trong chân mấy lần suýt sút hẳn ra ngoài. “Anh đã tập uốn cong đầu lưỡi khi phát âm vần Nh, trong khi Nhi chẳng bao giờ chịu nhớ chuyện phải thay giày cao cổ khi đi ra ngoài.”

Nhớ nhớ, quên quên, mất mất, còn còn; chỉ cách nhau tuần trước với tuần sau. Nhi cắn răng, mím chặt khừ hai vành môi lại. Một cảm giác đau nhức phát xuất đầu từ đầu ngón chân cái chuyển dần lên tới óc; chán nản cùng cực, Nhi muốn thả liều ngồi đại xuống đất. Nhưng, ngồi đâu và ngồi cách nào. Trước mặt tối thui, sau lưng quạnh vắng. Chỉ có tiếng côn trùng gần gũi và tiếng sóng dội xa xa.

Tiếng sóng từ mặt hồ Kioga mãi miết đuổi theo Nhi. Mãi miết đuổi theo, mơn man đưa đẩy; trong hoang mang Nhi có cảm giác hai bàn chân nàng cứ trôi tuồn tuột tới trước.

Thoát khỏi khu rừng cọ, trôi lên trôi xuống, ánh đèn

dầu lộ diện giữa vũng tối mênh mông. Từ bốn góc rừng, rừng rừng nổi lên tiếng cành cây rung động dữ dội cùng một lần với tiếng khọt khẹt liên hồi do bầy khỉ đông đúc rủ nhau đi ăn đêm. Và, từ chốn hóc hiểm nào vang lại tiếng kêu van tha thiết tình tứ của loài thú thích lên tiếng gọi đàn giữa đêm khuya. Tiếng thú gọi đàn! Nhi chậm bước, băng khuâng nghĩ tới cánh chim đen mất hút cuối bờ hồ lúc nãy. Một cánh chim bay đi bần bật, vạn cánh chim bay đi bần bật bỏ lại mặt hồ chơ vơ.

Trên nền trời bát ngát sao đêm đã mọc thưa, mỗi ánh sao ngự trị riêng một góc trời, cách biệt xa xôi nhưng tất cả đều long lanh sáng chói. Trước gian lều, thấp thoáng vài bóng người qua lại. Đưa tay chùi mắt, Nhi lẩm nhẩm nói: “Chắc hẳn họ sẽ không ngạc nhiên khi nghe mình tỉnh táo tuyên bố rằng tôi xin tình nguyện ở lại”. Nhi chỉ nói chừng đó thôi, phần sau cùng Nhi giữ rịt lại, để dành đến chiều mai lần ra bờ hồ nói riêng cho sóng nước và cho giun dế nghe: “Một lối sống, một quê hương, một người tình bên dòng sông không của quê ai. Một lối sống, một quê hương...; nhóm người còn sống sót đồng tình ở lại sống chết cùng xó rừng này, sao em lại về? Một người tình bên dòng sông không của quê ai, anh nằm xuống ngay tại chỗ rẽ của dòng sông Nil trắng (1), sao em nỡ bỏ đi?”

Qua cánh cửa lều mở toang, ánh đèn vàng vọt lấn tràn ra tận phía ngoài. Rồi hắt bóng đêm, Nhi cà rịch cà tang tiến vào giữa vũng sáng. Tiếng củi khô sau hè còn tiếp tục nổ. Một cảm giác an toàn lạ lẫm bắt đầu phủ chụp lên toàn bộ cơ thể nàng. Lần này, Nhi dám bạo gan

cả quyết rằng: đó chính là thứ cảm giác gặt hái được từ một kẻ vừa rời khỏi con thuyền chông chênh, bình an đặt chân lên bến đậu.

Ghi chú: (1) Giòng sông Nil chảy qua Phi châu ngược lên hướng Bắc; kể từ hồ Kioga gọi là giòng Nil trắng, kể từ mũi Kartoum gọi là giòng Nil xanh.

THƯƠNG AI, THƯƠNG CẢ ĐƯỜNG ĐI

V

ì vợ bạn trở về Việt Nam thăm bà mẹ bệnh nặng, hôm nay Nhân phải đi dự tiệc cưới một mình. Nhân được sắp xếp ngồi chung bàn với những người đàn ông khác, cũng đi một mình vì đủ thứ lý do. Không bị ai theo dõi dòm ngó chỉ trích đám đàn ông không vợ tha hồ ăn nói, cười đùa, uống rượu. Rượu thì hết ly này qua ly khác, chuyện thì hết công đến tư. Ông ộc. Giòn tan. Rôm rả như chỗ không người. Vui vẻ, tưng bừng và nhộn nhịp đến độ ông bạn ngồi cạnh Nhân, đầu từ ban đầu buổi tiệc vẫn một mực chúm mũi chúm lái lo ăn lo uống cuối cùng bị hấp lực của đám đông lôi cuốn đành lao vào, nhập cuộc. Để mở đầu ông ta hướng qua phía Nhân, gạ chuyện:

- Từ nãy giờ lắng tai nghe anh nói chuyện tôi đoán

anh là người Quảng Trị. Xin hỏi anh có biết làng C. L. hay không?

- ...

- Ô, nói vậy anh là người cùng làng với tôi!

Vừa la toáng lên, ông ta vừa lơ mắt lom lom nhìn Nhân từ đầu đến chân để cuối cùng lắc đầu than thở:

- Tại sao tôi không nhớ mặt anh hề?

Thoạt nhìn khuôn mặt tròn vo lại đỏ gay và cái chớp đầu gần như không còn lấy một sợi tóc nào của ông bạn mới quen, không hiểu vì sao Nhân thấy có cảm tình bèn sẵn sàng góp chuyện.

- Ông cụ tôi đối vô làm việc trong Nam từ lúc tôi còn nhỏ xíu. Tôi lớn lên trong Nam và cũng từ đó tôi di tản qua đây.

Như vừa sức nhớ ra một điều gì tối quan trọng, ông đầu sói đặt ly rượu còn đầy ắp xuống bàn, đưa tay chùi miệng, hấp tấp hỏi tiếp:

- Anh định cư tại Montréal từ năm nào?

- Từ năm... Còn anh?

- Tôi đi theo một người bạn từ Cali qua đây dự tiệc.

Hình như chỉ với năm ba câu dò la mở đầu đã cung cấp đầy đủ dữ kiện để khơi dậy một nỗi niềm. Sửa sang lại thế ngồi, cặp mắt ráo hoảnh như chưa từng nhấp qua một giọt rượu nào, ông đầu sói háng giọng đến mấy lần trước khi chịu mở hân miệng ra:

- Ở đây lâu rồi, anh có biết ông nào tên... Nhân không?

Tưởng mình nghe lầm, Nhân cũng hấp tấp đặt ly rượu xuống theo:

- Nhân ? Nhân nào? Hiện làm nghề gì?

- Trần Lạc Nhân. Thời còn ở Việt Nam là kỹ sư điện còn bây giờ thì tôi không rõ lắm.

Giật nẩy người lên, Nhân bàng hoàng cả người. Tuy có mất bình tĩnh nhưng vẻ háo hức quá đáng và nét chăm chú lộ liễu xuất hiện trên khuôn mặt ông đầu sói vô tình giúp Nhân tiên đoán rằng chỉ trong giây lát nữa thôi, tự miệng ông ta sẽ phun ra và sẽ kể lại vanh vách những sự việc không hay ho gì về chính con người của Nhân. Nhờ sự tiên đoán có vẻ mơ hồ đó, thay vì gật đầu nhận tội chính là Trần Lạc Nhân đây thì Nhân lại lắc đầu quầy quậy:

- Tiếc là tôi không quen! Ông Nhân quen biết thế nào với anh?

Nghe câu trả lời lạc đề, mặt ông đầu sói ngẩn tò tè ra. Nhưng có lẽ vì hơi men thúc đẩy mà ở đời hễ rượu vào là lời ra. Vả lại, mấy thuở gặp đồng hương, ông ta nhất định bắt Nhân làm cái bia miệng tạm thời.

- Câu chuyện đầu đuôi thế này: nguyên tôi là người cùng làng với bà vợ ông Nhân, bà Lam Vân.

- Lam Vân! Người vợ đầu ấp tay gối của mình!

Nhân kịp thời đưa tay lên miệng, ngăn chặn một tiếng kêu trời. Không còn biết nên xoay xử cách nào khác cho khỏi bí, Nhân đành bậm cứng đôi môi, trơ mình chịu trận. Không ngờ bộ dạng ngẩn ngơ của Nhân lại là một chất kích thích tốt đẹp cho câu chuyện sắp kể của ông đầu sói. Ông ta khoái trá ra mặt, hạ giọng xuống ra vẻ sắp sửa trút bầu tâm sự. Một thứ tâm sự thuộc loại... phòng the, hứa hẹn nhiều đường gay cấn với nhiều pha

hấp dẫn tuyệt vời.

- Quả thật tên là người. Bà Vân đẹp lắm. Đẹp toàn bộ, từ mái tóc, làn da, nụ cười, dáng đi điệu đứng. Nhìn thấy Lam Vân, cậu nào cũng mê, ông nào cũng ôm mộng. Ông bố bà mẹ của Lam Vân đặt tiêu chuẩn kén rể đông sàng cao xa với vợ.

Đang kể thao thao, đang nói ngon trớn, ông đầu sói hốt nhiên dừng hẳn lại. Chúi cái đỉnh đầu lảng bóng vào sát bên lỗ tai Nhân, ông ta thầm thì nho nhỏ :

- Dùng một cái Lam Vân đi lấy chồng.
- Lấy chồng! Ai là kẻ tốt số đường kia?

Nhân hỏi cho có lệ, hỏi như một cách bày tỏ sự tuyệt vọng và sự đau khổ dành cho phần sau của câu chuyện. Vén rộng đôi môi còn ướt chất rượu, ông đầu sói trả lời rất đều:

- Làm chồng thì có, còn tốt số thì... không.

Nhân lặng người. Tay chân lạnh toát, cái gáy cũng lạnh. Cả khuôn mặt tê cứng lại như vừa bị một bàn tay ai đó ra sức ấn xuống, đè sâu vào giữa một thùng nước đá trong veo, hơi lạnh bốc lên ngùn ngụt. Ông đầu sói hớn hở bồi thêm phần cuối :

- Tốt số nổi gì! Chồng hờ thì có! Cô dâu mang bầu trước...

Đã vượt quá xa sức chịu đựng bình thường của một con người. Quên bẵng cái tục lệ phải biết giữ gìn phép xã giao tối thiểu trước một kẻ mới quen, Nhân quắc ngược hai con mắt lên, chu mỏ ra, nạt lại:

- Chuyện riêng tư của người ta, tại sao anh biết tường tận vậy?

Ra cái điều ta đây biết hết, ông đầu sói nhếch miệng, cười ruồi:

- Người tình cũ của Lam Vân chính là ông anh con người bác ruột của tôi. Một sĩ quan cấp tá, tử trận tại...

Vậy là chung cuộc! Là hết! Là rồi! Nhân đâu cần đòi hỏi một loại bằng chứng nào khác nữa? Hai mắt hoa lên. Cái cần cổ cơ hồ không vác nổi cái đầu nặng trĩu. Nhân chỉ ao ước được quyền gục xuống hoặc ít ra được quyền nằm yên tại một chỗ hoàn toàn không bóng người lai vãng. Nhờ câu chuyện đã vượt qua giai đoạn gay cấn nhất rồi, đã vậy còn nói lâu, nói dài, khô miệng, ông đầu sói tự ý dừng lại lo kiếm thức ăn nước uống. Thời gian “hưu chiến” tạm thời đủ cho Nhân thu hồi lại phần nào sự bình tĩnh cần có. Dần lòng, Nhân cố gắng ngồi im cố gắng thử sắp xếp lại cho có lớp lang những ý nghĩ rối bời đầy ắp trong đầu. Đợi ông bạn ăn uống no nê thêm một đợt nữa, cố ghìm giọng nói cho khỏi run, Nhân nói luôn một thôi một hồi:

- Câu chuyện anh vừa kể làm tôi nổi máu tò mò. Nhưng tôi vẫn thắc mắc tại sao trong mấy chục năm qua, gia đình bên anh không tìm cách liên lạc để biết thêm tin tức về đứa bé không cha? Bằng chứng là hiện tại anh không hề hay biết gì hết về gia đình ông Nhân, ngoài chuyện ông ta đang định cư ở đây.

Làm bộ điệu đầu hàng bằng cách đưa thẳng hai cánh tay khăng khiu lên trời, ông đầu sói trả lời liền, không mảy may đắn đo suy nghĩ.

- Anh tính, còn làm gì được nữa một khi ván đã đóng thuyền rồi. Con trai mình xui, con gái người ta lỡ

dại. Được cái, nghe đâu ông chồng của Lam Vân bắt ngờ vợ được cô vợ đẹp như tiên, có được cậu con trai nổi đời tông đường một cách cực kỳ mau lẹ, hí ha hí hửng như bắt được vàng còn biết phân biệt trời trăng mây nước gì nữa đâu!

Há hốc miệng ra, Nhân định bụng sẽ chửi thẳng vào giữa mặt ông đầu sói câu này: “Mồ cha anh! Ngậm họng lại!” May sao, đúng lúc đó ông đầu sói đẩy ghế đứng dậy, xăng xái đi về hướng phòng tắm. Không một phút chần chừ, Nhân cũng hấp tấp đẩy ghế đứng dậy theo. Lao mình về phía trước, Nhân đi như chạy, như lẩn tránh một nỗi đe dọa khủng khiếp nào đang rình rập bủa vây quanh mình. Va cạnh bàn, chạm chân ghế, xô cánh cửa kính, đẩy cánh cửa gỗ, cuối cùng Nhân thoát ra đường cái. Khi đôi chân không định hướng vấp nhằm một đồng tuyết vun chùn đắp dọc dài theo con lộ chính, Nhân mới chợt tỉnh ra để bàng hoàng đứng lại.

*

* *

Chính cái ý muốn sống còn tồn tại đâu đó trong cõi ý chí sắt đá của từng con người một hay chính nỗi căm hờn về tình đời phẫn phức, đen bạc đã kịp thời đem nghị lực và sự tỉnh táo lại cho Nhân vào lúc cần thiết nhất. Để giờ này, nằm bẹp dí trên chiếc giường rộng thênh thang, kê cái đầu nóng hực lên chiếc gối có mùi hương quen thuộc, Nhân mới lần hồi nhớ lại... Nhớ lại cái địa vị của “tên chồng hờ” mà từ mấy chục năm nay Nhân đã nhờn nhơ sung sướng bỗng bề theo, mang vác nặng nề trĩu nhọc ngay trên sống lưng của mình. Một thằng chồng

~

đần độn, nạn nhân của một trò lừa bịp trường kỳ. Nhân cay đắng tự lẳng nhục mình và cũng không quên rửa sả miệt thị người khác. Thảo nào, thuở ấy chàng trai bị chàng gái giục cưới không khác gì đang bị giục nợ. Thảo nào thằng Bờm là đứa bé sanh thiếu tháng. “Thằng nhỏ giống cha như đúc”. Nhà vợ vô vấp khen ngợi, còn Nhân thì tíu tít ngày đêm bên cạnh chiếc nôi em bé, mặt mày rạng rỡ. Tấn kịch đời ê chề và lầm lẫn của Nhân càng ngày càng dồn dập thêm lên vì sau đó xảy ra vụ di tản. Đời đổi, xứ lạ quê người, cuộc sống khó khăn là nguyên nhân chính làm thằng Bờm cứ mãi mãi vẫn là đứa con độc nhất. Đứa con thừa tự! Ôi! Khốn nạn biết bao! Nhân bật kêu lên. Nước mắt ứa ra tầm tã.

Reng, reng, reng. Tiếng chuông điện thoại réo lên từng hồi. Nhân không buồn cửa quây. Reng, reng, reng. Xoay mình, úp mặt xuống gối, Nhân nhất định nằm yên. Reng, reng, reng. Tiếng chuông chát chúa cứ một mực xoáy thẳng vào giữa bộ óc làm Nhân điên tiết. Reng... Với cử chỉ hung hãn của một tên khủng nặng, Nhân chồm dậy, vô lấy ống điện thoại, toác miệng hét ầm lên:

- Ai đó?

- Nam đây! Làm gì mà cáu kỉnh vậy? Trời mới sập tối, đã ngủ rồi sao?

À, Nam! Tên bạn nối khố của một thời tuổi trẻ xa xưa. Thời tuổi thơ vô tư vô tội. Nhân thở hắt ra. Đầu óc cơ hồ có thư giãn lại đôi phần. Không cần đợi nghe câu trả lời, Nam láu táu nói:

- Có tin vui này tớ phải báo cho cậu hay liền, để đến ngày mai nó nguội lạnh đi: tớ vừa được lên chức

ông nội.

- Lại ông nội! Nhân mai mả lặp lại.

- Thì ông nội chớ sao! Tổ cũng là ông nội, đâu thua gì cậu? Mới sáng nay thôi, vợ chồng thằng Vũ vừa từ Việt nam qua Houston có ẵm theo thằng con nuôi mới xin được.

- Lại con nuôi! Nhân ngao ngán kêu thầm trong miệng.

Sự phấn khởi trong lòng làm Nam không để ý gì hết ngoài chuyện lo bô bô kể lể.

- Cậu tính, vợ chồng tụi nó không có con được. Phải bỏ khối tiền ra, phải đi đi về về đến mấy bận. Phải lo chỗ này, chạy chỗ khác, chầu chực cả năm trời.

Nghĩ đến thằng Bờm, nghĩ đến hoàn cảnh “Tò vò mà nuôi con nhện” trở trêu của mình, bất giác Nhân ùng ùng nổi giận.

- Con với cái! Không có thì đừng có. Tội lệ gì!

- Ờ, cậu này! Kiếm đâu ra cái luận điệu cay cú dường kia! Cậu có cả một lũ cháu còn tở thì cho mãi đến tuổi tác này vẫn mỗi mắt ngóng chờ tin vui. Còn phải kể nỗi lo dành cho vợ chồng chúng nó nữa. Không con không cái, về già lấy ai lui tới viếng thăm? Thôi thì, con người ta cũng như con mình. Mình không có công đẻ thì có công nuôi.

“Con người ta cũng như con mình. Mình không có công đẻ thì có công nuôi”. Nhân lặp bập lặp lại đến năm lần bảy lượt, cũng chưa phân biệt vì lý do nào làm mình cảm thấy thích thú khi được lặp lại. Bên kia đầu dây, Nam đang rống lên cười hô hố rồi tự động cúp máy.

..

Cứ đứng nguyên tại chỗ, Nhân thần người ra, nghĩ ngợi mông lung. Giọng kể chuyện náo nức, lối lý luận vị tha không giấu ẩn chứa một chút suy tính nhỏ to nào, tiếng cười sảng khoái vừa rồi của Nam có công dụng của một thùng nước lạnh gội tới tấp xuống ngay cái đỉnh đầu nóng hôi hổi của Nhân. Như người vừa bừng tỉnh dậy sau một giấc ngủ dài đầy mộng mị, Nhân dựa lưng vào tường, bồi hồi nhớ lại. Nhớ lại hình ảnh đầm thắm của Lam Vân thời hai bên mới gặp gỡ nhau và nhớ lại hình ảnh của thằng Bờm thời mới lăm lăm biết đi: cái mặt tròn vành vạnh, hai gò má đỏ au au, cứ mỗi lần nhìn thấy bố sắp mở cửa ra đi là tung hê mọi thứ đồ chơi, bỏ sắp bố ngựa lao mình chạy theo. Và bây giờ, tuy đã thành đạt, đã ở riêng, đã có vợ có con, cứ mở miệng ra là ba ba con con. Trừu mến. Gần gũi, không khác gì lúc nó còn bé tí. Mấy mươi năm sóng gió tới bởi, mấy mươi năm nắng mưa dầu dãi hai hình ảnh thân yêu đó vẫn một lòng một dạ cận kề và thấm thiết bên Nhân. Bộ óc Nhân mới cách đây có mấy giờ đồng hồ căng thẳng dường kia giờ này như vừa được nhúng vào một chậu nước ấm, mềm nhũn đi và êm dịu lại. Ở hờ đưa tay lên vuốt mặt, Nhân bắt đầu tư lự: Thằng Bờm vô tội, người chết vô tội, Lam Vân vô tội. Đứng vào địa vị của Lam Vân thời đó, ai là kẻ dám cả gan hành động ngược lại? Dư luận dè bủ, đàm tiếu, chà đạp; gia đình khắt khe, câu chấp, hành hạ, đuổi xô. Nhân lăm nhăm, gần như không thành tiếng: Thôi, cứ để mặc cho nước cuốn theo giòng hoặc cứ để gió thổi cho mây bay đi.

In hết người vừa may mắn thoát khỏi một cơn bệnh

ngặt nghèo, Nhân khật khà khật khưởng đưa tay ra, gỡ cần điện thoại lên. Quay luôn dãy số mà đã bao năm qua Nhân vẫn thuộc nằm lòng.

- Nghĩa hả? (Nghĩa là tên trong giấy khai sinh của thằng Bờm: Trần lạc Nghĩa). Ngủ chưa con? Chủ nhật tới mẹ về, ba sẽ lên phi trường đón mẹ. Vợ chồng con qua đây ăn cơm tối, cho cả ba đứa nhỏ theo với, ông bà nội nhớ tụi nó lắm rồi.

- Ba để vợ chồng con lo...

Nghẹn ngào, Nhân bỏ điện thoại xuống. Nó vẫn là nó, chỉ có mình là đổi khác. Hú vía! Lần bước tới giường nằm, kéo mền lên tận cổ, Nhân nhắm nghiền mắt lại. Trước khi chìm sâu vào giấc ngủ êm đềm, Nhân có mơ màng nhìn thấy lại nụ cười nửa miệng duyên dáng của Lam Vân và tiếng khóc tức tưởi của thằng Bờm mỗi lần nhìn thấy bố mở cửa ra đi mà không cho nó theo.

ĐI ĐÂU, CHO THIÊP ĐI CÙNG

Của cháu Nu, tại cõi thần tiên ấy.

Ngày xưa ngày xưa, ông vua nước Triệu thuộc xứ Trung quốc xa xôi mãi cho đến khi tuổi đời đã luống mới sanh được nàng công chúa thứ ba, đặt tên là Mây Trắng.

Sắc đẹp của Mây Trắng thanh cao diễm lệ không thua gì ánh trăng rằm huyền diệu trong những đêm trời quang mây tạnh. Giọng hát của Mây Trắng véo von thánh thót in hết tiếng chim sơn ca trải rộng khắp núi rừng sông nước trong những sáng đầu xuân. Đặc biệt, mỗi khi Mây Trắng đặt bước ra ngoài đi bách bộ, người thể nữ theo hầu nhận được lệnh truyền chỉ nên trang điểm mái tóc êm như nhung, dài như suối, óng ả như tơ trời của công chúa bằng một cánh hoa ngâu vừa hái, lấm tấm điểm vàng. Mùi hương thoang thoảng của cánh hoa vương vấn theo sau từng bước chân tại những chỗ Mây

Trắng có dịp đi qua.

Năm Mây Trắng tròn 16 tuổi...

Một buổi sáng, giữa lúc đang thông dong thả gót hài bên trong khu vườn thượng uyển, thành linh Mây Trắng chùn bước lại. Nàng vừa cảm thấy quanh quẩn đâu đó dường như có ánh mắt ai đang dõi trông theo mình. Lấy tay che mặt, Mây Trắng e dè đưa mắt tìm tòi. Quả thật, nàng bắt gặp ở phía bên kia bờ giậu có bóng dáng của một chàng thanh niên nét mặt khôi ngô, dáng điệu khoan thai, đầy cương thả lỏng. Và, đó chính là vị trưởng nam, con quan thượng thư đầu trào.

Từ dạo ấy...

Cuộc tình vương giả bắt đầu mở trang nhập đề, bồi bổ thêm cho kho tàng tiểu thuyết điểm tình có một không hai trong lịch sử loài người ở cái thời xa lơ xa lắc.

Nhưng...

Vận số của con người cũng như vắn xoay của cuộc thế vốn là hai phương trình bao gồm nhiều ẩn số lắm khi vượt ra khỏi tầm lý giải có đôi ba phần hạn hẹp của chúng ta.

Trong một trận thư hùng xưng bá đồ vương cùng vua nước Sở, vua nước Triệu thua trận. Điều kiện để được giảng hoà đặt ra cho nước bại trận gồm nhiều điều lệ khắt khe và vô cùng bạc ác: phải chịu thần phục, phải chịu triều cống hàng năm, phải cắt đất đem dâng và, sau hết là phải đưa một trong những người con ruột của vua nước Triệu sang ở lại làm con tin tại triều đình nước Sở. Vốn là con trai độc nhất, thái tử nước Triệu phải ở lại đợi ngày lên ngôi thay thế vua cha. Hai nàng công chúa

lớn đã xuất giá kể từ ngày tuổi mới cập kê.

Chuyện phải đến, phải đến...

Vua, hoàng hậu và cả triều thần nước Triệu đều muốn hay không muốn cũng bị đẩy vô cái thế phải chọn lựa con đường độc nhất còn lại: bắt buộc nàng công chúa út phải hi sinh.

Vậy là...

Dầu tuổi đời còn non dại, dầu cuộc tình vừa bước vào thời điểm thắm tươi và nồng đượm nhất, vì lòng trung với nước, vì đạo hiếu đối với vua cha; Mây Trắng đành đoạn buông xuôi tất cả để nã nề gạt lệ ra đi. Đường xa với vợ. Đồi núi chập chùng. Cõi lòng tan nát. Nhìn đoàn xa giá tiễn đưa lầm lũi dưới cảnh trời đông âu sầu rét mướt, Mây Trắng tưởng chừng như nàng đang tiến bước trên con đường hướng về cõi địa ngục đìu hiu.

... Đất khách quê người. Tấm thân lữ thứ. Cô phòng hiu quạnh. Ngoài đôi dòng lệ lã chã đêm ngày làm bầu bạn, Mây Trắng không còn gì hết, không có ai hết.

Đông đi, xuân lại.

Cũng một buổi sáng tinh mơ, giữa lúc mọi người còn say sưa giấc điệp, giữa lúc đang đứng tựa mình bên khung cửa sổ, Mây Trắng bỗng hồi nhớ lại hình ảnh từng bừng của những đoá hoa xuân nở rộ tràn trề trong khu vườn thượng uyển thời nàng còn ở tại quê nhà. Cảnh cũ. Người xưa. Tấm lòng cố quốc. Mây Trắng nẩy ý định thử đánh liều lách cửa, len lén bước ra ngoài. Bãi cỏ gần môn môn, cánh đồng xa ngấn ngát một màu xanh. Không dần lòng được nữa, Mây Trắng bắt đầu tiến tới trước. Tiến tới nữa. Tới nữa. Đôi hài thoăn thoắt, thoăn

thoát và Mây Trắng chỉ chịu dừng bước lại khi đôi gót sen nhỏ nhắn vấp vào chân một ngọn núi đứng chơ vơ giữa trời. Cái gì trên đó, tầm nhìn tận đâu? Vừa hỏi, Mây Trắng vừa lằng xằng lo quăn gọn hai ống quần, xắn cao hai tay áo. Rồi, ra sức ra công Mây Trắng bắt đầu leo lên. Hết đu cành này lại níu rễ khác, đạp chân vào đá lấy đà, tựa mình vào thân cây lấy chỗ dựa. Vậy mà... Chẳng mấy chốc sau, Mây Trắng thấy mình đã leo tới tận đỉnh. Nhìn lại thân mình: không một vết sứt trên bàn tay ngà ngọc, không một đường sứt chỉ trên tà áo mượt mà. Vì sao? Nhờ mãnh lực thần bí nào? Dầu có thoáng băng khuâng, nhưng vì bấm tính vốn ngây thơ, vì kinh nghiệm trường đời chưa lão luyện, hình như chưa bao giờ Mây Trắng buồn bận tâm lâu dài về những sự việc vượt quá xa tầm hiểu biết thô thiển của nàng.

Cảnh trí phơi bày trước mặt: lá xanh ngút mắt, hoa xuân nở tận dưới gốc cây tận bìa kè đá. Mây Trắng cảm thấy cõi lòng nàng vốn khô cằn sỏi đá bỗng trở nên ngát ngây như trời đang nắng hạn gặp được mưa ngâu. Lựa một phiến đá hoa cương bóng láng như gương, Mây Trắng sẽ sàng vén áo ngồi lên. Yên vị đâu đó cả rồi, Mây Trắng tản mẫn thử lục lại trong ký ức xem đâu mới đích thực là phương hướng dẫn đưa về nơi quê cha đất tổ của nàng. Một khi ngỡ rằng mình đã ổn định xong xuôi vị trí muốn tìm, thay vì mừng vui phấn khởi thì Mây Trắng lại chạnh lòng thổn thức. Mãi cho đến khi ánh nắng ban mai chan hoà lên cảnh vật, Mây Trắng mới lần khần đứng dậy, lần tìm con đường cũ, lủi thủi quay về triều cho kịp giờ trình diện.

Từ dạo ấy...

Cùng một lộ trình, cùng một đỉnh núi, cùng những giòng nước mắt tuông xuống như mưa, Mây Trắng đến rồi đi, tới rồi về.

Ngày qua, ngày lại.

Mây Trắng đâu ngờ rằng...

Có một lần có một lúc, vô tình nghiêng đầu nhìn xuống, Mây Trắng kịp thời phát giác ra một hiện tượng vô cùng kỳ quái: ngay chính giữa phiến đá phẳng lì mà ngày ngày nàng vẫn bình thản ngồi lên, từ lúc nào đã lộ xuất hiện một cái lỗ hổng tròn vành vạnh, tối om om và sâu hun hút. Vừa nhìn, Mây Trắng vừa thích thú tự hỏi: “Phải chăng đó là công trình đục khoét do những dòng lệ từ đôi mắt ta nhỏ xuống mà thành?”

Sự thật ra sao? Chính sức mạnh của những dòng nước mắt yếu mềm theo thời gian đủ sức xuyên thủng phiến đá cứng ngất hay chính khối tình thủy chung như nhất của nàng công chúa Mây Trắng đã khuấy động tới lòng trời?

Dẫu gì, biến cố lạ thường vừa xảy ra vẫn không mấy may gây xáo trộn quá nhiều cho cõi tâm tư của Mây Trắng, vốn đang ngổn ngang trăm mối vì nạn bị lưu đày dài hạn. Bằng chứng là ngày lại ngày qua, Mây Trắng vẫn một mực cắm cúi thi hành chừng bấy nhiêu công tác.

Cho đến một ngày...

Giữa lúc đang mải mê hưởng tầm nhìn ướt rượt về phương trời xa thẳm, Mây Trắng bỗng giật nảy người lên: nàng vừa tự mắt nhìn thấy từ đâu, từ dưới đáy sâu

cái lỗ hồng tối mù dường như có một làn hơi mờ đục uốn éo bốc lên. Thoát ra khỏi miệng lỗ, làn hơi đục không bay bổng lên cao mà vẫn vũ kết tụ lại thành một khối trụ đồng nhất. Rồi, eo ôi, giữa khoảng không bao la bát ngát lơ lửng hiện nguyên hình dạng của một vị lão trượng râu dài chấm gót, vạt áo màu bạc phất phơ trước gió, cây gậy cầm tay hình đầu rồng cắm lút trong mây.

- Ta muốn biết cho đến tận năm tháng nào con mới chịu chấm dứt công việc vô bổ dường kia?

Giọng nói ai vang dội qua mây tầng sương sớm? Tuy cực kỳ hoang mang và tuy hoàn toàn không biết rõ vị lão trượng vừa lừng lừng xuất hiện vốn là người của cõi tiên hay chính là thần linh của ngọn núi mà ngày ngày nàng vẫn băng bộ tới viếng thăm; nhưng thứ lễ giáo ngàn xưa vẫn thúc giục Mây Trắng phải chấp hai tay lại, phải cúi đầu phủ phục và lí nhí trả lời:

- Muôn tâu lão trượng! Con sẽ dừng khóc, một khi con được sum họp...

Một cái phất tay, chòm râu bạc chia đôi hai dòng nhường chỗ thoát cho tràng cười «khà, khà» sang sảng vang ra.

- ... Cùng người con yêu dấu? Ôi, con ơi, vốn là người của cõi dương tại sao con lại thờ ơ trước luật biến hoá vô lượng của đất trời muôn thuở?

- Muôn tâu...

- À, à phải chăng con vẫn hằng mong mỏi được nhìn thấy lại bóng dáng của người con yêu?

Đang phân vân chưa biết nên thưa gởi thế nào cho phải phép và cho đúng hẳn với tâm trạng đa đoan của

mình thì chưa gì Mây Trắng đã thoáng nghe có tiếng một vật nặng nào rơi xuống cái thịch sạt bên cạnh chỗ nàng ngồi. vén tóc, Mây Trắng dón dác nhìn lên: ngay trên phiến đá hoa cương có ai vừa đặt lên một cái thúng lớn đựng đầy ăm ắp một loại lúa khô, hột hột no tròn, sắc màu hực hỡ.

- Ngày mai, kể từ lúc mặt trời lên, con phải ngồi yên tại đây để bắt tay vào công việc: tay con bốc từng nắm lúa tung lên cao, miệng con cất tiếng hát, mời gọi đàn chim xa bay đến tìm mồi. Rồi ra, con sẽ thấy...

- Muôn tâu...! Vì hoàn cảnh cá chậu chim lồng, con phải trở về triều cho kịp giờ...

- Đừng lo sợ hão huyền! Quyền lực nằm trọn trong lòng bàn tay ta.

Giọng nói âm vang ngưng lại nửa chừng, bóng người nhà trời băng lảng tựa sương khói, dập dờn tựa sóng nước ngàn khơi rồi từ từ mất hút vào giữa miệng cái lỗ hổng đen ngòm. Ngẩn ngơ, Mây Trắng đưa mắt dõi nhìn theo một hồi trước khi sức nhớ lại đầu đuôi câu chuyện...

Tay hốt lúa vãi tung toé lên trời, vành miệng Mây Trắng hé mở ra cho giọng hát thiên phú lần đầu tiên, kể từ ngày lưu lạc có dịp ngân nga vượt qua núi qua đèo qua sông qua suối. Lũ chim trời đang bay bổng giữa không trung dừng lại lắng nghe rồi riu rít hạ dần đôi cánh xuống. Lạ lùng thay, dần Mây Trắng vãi lúa về bất cứ phương hướng nào thì đàn chim nhỏ cũng tỉ tê rủ rê nhau tụ họp về cùng một nơi chốn cố định. Rồi, chỉ trong nháy mắt, ngàn vạn đôi cánh rập rình tự thay màu đổi

sắc trước khi nối kết liền lạc lại với nhau, tạo nên hình ảnh rõ ràng của một quả tim người. Khổng lồ. Sống động. Tươi rói. Thao thức giữa trời.

Và, kìa, ngay chính giữa quả tim với nhịp đập từng bừng náo nức, bỗng phát lộ dần thêm bóng dáng của một con người.

Sững sờ, Mây Trắng mở rộng đôi mắt ra, nhìn không chớp. Rồi, từ giữa đôi môi run rẩy bỗng để bật ra những tiếng kêu mừng rỡ: “Chàng ơi! Người tình yêu đầu của em ơi!”

Phải, quả đúng là chàng! Là hình ảnh của vị công tử mà một ngày nào trong dĩ vãng đã từng thủ vai trò người yêu đầu đời của nàng công chúa có tên gọi là Mây Trắng. Có khác chăng là lần này bóng chàng không hiện ra một cách thân thiết và gần gũi ở ngay phía bên kia hàng giậu của khu vườn thượng uyển mà lại nhấp nhô chao đảo giữa cảnh trời không trên không dưới, không bến không bờ. Bóng chàng đó, lung linh mờ ảo giữa cảnh trí của một dinh thự xa hoa, có đám người hầu vào ra tấp nập, có đoàn cung tần thiếp xiêm áo lượt là. Riêng chàng, vò vò một mình ngồi tựa án thư. Nét mặt dàu dàu. Vành môi trĩ xuống. Cặp chân mày nhíu lại. Ánh mắt thần thờ hướng về phía có cánh hoa ngâu lấm tấm điểm vàng do bàn tay ai cài hờ trên đỉnh đầu chiếc nghiêng son khô mực. Ôi! Cánh hoa xưa! Cứ mỗi buổi sáng lại đong đánh xuất hiện trên mái tóc đen tuyền của nàng công chúa người tình ở cái thời hoa mộng ấy! Cặp mắt mờ đi, toàn thân rung động, Mây Trắng nghẹn ngào cất tiếng gọi tên người yêu đang phiêu du tận cõi vô

cùng vô tận nào. Đáp lại tiếng gọi thiết tha trù mến của Mây Trắng chỉ có tiếng gió gào trong rừng vắng và tiếng chân chạy nhốn nháo của lũ thú hoang lỡ bị lạc đàn, hoảng hốt lo truy tìm đường về.

Ngày qua ngày lại.

Cứ mỗi lúc cánh tay nòn nà của Mây Trắng vươn lên cao, cứ mỗi lần một nắm lúa vàng rộm được tung hê ra giữa trời thì đàn chim tan tác lại nhộn nhịp bay đến, để cho hình ảnh thân yêu và kỳ diệu ấy có dịp xuất hiện thêm lần nữa .

Và lần nữa. Lần nữa...

Cho đến một ngày...

Khi giữa cái thúng chơ hơ chỉ còn sót lại một nhúm lúa ít ỏi sau cùng, Mây Trắng chùn tay lại. Dầu lời hứa hẹn của tiên ông vẫn vắng vắng bên tai. Đắn đo, Mây Trắng tự nhủ lòng: chẳng thà chỉ được ngắm nhìn bóng dáng của người yêu qua... ngàn dặm quan san còn hơn là phải bấm lòng cam chịu cảnh mịt mù tăm cá như thuở mới chia xa. Nhưng, chẳng lẽ không đứng ngừng tay lại nửa chừng? Hoặc, chẳng lẽ dám bạo gan cưỡng lại lệnh truyền của vị tiên ông quyền phép? Cân nhắc một hồi, rốt cuộc lại Mây Trắng đành cắn chặt đôi môi, lụp chụp thò tay bốc vội nắm lúa còn nằm tận đáy thúng rồi, nhún người lấy đà tung hết lên cao. Đàn chim tứ tán đổ xô nhau qui tụ lại. Hình ảnh quả tim đỏ hỏn và bóng người tình xa lại lớn vồn hiện về, in hệt những ngày qua.

Đặc biệt, ngay buổi sáng hôm đó không hiểu vì duyên cớ nào ông trời lại các cố trở gió. Từng luồng gió xa rào rạt thổi về. Từ mái hiên ngoài gió luồn vào đại

sánh. Sức gió thổi ban đầu còn tương đối dịu dàng về sau càng thốc tháo hơn lên, xô đẩy cánh hoa cứ hết nghiêng qua bên này lại ngã về bên khác. Cuối cùng, cánh hoa bị bật tung lên và bị bắn xa ra khỏi miệng chiếc nghiêng son. Được “tháo cũi sổ lồng” giống hết loài bướm biết bay, cánh hoa tự động bốc bổng lên cao rồi sấn đà nghênh ngang bay lượn giữa chốn công đường. Dầu đang đắm chìm trong bất cứ một nỗi niềm sâu xa thâm kín nào, trước cảnh tượng hoang đường dường kia, vị công tử bất buộc phải cấp kỳ thức tỉnh dậy để vội vàng ngược mắt nhìn theo. Vừa bắt gặp luồng mắt đăm đăm của khổ chủ, cánh hoa liền thay đổi tốc độ đồng thời cũng thay đổi cả hướng bay để lao mình vun vút qua khỏi khung cửa mở rộng. Không một chút ngập ngừng, vị công tử đứng vụt dậy, đưa tay vén áo, hộc tốc cất bước chạy theo. Ngoài không trung trống lỗng, cánh hoa vừa lao mình tới trước vừa quay tròn lông lốc như con vục. Bóng kẻ theo sau chân không chạm đất, hai vạt áo rộng phát phơ như con diều kết bằng thứ giấy bồi được thả cho bay trong những ngày gió lộng muôn chiều.

Bóng ngày qua. Bóng chiều đến. Bóng đêm về. Trên nền trời rộng lớn, cánh hoa vẫn để lộ nguyên hình vì, ở phía bên ngoài cái sắc vàng mờ nhạt đã được bàn tay ai tô điểm thêm lên bằng một lớp lân tinh xanh lè sáng giới. Cảnh trí hư hư thực thực cứ nhợt nhạt phơ bày trước mắt làm Mây Trắng tưởng đâu rằng nàng đang nằm mộng. Nhưng, khi quay đầu nhìn lại thì rành rành ngay bên cạnh nàng cái thúng trống không vẫn ung dung nằm ngửa mặt ngó trời. Quay nhìn về phía xa, Mây

Trắng thoát bủn rủn cả người. Từ lúc nào, cánh hoa đã âm thầm lướt tới tận đỉnh cao chót vót của một ngọn núi đứng chênh vênh giữa trời. Cái bóng người lắc lư phía sau, trong bộ đồng phục đen tuyền lấp lánh điểm sao đêm vừa như được mời gọi vừa như bị thôi miên, vẫn một nhịp kiên trì bèn gót rượt theo. Vừa khi bóng hoa lẫn bóng người thoát chạm phải nhau, từ đâu, từ dưới mấy tầng mây dày đặc, mặt trăng tròn vành vạnh bỗng chốc lộ dạng ra. Cảnh trí chung quanh trở nên rõ ràng và tách bạch như cảnh ban ngày. Dưới ánh trăng sáng rực hai cái bóng, một quay cuống tít trên cao một vật vờ tận dưới thấp, cứ một điệu đều đều nô đùa trứng giỡn.

Càng nhìn, Mây Trắng càng hoảng loạn để định ninh rằng quả nàng đang được chứng kiến cảnh hai cái ánh ma trời lập loè sáng tối trong một bãi tha ma mộ địa bị bỏ quên đâu từ ngàn vạn năm trước.

Rùng mình ớn lạnh, Mây Trắng xoè rộng mười ngón tay ra, che kín mít khuôn mặt mướt sương đêm của nàng lại. Khi Mây Trắng thả lỏng hai bàn tay ra cũng là lúc nàng thoát nhìn thấy cánh hoa lung linh đang thả rơi mình, rớt xuống phía bên kia triền núi. Triền núi đã dốc đứng, lại vương vịu mây giăng, lại vật vờ khói toả. Hoảng hốt, Mây Trắng chống tay đứng bật dậy. Từ đôi môi bạc thếch bỗng để bật ra những tiếng kêu, van xin nài nỉ : “Đừng, đừng, chàng ơi!”

*

* *

Sương đêm lạnh buốt giúp Mây Trắng hồi tỉnh lại. Đêm hầu tàn. Trời đất mờ lung. Nơi xa chỗ gần, bốn

bề hoang liêu tịch mịch, hiu hắt một màu tang.

- Hoa xuân vừa nở. Người con yêu đã quay về nơi chốn đợi chờ. Tại sao con còn khóc?

Giọng nói ai...

Mây Trắng lồm cồm ngồi dậy. Bóng người nhà trời lại thấp thoáng ẩn hiện trong sương. Đưa tay gạt nước mắt, Mây Trắng bệu bạo trả lời:

- Muôn tau... Chàng đã chết!

Cánh tay áo rộng lại khẽ khàng chuyển động, chòm râu lướt thướt lại được dịp chia đôi hai dòng tách biệt, tròng cười rộ lại sang sảng vang ra như tiếng sóng dội nhịp nhàng vào ghềnh đá phẳng trong những buổi chiều thu gió yên biển lặng.

- Chết! Thì ra...! Cho đến tận giây phút hiện tại con vẫn còn đứng yên ở vị trí ban đầu!

- Muôn tau...!

- Ta hiểu rồi, ta hiểu rồi! Tội nghiệp thân con! Con đã lẫn lộn ý nghĩa của những chữ Mất và Còn, Chân và Giả, Sống và Chết.

- Muôn tau...!

- Cô công chúa nhỏ của ta ơi! Nếu gần, lắm khi không có nghĩa là được thì xa đâu có nghĩa là mất? Được đối diện hàng ngày, được chung chăn chung chiếu đã chắc gì tình yêu sống thật và sống còn mãi mãi đâu, con?

Tiếng nói ngưng lại, chòm râu buông xuống, vạt áo tung lên, cái bóng nhập nhoà trôi qua mặt Mây Trắng, lướt thẳng về hướng có cái miệng lỗ đã mở sẵn và mở rộng thành cái miệng hang, hơn hớn đợi chờ.

Nỗi sầu xa xứ vẫn triền miên đeo đẳng theo bên mình, bóng dáng thân yêu của người tình vừa biến biệt tận gốc bể chân trời nào, cộng thêm cái viễn ảnh kể từ nay nàng sẽ không còn ai, không có ai trọn đời trọn kiếp.

Luýnh quýnh, Mây Trắng chồm đầu tới trước, vươn dài cần cổ ra, cố đưa tay níu kéo lại cho bằng được cái bóng dáng của vị tiên ông, họa may ra còn lẩn khuất đâu đó. Than ôi! Mặt phiến đá thì trơn bóng. Vị tiên ông phiêu diêu lại không do xương cốt phạm tục kết tụ lại mà thành. Vì nông nổi đó, Mây Trắng khụy tay, trượt dài, ngã dúm dúm xuống. Cái miệng hang, kể từ lúc mở rộng toang hoang lần đầu tiên khép lại. Và khép lại đời đời.

TRẢ NỢ MỘT ĐỜI

V

ị khách người Ý kéo cái ghế sắt sát giường bệnh, e dè ngồi xuống.

- Xin phép bà...

Đưa tay sửa gối, Mỹ quay hẳn mặt lại hăm hờ đợi.

- Hôm nay chủ tâm đến sớm hơn thường lệ, tôi hy vọng có đủ thì giờ trả lời câu hỏi bà thường nêu ra: Vì lý do gì ngày nào tôi cũng cất công lặn lội đến tận nhà thương này làm việc in hết một nhân viên thường trực đầu việc tôi làm thuộc loại... không lương.

- ?

- Tôi phải kể lại từ đầu. Tôi mồ côi cha từ lúc mới lên hai, mẹ tôi ở vậy ra thân đi làm công nuôi nấng bốn đứa con côi. Đến tuổi trưởng thành cả ba bà chị lớn đều lấy chồng xa, chỉ một mình tôi sớm hôm hủ hỉ với mẹ già. Vài năm sau nữa tôi cũng lấy vợ. Việc làm không

vững chắc, con cái sanh năm một, kinh tế gia đình càng ngày càng trở nên khó khăn; để thử thời vận tôi quyết định làm đơn xin di cư qua Canada. Thuở mới định cư trong nhà chỉ mỗi mình tôi đi làm, vợ tôi lại mang bầu tạm thời ở nhà đợi sanh nở. Tôi quên nói, vì tôi là con trai độc nhất cho nên dầu đồng ý hay không đồng ý mẹ tôi vẫn buộc lòng phải khăn gói ra đi. Người già sống nơi xứ lạ...! Phần lớn tuổi phần thành linh bị bắt lìa khỏi quê cha đất tổ phần gặp thời tiết xứ này quá khắc nghiệt, định cư chưa bao lâu sức khoẻ mẹ tôi đã có mùi sa sút. Ở thời điểm hơn bốn mươi năm trước nơi đây chính phủ chưa cấp “thẻ mặt trío” để người dân tùy tiện đi khám bệnh không mất tiền; rồi lạ nước lạ cái, tiền bạc eo hẹp, bận bịu trăm công ngàn việc lớn nhỏ, nhìn thấy mẹ gầy ốm, tôi trấn an bằng cách tự an ủi: trước lạ sau quen... Không ngờ, một hôm đang ngồi bà bỗng ngã ra bất tỉnh. Tôi hốt hoảng gọi xe chở bà vào nhà thương. Ngặt nỗi đạo ấy cơ cấu bệnh viện chưa tổ chức chu đáo và có hệ thống như bây giờ, do đó phòng cấp cứu là chỗ tuyệt đối cấm thân nhân người bệnh đặt chân vào. Bà thử tưởng tượng coi...! Mẹ tôi, một bà già nhà quê thất học thành linh tỉnh dậy thấy mình đang nằm tại một chỗ chỉ có "Tây" với "Đầm"! Lo sợ đủ điều, ở ngoài phòng đợi tôi quay quắt hết đứng lên lại ngồi xuống, hết ngóng cổ nhìn theo mấy cô y tá mặc áo quần trắng lớp đi ra, lại chăm chú theo dõi nét mặt từng ông bác sĩ mang ống nghe đi vô. Giờ “thăm nuôi” chấm dứt, tôi lủi thủi ra về. Cứ vậy, một tuần lễ trôi qua. Một hôm quá sốt ruột vợ tôi ôm con gởi người lối xóm, nặng nặc đòi theo tôi vào

nhà thương. Lại ngồi, lại đợi. Hết giờ, đoàn người thăm nuôi lục đục ra về, không còn đủ sức chịu đựng lâu dài hơn nữa vợ tôi oà ra khóc hu hu. Vừa may, cánh cửa phòng cấp cứu mở ra: một ông bác sĩ người da đen xuất hiện. Nghe tiếng khóc, nhìn quanh quất thấy vợ chồng tôi, không một chút lưỡng lự ông bác sĩ da đen tiến đến gần. Bằng thứ tiếng Pháp đơn giản nhất ông ta từ tốn đặt câu hỏi, bằng thứ tiếng Pháp không... văn phạm, vợ chồng tôi thay phiên nhau trả lời. Lúc hiểu ra, ông ta hớn hở la lên:

- Tôi nhớ lại rồi: tôi hiện có một bà bệnh nhân người da trắng nhưng lại không biết tiếng Pháp cũng không biết tiếng Anh. La xong, cúi mình xuống, ông bác sĩ da đen thân mật bắt tay vợ chồng tôi.

- Tôi xin phép tự giới thiệu: tôi là bác sĩ Martin M. rất hân hạnh được quen biết ông bà! Thái độ vừa thân tình vừa cởi mở của bác sĩ M. giúp vợ chồng tôi thêm can đảm. Vợ tôi bạo dạn ngỏ ý nhờ ông ta làm cách nào đưa giúp một trong hai chúng tôi vào gặp mẹ tôi. Lời yêu cầu thậm... vô lý làm bác sĩ M. tỏ ra bối rối, nhưng sau cái nhú mày ông ta hạ giọng nói nhỏ:

- Ông bà có đứa con nào vào khoảng 5, 6 tuổi không? Nếu có, chiều mai giờ này vui lòng dẫn nó đến đây.

Chiều mai xong việc, tôi tạt về nhà dẫn bé Lolo vào nhà thương. Lúc phòng đợi chỉ còn vồn vện hai cha con tôi, bác sĩ M. mở cửa lững thững đi ra mình mặc chiếc áo khoác rộng thùng thình. Tiến sát đến chỗ chúng tôi ngồi, nhìn trước nhìn sau không thấy ai, bác sĩ M. lẹ làng

mở rộng hai vạt áo khoác ra dẫu bảo bé Lolo chui vào sau lưng. Gài kỹ hàng nút giữa, dựng đứng cổ áo khoác che kín hai vòng tay con bé lại, bác sĩ M. ung dung cõng nó bước vào phòng cấp cứu. Mười lăm phút sau, ông ta lại ung dung cõng nó trở ra. Trên đường về nhà bé Lolo hớn hởi kể: mẹ tôi mừng suýt kêu rú lên lúc nhìn thấy cảnh ông bác sĩ mở vạt áo đặt con cháu nội đứng sừng sững trên giường bà. Lấy tấm thân to lớn làm bức bình phong, bác sĩ M. khoanh tay, ẩn nhẫn đứng chờ hai bà cháu tíu tít nói chuyện. Cảnh thăm viếng “trái luật lệ” tái diễn đều đều mỗi tuần một lần cho đến ngày mẹ tôi rời bệnh viện. Về nhà, không có nghĩa là bệnh tình bà đã hoàn toàn bình phục. Đoán biết tôi không đủ tiền lại thiếu phương tiện đưa bà đến phòng mạch tư, bác sĩ M. tình nguyện đến tận nhà khám bệnh miễn phí mỗi tuần ba lần. Bất kể tuyết giá, bất kể đường xá xa xôi trơn trượt, bất kể chuyện mỗi lần đến phải leo lên leo xuống đến sáu cầu thang bộ, hầu như lúc nào bác sĩ M. cũng hiện ra trước ngưỡng cửa nhà tôi đúng giờ giấc và với nụ cười rạng rỡ trên môi. Được khám bệnh thường xuyên chưa đủ, mẹ tôi còn cần thuốc men và tất cả số thuốc mẹ tôi uống từ ngày xuất viện đều do một tay bác sĩ M. đem đến tặng không. Lật bật đến ngày vợ tôi sinh, bác sĩ M. hân hoan nhận thêm hai thân chủ mới. Đặc biệt đối với lũ con tôi, bác sĩ M. chính là ông già Nô-en bằng xương bằng thịt hằng năm đến viếng nhà không chỉ một lần theo thông lệ, mà rất nhiều lần theo đúng nhu cầu “ham muốn” không ngừng nghỉ của chúng. Nhờ được chăm sóc tận tình, một thời gian sau mẹ tôi dứt bệnh đủ

sức trông nom cháu bé để vợ tôi rảnh tay đi kiếm việc làm. Vừa có thêm đồng lương thứ hai, chúng tôi cấp tốc đặt kế hoạch dời nhà. Dời nhà, có chỗ ở thoáng mát hơn hòng còn tính chuyện đền ơn trả nghĩa bác sĩ M. đầu chỉ là một bữa cơm gia đình, đó là điều chưa bao giờ chúng tôi làm được. Mong ước chưa kịp thực hiện, một hôm tôi nhận được lá thư ngắn của bác sĩ M. trong đó có câu: “Vì sắp đi làm xa, tôi gửi lời từ giã gia đình ông bà. Thành thật cầu chúc... Hi vọng có ngày gặp lại”.

Nói đến đó, ông khách dừng lại, một chốc sau mới chậm rãi kể tiếp:

- Hơn 20 năm trôi qua rồi! Chúng tôi vẫn chờ và bác sĩ M. không bao giờ trở lại.

Thấy ông khách ngồi yên tư lự, không kịp suy nghĩ chín chắn, My nồn nóng góp lời:

- Tôi nghe nói tại các bệnh viện danh tiếng bên Mỹ có rất nhiều bác sĩ da màu. Ông có nghĩ rằng... Một thoáng cau mặt.

- Bà nói vậy vì bà chưa nắm vững vấn đề, bác sĩ M. không phải hạng người suốt đời chỉ chăm chăm chú chú mỗi việc: chạy theo đồng lương cao hay chạy theo bệnh viện lớn.

- Ông ta trở về xứ? My nói vớt vát. Lắc đầu.

- Nhờ gần gũi lâu ngày tôi không lạ lòng gì tánh tình và toàn bộ con người của bác sĩ M., tôi đoán và đoán chắc rằng: từ bấy lâu nay ông ta vẫn miệt mài hành nghề tại một trong những miền rừng núi xa xôi nào đó. Cúi gằm đầu xuống.

- Những chỗ "man di mọi rợ"; những chỗ "đèo heo

hút gió"; những chỗ bị thế giới văn minh bỏ quên; những chỗ muôn đời tha thiết ngóng chờ một bàn tay, một tấm lòng, một vốn liếng học thức sâu rộng.

- Đã có khi nào ông thử dò tìm tông tích của bác sĩ M. chưa?

Lắc đầu lần nữa.

- Đã nhiều lần tôi có ý định tìm ông ta trong danh sách đoàn bác sĩ thuộc loại "vô biên giới", nhưng cuối cùng tôi ngập ngừng vì ý nghĩ sau đây: hay... thôi vậy! Hãy để ông ta yên với những gì ông ta muốn! Vì ngay sự việc tình cờ gặp gỡ, tình cờ ra tay cứu giúp gia đình tôi biết đâu chừng không thuộc một trong trăm ngàn thứ "muốn" mà chính ông ta đã hoạch định sẵn kể từ lúc mới chính thức đặt bước chân trên con đường trần gai góc này.

Gượng đứng dậy, ông khách nhếch miệng cười buồn:

- Nghĩ cho cùng, giữa ông ta và tôi chưa biết ai nợ ai? Biết đâu (lại biết đâu!) tôi không là một trong số ngàn vạn con người đã có công xây đắp nên giấc mộng lớn cho cuộc đời của ông ấy. Sợ ông khách sẵn đà đi thẳng, My chống tay góc đầu dậy, lên tiếng nhắc:

- Ông chưa trả lời câu tôi hỏi! Làm như không nghe, ông khách... tỉnh bơ đẩy ghế đi lần ra phía cửa, vừa đi vừa nói lẩm thẫm như đang nói một mình hơn là nói cho My nghe.

- Bác sĩ M. ra đi cố tình không để lại địa chỉ, rất có thể trong thâm tâm ông ấy muốn gởi lại tôi thông điệp này: hãy trả lại cho đời món nợ tôi đã vay của đời.

Lầm thầm xong, ông khách le te đi một nước, My trố mắt nhìn theo một hồi trước khi chịu thả rơi đầu xuống gối.

MƯA BAO GIỜ CHO YÊN

Dể dành tiền nuôi con, đừng bao giờ ra đây thăm anh nữa.

Đó là câu dặn dò sau cùng được thoát ra một cách rất nghiêm trọng từ cửa miệng Quốc. Nói xong, Quốc loạng choạng bước đi. Cái bóng khẳng khiu nghiêng qua ngã lại theo từng cơn gió lạnh từ trên núi cao lồng lộng thổi về. Dưới cái rét ghê người của mùa đông Việt-Bắc, qua cái áo rách mướp cái quần tả tơi, từng mảnh da thịt trên cơ thể Quốc gần như phơi bày trọn vẹn ra giữa trời; lỗ chỗ ghẻ chốc, nơi tím sẫm nơi lở loét giống hệt một miếng thịt heo còn cả da lẫn mỡ bị bỏ quên trong một góc xó lâu ngày và sắp tới hồi thối rữa.

Bé Trí chạnh lòng ngồi phệt xuống đất, oà ra khóc hu hu. Còn Thùy, tuy đã có đi thăm nuôi hai lần trước ở Long Khánh rồi, nhưng lần này gặp lại nàng cơ hồ

không nhận ra chồng mình. Giữa đoàn tù rách rưới, xương xẩu; nếu không bị tình cảm riêng tư chi phối đến nỗi phải nhìn lầm, Thùy có thể xác quyết một điều: Quốc đúng là hiện thân của một bóng ma đối vật vờ giữa đoàn hành khất dở sống dở chết. Trên đỉnh đầu chàng tóc tai chỉ còn lại một nhúm lơ thưa cần cỗi dơ bẩn, gợi cho Thùy nhớ tới hình ảnh của một gốc tre sắp tới hồi tàn lụi chỉ còn để lộ trên mặt đất đồng rỗ già khằn và khô quắt. Hai hàm răng thì cái có cái không, cái đong đưa qua lại không khác gì một cành cây bị chặt đứt chỉ còn dính hờ với thân mẹ bằng một lớp vỏ mỏng dính bao ngoài. Càng nhìn Quốc lâu chừng nào, Thùy càng có cảm giác rõ rệt là toàn bộ xương cốt lớn nhỏ trong cơ thể nàng đang đồng loạt vụn mình trèo treo để mong biến thành sụn trước khi thành một thứ cám nhão nhoẹt. Chỉ có bộ óc nàng là còn hoạt động chút đỉnh, nhưng cũng chỉ quanh đi quẩn lại nội trong một khuôn viên rất ư chật hẹp: Vì đâu nên nỗi? Là câu hỏi độc nhất lớn vờn hoài trong trí óc Thùy kể từ lúc nàng thoát nhìn thấy bóng Quốc. Vì đâu? Vì đâu? Phải chăng vì... lần mò, Thùy nhớ lại trong lần thăm nuôi trước, Quốc có thì thào kể: Vì đã từng là một thẩm phán ở tòa án binh, hồ sơ Quốc bị liệt vào loại nguy quân lẫn nguy quyền. Câu thú tội: Tôi công nhận...; tự tay Quốc đã phải viết đi viết lại cả trăm lần. Thì hi vọng gì còn có ngày về? Thì ở ngoài đời làm sao Thùy sống còn? Hoàn cảnh đơn chiếc. Của cải không có. Con cái nhỏ dại.

Bóng chiều xuống mau, gió thổi mạnh dần, hai đầu gối Thùy vốn đã lỏng lẻo sẵn cứ run lên lấy bầy để cuối

cùng chụm khít rịt vào nhau biến nàng thành một con sứa bèo nhèo. Không tài nào cưỡng lại được nữa, Thùy rũ xuống, mái tóc dài xoả tung trong gió, hai hàng nước mắt nối tiếp nhau rơi thành dòng xuống bờ ruộng ướt. Bóng chiều sắp qua. Màn đêm sắp đến. Mặc kệ.

- Mẹ ơi, người ta đi hết rồi! Từ hồi nào bé Trí đã thôi khóc để bắt đầu lên tiếng rên rỉ.

- Mẹ ơi, trời tối, con sợ!

Thật vậy, đoàn người thăm nuôi làm xong bốn phận đã lếch thếch dẫn nhau đi. Giữa khoảng rừng âm u, trong màn chiều chạng vạng chỉ còn sót lại hai cái bóng lẻ loi của mẹ con Thùy. Bé Trí sợ, Thùy biết, nhưng không hiểu tại sao quanh quẩn đâu đây hình như có một mãnh lực vô hình nào còn to lớn, mạnh mẽ và thâm hơn cả nỗi sợ vẫn mặc tình ra tay trì kéo làm Thùy cứ muốn nấn ná ở lại.

- Nhìn ba kia, mẹ! Bé Trí la hoảng lên.

Tiếng kêu thất thanh của thằng bé bất ngờ vang lên trong cảnh chiều tà tịch mịch có công dụng cắt đứt liền mọi luồng tư tưởng lộn xộn trong đầu Thùy; đồng thời lôi xệch nàng trở về với cái hiện tại đang diễn ra sờ sờ trước mặt. Ngược vội mặt lên, Thùy đưa mắt dõi theo hướng Quốc đi. Đoàn tù đi đã khá xa rồi, Thùy chỉ còn nhìn thấy bóng họ lắt lay, mờ tỏ trong làn sương đục. Nhưng kìa, ở tuốt phía sau xa có một bóng người không hề lay động. Khuôn mặt kẻ đứng lại có vẻ như đang quay ngược về hướng mẹ con nàng. Thùy rùng rờ! Là ai khác, ngoài Quốc? Lấy bẫy chống cả hai cánh tay xuống đất, Thùy bò lê, cổ banh lòn mắt nhìn theo. Sương mù

xuống càng lúc càng đục, màn chiều đi càng lúc càng nhanh, bóng người xa càng lúc càng mờ.

- Chết cha! Ông lính trở lại rồi!

Giọng bé Trí nghe nhỏ xíu, như kẻ chạy hụt hơi. Thùy đưa tay quệt lia lia hai dòng nước mắt để thấy rõ quả có bóng người vừa quay qua quay lại. Hai cái bóng mờ quán lấy nhau, rồi một trong hai tách ra ngã dúi dụi xuống đất. Bé Trí lao tới, lôi bừa mẹ dậy:

- Ông lính đánh ba. Mình đi đi, để cho ba “về”.

Vít chặt cổ thành bé, Thùy đứng bật dậy, vùng lên chạy. Trên con đường rừng mấp mô chỗ lồi chỗ lõm, giữa tiếng gió đêm vi vút, hai mẹ con cùng cắm đầu cắm cổ chạy cho nhanh. Vấp ngã. Sờ soạn đứng lên rồi lại chạy tiếp. Chân trầy, tay sưng, đầu rướm máu vẫn níu cứng lấy nhau. Hai khuôn mặt hốt hơ hốt hã cứ nhắm một đường hướng thẳng tới trước. Mãi cho đến khi khuất hẳn sau đám rừng già, hai cái bóng nhỏ vẫn chưa dám dừng chân cũng chưa từng quay lưng nhìn lại, dầu chỉ một lần.

Từ đó, Quốc bật tin luôn. Đã qua mấy bận thăm nuôi, Thùy không nhận được giấy báo. Thư viết ra trại hỏi thăm tin tức thì nhiều mà thư trả lời thì không bao giờ có. Về sau, lâu lắm, có một chị bạn ra Bắc thăm nuôi chồng trở về, kể rằng: Quốc biệt tích nhân một lần mưa bão và giữa lúc nước lụt dâng lên lai láng quanh khuôn viên trại tù. Quốc biệt tích là chuyện có thật, còn chuyện Quốc bỏ trốn, gặp tai nạn, thoát hay không thoát lại là chuyện không ai biết rõ.

Ba năm, rồi năm năm trôi qua. Sáng, Thùy chạy vạy

đầu chợ này; chiều, Thùy bươn chải cuối chợ khác. Cuộc sống vẫn thiếu hụt, cơm thì bữa cháo bữa rau. Lần hồi, một vài người tù ra Bắc có kẻ được thả về. Cứ một năm qua, cứ mỗi dạo có một người về niềm hy vọng mong manh trong Thùy lại có thêm một duyên cớ nữa để bị bào mỏng dần đi; dầu bạn bè theo thói quen hễ gặp mặt nàng là mở niệng an ủi:

- Biết đâu anh ấy vô... bưng ?

- Biết đâu anh ấy vượt Lạng Sơn qua Tàu rồi?

Nhiều năm tháng quá! Nhiều thứ “biết đâu” quá! Nếu còn sống, tại sao Quốc không tìm cách liên lạc về?

Một hôm con bé út bị cảm, Thùy bỏ buổi chợ ở nhà. Cho con bé uống thuốc xong, Thùy lần ra cửa định phơi tiếp dây áo quần còn bỏ nửa chừng. Hai chân vừa lê tới cửa, Thùy bỗng giật thót mình:

- Thùy!

Thùy dừng chân lại, ngơ ngác tìm tòi.

- Vịn đây!

Có bóng dáng một người đàn ông đang đứng lấp ló ngoài khung cửa. Vịn! Có lý nào! Tuy không tin hẳn vào cặp mắt mình, Thùy vẫn có cảm tưởng như cả cái mái nhà to lớn bỗng rung động dữ dội rồi âm âm sụp đổ, đè nặng trên đầu trên cổ nàng. Xen kẽ giữa tiếng gạch ngói bể rồn rảng rõ ràng Thùy có nghe một tiếng cười gần:

- Tôi đang tự hỏi: Ai cho phép ông vác mặt tới đây ?

Có lẽ đã chuẩn bị tinh thần đâu đó cả rồi và cũng có lẽ đang tự đặt mình vào cái thế sẵn sàng chờ đón mọi sự việc phũ phàng, người khách mới xuất hiện ẩn nhẫn trả

lời:

- Quốc cho... anh địa chỉ này.

Quốc? Thật không hổ danh một con người lịch duyệt, Thùy bủ môi hồi nhớ lại. Nội cái tên Quốc, buông ra đúng lúc đã có công dụng của một cơn mưa lớn đủ sức dập tắt trong nháy mắt đám cháy rừng hừng hực. Và Thùy quên sạch.

- Quốc? Chồng tôi? Ông gặp ở đâu?

Con cá đuối đã bắt đầu chịu đánh hơi môi, chỉ cần nhử sao cho nó đến gần là coi như xong một giai đoạn. Thở một hơi rõ dài, Vịnh ung dung tiến lên một bước, định đặc trả lời :

- Anh gặp Quốc trong trại học tập.

- Nhà tôi còn sống?

- Thời còn ở Long Khánh cũng như thời bị đưa ra Bắc, Quốc với anh đều ở chung trại.

Chung trại? Thùy dừng nghe, tản mẫn lý luận: bị nhốt cùng trại có nghĩa là Vịnh cũng được thăm nuôi cùng một lần, cũng có nghĩa là Thùy từng đụng đầu... vợ con Vịnh. Vợ Vịnh! Con bạn thân nhất một thời! Người đàn bà đã có lần nở táng tận lương tâm ra tay cướp giết cái hạnh phúc lẽ ra là của Thùy. Cả Vịnh nữa: một cặp bài trùng! Hàn học, Thùy nhếch môi, lên tiếng xỏ xiên:

- Ông có xin phép bà nhà trước khi tới đây không ?

- Na chết lâu rồi.

Chết rồi! Thảo nào! Thùy lặp lại như cái máy. Có bàn tay ai đó chơi khăm vừa thọc sâu vào giữa quả tim nóng hôi hổi của Thùy, nắn bóp lia lịa làm những thớ

--

thịt vốn chẳng qua chẳng về bị tháo bung ra hết. Toàn thân Thùy nhũn xuống, hơi thở nàng cũng dần dần chậm lại. Chết là hết! Không ai hoài công đi tranh cãi hơn thiệt với một bóng ma. Thùy cất tiếng thở dài và thần thờ lê chân tới trước, thả rơi người xuống bậc thêm xi-măng lạnh ngắt. Vịnh lú díu bước theo sau. Trước mắt nàng, không xa lắm dần trải một hàng rào cây xanh um. Dưới ánh nắng rạng rỡ, màu xanh mơn mớn của lá cây đủ sức tạo cho Thùy cái cảm tưởng là nàng đang chiêm ngưỡng một cảnh trí xa xôi được tô vẽ bằng sông núi, chùa đền, mây nước. Để cho bức tranh có hồn, tác giả còn vẽ vời thêm thắt vài nét chấm phá sinh động khác. Có bóng người chờn vờn qua lại; người xa, kẻ gần; người sống đôi, kẻ lẻ thui. Giữa cuộc đời nhốn nháo bức tranh bị lấy đi, nhưng trong cõi tiềm thức mù khơi của Thùy cái án tù vẫn đeo đẳng ở lại. Mới đó, mười mấy năm trôi qua rồi! Từ đâu, một cơn gió lạnh thổi tạt tới, Thùy bàng hoàng chếp miệng: người chết chôn theo mọi đúng sai vui buồn; nhưng còn người sống thì cứ phải nai lưng ra sống. Thử liếc mắt nhìn qua Vịnh, vẫn củ rử như con cú đói, Thùy bồi hồi nói khẽ, nghe giọng mình đứng đưng nguội lạnh như của một người nào khác:

- Nhà tôi nhấn gì ông ? À, nhấn gì... anh?

Tro than đã chịu nguội lạnh rồi. Vồ lấy cơ hội, Vịnh nói liền một mạch:

- Có một ngày, cùng đi lao động trong rừng nhân dịp người lính canh vắng mặt chốc lát, Quốc lần tới gặp anh. Mãi cho đến lúc đó, anh mới kịp phát giác ra là Quốc biết rõ mình. Quốc nói nhiều nói nhiều, nhưng anh chỉ

nhớ mỗi một câu: “Vì chút tình xưa nếu còn có ngày về, xin anh cứu lấy vợ con tôi”. Một tháng sau, Quốc biệt tích.

- Hừ, tình xưa! Nhà tôi lắm! Lắm lớn! Anh về đi...

- Sao lại về? Còn lời gởi gắm của Quốc? Còn các con?

Thùy đứng bật dậy:

- Anh nói gì? Con cái ai? Can hệ gì đến anh?

Vội vàng đưa một cánh tay lên kéo Thùy ngồi xuống lại, tay kia Vịnh thò vào túi để cuối cùng chìa ra một tấm ảnh cong queo.

- Hình vợ chồng con cái tôi, tại sao anh có? Thùy hấp háy cúi đầu nhìn xuống rồi vùng la toáng lên.

Không nói không rằng, Vịnh đứng đỉnh lật tấm ảnh lại. Phía sau hiện ra hai dòng chữ viết tay: dòng trên là ngày hôn lễ của Thùy với Quốc, dòng dưới là ngày sinh tháng đẻ của bé Trí.

- Chữ viết của nhà tôi!

Thở phào nhẹ nhõm, cái thở của kẻ biết cuộc chiến sắp tới hồi chấm dứt; lần đầu tiên giọng nói Vịnh bỗng trở nên vô cùng hào hứng:

- Quốc đã bỏ công, bỏ sức nuôi dưỡng... con anh.

Thùy nấc lên:

- Anh biết chuyện... thằng Trí?

Nhích người đến khít rịt bên Thùy, Vịnh nói đều đều như người đang quỳ xưng tội trong nhà thờ:

- Chúng ta phải noi gương Quốc: vì tương lai của bấy trẻ, nên quên đi.

- ?

- Em và các con phải ra đi.

- Ra đi? Bằng cách nào? Với ai? Thùy bệu bạo hỏi lại.

- Với anh, anh còn tiền. Vịnh đáp gọn lỏn.

Trơ tráo, lì lợm đến độ đó quả là quá quắt. Con giận sôi lên, khỏi cần giữ gìn ý tứ Thùy bậm miệng, quay qua hét thẳng vào mặt Vịnh:

- Không! Không bao giờ! Anh đừng hòng dùng tiền bạc cốt lung lạc mẹ con tôi.

Hét xong, Thùy đường hoàng chụm hai đầu gối lại, lấy tay bịt kín mắt, khóc lớn. Sự lỗ lã oan ức vì thương yêu lẫn vì tin người, Thùy đã lỡ vấp phạm ở phần đời con gái hờ hớ để phải một mình gánh chịu cái hậu quả tàn khốc; cộng với thái độ vị tha, cao thượng của người chồng vắng mặt, tất cả mọi nỗi niềm lũ lượt kéo về, xô đẩy nhau, dồn đóng lại trở thành một thác nước lớn từ trên cao tới tấp ập xuống làm Thùy tối tăm mặt mũi. Quốc đâu? Quốc đâu rồi? Tại sao kẻ ngồi kế cận bên Thùy lúc này lại là Vịnh!

- Tôi phải đợi chồng tôi về, đâu phải đợi... một trăm năm nữa.

Im lặng. Rồi Thùy thấy có một bàn tay ai đặt hờ lên bờ vai mình:

- Thành Trí sắp tới tuổi đi nghĩa vụ rồi.

Thùy dừng khóc, bần rùn lắng nghe.

- Nếu cứ thả liều để nó bị bắt lính có nghĩa là mình đồng ý cho nó đứng về phe... kẻ thù.

Kẻ thù! Lắm bầm, Thùy hối hả thả hai bàn tay ra. Quốc! Với nông nổi đó, vì đâu? Thùy rùng mình ớn

lạnh, trong nháy mắt nàng vụt nhớ lại đầu đuôi một câu chuyện, có vẻ rất ư... huyền hoặc: Thời Quốc bật tin, có một người thầy bói khi nhìn bàn tay nàng, đã nói: “Tuy nhiên, nợ bà ông nhà vẫn chưa trả xong”. Quốc chết rồi, chắc vậy! Vì biết rõ mình khó có cơ sống còn, Quốc đã cố tình thu xếp mọi việc để nhất quyết trả cho xong món nợ cuối cùng. Và trả bằng cách đó! Vì chỉ còn cách đó! Mà... mà, nợ nần hồi nào? Mà... mà, nợ gì đã chớ?

Trong một cử chỉ hết sức ngây ngô, Thùy ngẩng cao đầu lên, ngửa mặt ra trần trối nhìn trời. Trên cao, một đám mây trắng đang lững lờ trôi qua. Giữa đám mây ngồn ngộn, dường như Thùy vừa thấy hiện lên một bóng hình: một bóng hình thiết tha, mờ tỏ trong màn sương đục. Quên lững là mình đang thức quên lững luôn sự hiện diện của Vịnh, Thùy vươn cổ lên, mở rộng miệng, ra sức gào theo: Còn em? Nợ anh, em biết trả bằng cách nào đây?

XUÔI DÒNG

Đ

ặt bước theo sau Lãm, Nguyên len chân vào giữa những dãy bàn kê san sát khắp gian phòng khách rộng. Đang đi, chợt nhớ lại một chi tiết khá quan trọng, Nguyên vội vã chồm tới, hỏi nhỏ:

- Con nhỏ có biết nói tiếng Việt không?

Không quay lại, Lãm gật đầu rồi vẫn xãng xái hướng về phía cuối phòng là nơi chốn dành riêng cho lứa khách trẻ tuổi. Tiệc mặn vừa tàn họ đang rục rịch rời bàn ăn, đứng túm tụm thành từng nhóm trên tay mỗi người sóng sánh ly rượu đầy ắp. Tiến đến gần một cặp đứng riêng rẽ Lãm hắng giọng, gọi lớn:

- Cháu Vân!

Đang nói nói cười cười cô gái giật mình, quay đầu nhìn lại. Hai luồng mắt thoát chạm phải nhau, Nguyên phát rùng mình. Hình như có một dòng điện cực mạnh,

không hiểu bắt nguồn từ đâu vừa đột khởi rồi cứ luôn luôn lách lách chạy khắp cột tủ sống chàng. Đã vậy, trong đôi giày boots mới toanh, mười ngón chân Nguyên lần lượt co rúm lại. Hai bàn tay thừa thãi, côi đầu óc rồi bởi, Nguyên không còn biết phải xoay trở cách nào khác ngoài cách đứng sững như trời trồng. Đôi mắt trở ra nhìn, đôi tai vểnh lên nghe, nhưng Nguyên chỉ lồm bồm phân biệt được chừng đôi ba ý rời rạc trong tất cả những gì Lâm đang nói thao thao.

- ... Bác Nguyên, người bạn thân... Nghe nói cháu đang học ngành y...

Mặt hướng thẳng về phía cô gái, tay chỉ Nguyên, Lâm nói năng như con vẹt. Thái độ tự nhiên và cái miệng tía lía của Lâm không ngờ, cuối cùng, lại có thể giúp Nguyên tìm thấy lại lòng tự tin cố hữu. Một khi liệu chừng đã gom góp đủ khả năng để có thể đóng trọn vai trò mình đang đóng, Nguyên từ từ thả lỏng mọi thứ gân cốt trong người ra để chỉ chú tâm vào hoạt cảnh đang diễn ra sờ sờ trước mặt. Xong phần việc của Lâm, đến lượt cô gái lên tiếng giới thiệu người thanh niên da trắng từ nãy vẫn kiên nhẫn đứng chờ bên cạnh:

- Thưa bác, đây là bác sĩ J. M., vị hôn phu của cháu.

Như vừa kịp thời nhớ lại sự thiếu sót của mình, Lâm đưa thẳng hai cánh tay lên đầu, miệng không ngớt rên rĩ:

- Con Loan đã có báo tin rồi! Bác lại quên nữa! Ôi thôi, tuổi già!

Nói thêm năm ba câu thanh minh, vỗ vỗ vào bờ vai Nguyên thêm năm ba cái, Lâm hớn hở quay lưng trở về

chỗ cũ. Đợi cô gái giải thích vài lời xong xuôi; người thanh niên da trắng lễ phép cúi đầu chào Nguyên rồi cúi thủi lần về nhập bọn cùng nhóm người trẻ. Xoa hai tay vào nhau, cô gái nhanh nhẹn tiến gần đến bên Nguyên.

- Bây giờ đến lượt hai bác cháu ta...

Bất ngờ bị đặt vô cái thế phải một mình đối diện trực tiếp với vấn đề trước mắt, đầu cố gắng cách mấy, Nguyên vẫn có cảm giác hình như sự bình tĩnh lại nhấn chìm rồi bỏ chàng thêm một lần nữa. Ấm a ấm ứ in hết một người ngọng, rốt cuộc Nguyên đành ngậm kín miệng lại, cúi đầu lầm lì bước theo sau cô gái. Phải đợi đến lúc chính thức đặt mông ngồi xuống ghế, Nguyên mới có dịp nhận thấy rõ ràng cái giới hạn chịu đựng thuộc phạm vi tình cảm của chàng không có gì đáng hãnh diện cho lắm. Lúc này, mới cách đây chừng hơn tiếng đồng hồ, lúc khách khứa lần lượt kéo đến, đặc biệt lúc được nghe Thúy (vợ Lãm) hí hửng báo tin:

- Kìa kìa, cháu Vân chính là cô gái mặc chiếc áo màu xanh da trời ...

Tâm thần Nguyên đã hoảng loạn đến độ không còn đủ sức ghi nhận trọn vẹn câu nói của Thúy, như thể nội cái tên Vân thôi đủ để chàng phải rơi tòm vào một trạng thái hoàn toàn bị động. Vân! Cái tên thân thuộc độc nhất! Ròng rã mấy chục năm trời nay, ngày qua ngày lại vẫn đều đều được Nguyên triu mến gọi đến, đêm này qua đêm khác vẫn thường xuyên được Nguyên xót xa mơ tưởng về. Và, tuy tinh thần đã có chuẩn bị sẵn sàng rồi, chuẩn bị ngay từ lúc vừa nhận được thư Lãm từ lúc quyết định mua vé máy bay rời Cali qua đây, khi chợt

...

nghe nhắc đến tên Vân mọi thứ ý chí mọi thứ nghị lực mà Nguyên đã bỏ công ra sắp đặt cho có thứ tự lớp lang trong đầu đồng loạt rơi rụng mỗi thứ một nơi. Kịp đến khi trực diện gần gũi với ánh mắt của cô gái, cơn dao động ban đầu quay trở lại nguyên hình. Nhưng cả hai đợt sóng lòng vừa qua nếu xét kỹ vẫn thấy chẳng thấm thía gì nếu đem so sánh với sự tra tấn ngấm ngấm và dai dẳng mà Nguyên đang phải gồng mình gánh chịu lúc đơn thương độc mã đối diện với sự việc: với cô gái thì mặt đối mặt với lòng chàng chính là sự thương yêu da diết, niềm thống khổ dài lâu và nỗi oán hờn chồng chất qua năm tháng. Mà đâu phải chỉ có chừng đó thôi, giữa giây phút căng thẳng nhất ngay tại đỉnh đầu Nguyên còn các cơ nảy sinh ra thêm một câu hỏi không hề có ẩn nhập xa gần gì hết đối với tâm trạng đa dạng mà chàng đã và đang mang nặng trong lòng: Nên hay không nên?

Chẳng lẽ cứ tiếp tục ngồi yên cứ tiếp tục để mặc bác khách mới quen ngồi lăm bằm hoài một mình trong miệng, cô gái nhẹ nhàng lên tiếng mở đầu:

- Bác thử kể rõ cho cháu nghe mọi biến chuyển về bệnh trạng của bác.

Cô gái còn phải lặp lại câu hỏi trên đến lần thứ hai (hoặc thứ ba?) Nguyên mới chợt hiểu ra để áp ứng kể lể về căn bệnh ... tưởng tượng của chàng. Một loại bệnh sở dĩ được thành hình là do công khó dò hỏi và tra cứu của vợ chồng Lâm từ mấy hôm trước. Nỗi hỗn loạn trong lòng làm Nguyên có cảm giác là giai đoạn... trả bài của chàng kéo dài quá lâu, đồng thời sự gượng gạo trong cử chỉ và lời ăn tiếng nói của chàng bày tỏ ra ngoài quá rõ.

Cô gái vẫn tỏ vẻ chăm chú lắng tai nghe, thỉnh thoảng lại có chêm vào vài ba câu hỏi ngắn gọn. Một khi giai đoạn tường trình bệnh lý đã trôi qua rồi, đầu trôi qua cách nào chẳng nữa, Nguyên cũng cảm thấy có phần yên tâm hơn vì toàn bộ động tác còn lại của chàng chỉ thu tóm nội trong việc gặt đầu hoặc lắc đầu mà thôi. Tiếp đến là giai đoạn giải thích bệnh lý và giai đoạn cho lời khuyên nhủ. Có lẽ vì thấy ông khách vẫn tiếp tục ngồi yên, ánh mắt thì nấn nỉ, mặt mũi thì buồn thiu buồn thiu, cô gái đâm ra mủi lòng không nỡ nói lên lời từ giả. Ngập ngừng giây lát cô ta lựa lời, nói tiếp:

- Theo chỗ hiểu biết của cháu thì bệnh tình của bác chưa có gì đáng phải lo ngại lắm. Nhưng nếu bác thấy còn bất cứ câu hỏi nào khác, xin bác cứ tùy tiện nêu ra...

Tuy cô gái thấy không tiện nói ra hết ý nghĩ hiện có trong đầu, nhưng Nguyên vẫn ngẫm hiểu rằng: đầu có được phép ngồi lại lâu hơn chút nữa tự chàng phải biết hạn chế sao cho nội dung câu chuyện chỉ nằm gọn trong lãnh vực bệnh lý mà thôi. Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng nổi thôi thúc... nằm vùng vẫn một mực lên tiếng bắt buộc Nguyên phải tìm mọi cách hướng dẫn câu chuyện qua một ngõ khác. Vốn là cái ngõ mãi cho đến giây phút hiện tại, vẫn còn rất nhiều xa lạ đối với Nguyên. Mải loay hoay với những ý tưởng không đầu không đuôi, Nguyên đã bỏ quên mất yếu tố then chốt sau đây: rất có thể cô gái đang nóng lòng muốn được chấm dứt cuộc gặp gỡ thiếu phần hào hứng này, sớm chừng nào tốt chừng ấy. Để gỡ rối phần nào cho bác khách, cô gái khích lệ:

- Xin bác cứ tự nhiên xem cháu như con cháu trong nhà hoặc như Loan, con gái bác Lãm.

“Con cháu trong nhà!” Phải chi!... Không dừng, có một làn hơi cay xè, cay hơn cả hơi ớt hiểm bị nghiền nát bấy nồng nặc tuông ra không dứt từ hai hốc mắt của Nguyên. Nên làm liền một động tác nào đó, nếu không... Dặn lòng xong Nguyên ưỡn lưng, ngồi thẳng người lên hăm hở nói:

- Bác nhận thấy cháu nói tiếng Việt rất thông thạo! Bác muốn hỏi thăm xem cháu tự học lấy hay đã theo học tại một lớp dạy nào khác?

Câu hỏi vừa nêu ra hoàn toàn nằm ngoài lẽ, nhưng theo đúng phép lịch sự cô gái vẫn lễ phép trả lời:

- Cháu qua Canada lúc mới có năm tuổi, vào thời đó ở đây chưa có ai mở lớp dạy tiếng Việt. Vì thấy cháu không có nhiều dịp được tiếp xúc với người đồng hương sợ cháu sẽ quên mất tiếng mẹ đẻ, mỗi ngày mẹ cháu đều bỏ ra từ mười lăm phút đến nửa giờ dạy cháu học đọc học viết và học nói tiếng Việt.

Vui chuyện cô gái dựa hân người ra sau lưng ghế, mỉm miệng cười:

- Về sau, mẹ cháu còn chịu khó dạy tiếng Việt cho hai đứa em nhỏ của cháu, nhưng không hiểu vì lý do gì chẳng có đứa nào tỏ vẻ hồ hởi cả.

- Nói vậy, sau cháu còn có thêm hai người em nữa? Là em trai hay em gái?

- Dạ, một trai một gái. Ô, bác cho cháu xin lỗi: cháu quên hỏi thăm xem bác được tất cả mấy anh mấy chị?

- Bác? Bác hả? À, à bác thật kém may mắn đến

chừng này tuổi đầu vẫn... không vợ không con!

Nói chưa dứt lời, Nguyên đã vội vàng thò tay lên rút tấm khăn giấy vẫn đặt hờ trong túi áo trên ra. Rồi, nắm chặt khừ tờ khăn giấy trong tay, Nguyên mím môi lau lấy lau để vầng trán vừa bị mồ hôi tươm ra ướt đầm. Nét hờn hờ vừa lộ trên khuôn mặt xinh xắn phút chốc vụt biến mất. Đưa mắt liếc nhanh qua mái đầu gần như bạc trắng của Nguyên, cô gái ân cần hạ giọng:

- Bác qua Mỹ đã lâu chưa?

- Mới có mấy năm thôi! Bác được nhận đi theo diện HO. A, mà bác lại sơ ý nữa rồi! Vậy chớ cháu có biết từ HO bao hàm nghĩa gì không?

Như tình cờ vừa được ai đó khơi lại một câu chuyện cũ, một câu chuyện thuộc loại chuyện đời xưa đời xưa thường vẫn được nghe kể đâu từ thuở mới tập tễnh biết nghe, nhưng cũng không kém phần hào hứng vì có liên can xa gần đến thân phận của riêng mình, cô gái vui vẻ hẳn lên.

- Về từ ấy, cháu cũng từng có nghe qua. Ở nhà thỉnh thoảng mẹ cháu có nhắc đến vì... hồi xưa cha cháu cũng là sĩ quan.

- Cha cháu cũng là sĩ quan?

Nguyên vọt miệng hỏi lại, lưỡi gần như dính cứng vào vòm miệng dưới.

- Cháu đang muốn kể cho bác nghe chuyện về... người cha ruột của cháu .

Người cha ruột? Là ai? Liệu không còn đủ sức tự kiềm chế sự xúc động lâu hơn nữa, Nguyên chồm người tới trước, hét lớn:

- Người cha ấy! Hiện tại ông ta đang ở đâu?

Bạn cúi mặt xuống bàn bạn lục lạo đào bới lại cội nguồn từ đời thuở nào đã mờ nhạt như sương khói, cô gái không buồn chú tâm đến giọng nói hốt hoảng cùng thái độ lạ lùng khó hiểu mà ông khách mới quen vừa nhiệt liệt bày tỏ ra ngay trước mặt mình. Cô ta chỉ hơi nhú mày trước khi ngược hẳn mặt lên, bình thản trả lời:

- Cha cháu chết rồi! Mẹ cháu thường kể lại rằng: lúc cha cháu bị bắt vô tù thì cháu còn nằm trong bụng mẹ.

“Cha cháu chết rồi!” Câu phán quyết sau cùng, lối giải quyết ổn thỏa nhất cho một bài toán thoát mới nghe qua cứ tưởng chừng hóc búa lắm. Sau một hồi lâu ngồi ngờ ra, Nguyên từ từ bình tĩnh lại. Có vẻ như mọi chỗ trống trong bộ óc chàng đều đồng loạt bị chiếm ngự bằng một nỗi trống không vô cùng to lớn. Lại một điều là: ngoài nỗi trống không lạnh tanh lạnh ngắt, Nguyên còn mơ hồ thấy có len lách đâu đó một thứ cảm giác lâng lâng hoàn toàn mới mẻ. Phải chăng Nguyên đang bắt đầu mang tâm trạng của kẻ vừa rời khỏi sông bạc với cái túi rỗng tuếch, mà một khi cái túi đã rỗng không rồi thì, dầu muốn hay không muốn, canh bạc này vẫn là canh bạc cuối cùng.

*

* *

Sáng mai lại, Nguyên trở về Cali. Chừng một tuần sau, vợ chồng Lâm nhận được thư Nguyên với câu kết luận khá dài.

- “... Nếu gọi chuyện tệ bạc ngày xưa của Hà -

đành đoạn quay lưng đi bỏ mặc tớ với kiếp sống đoạ đầy tù tội, nhớn nhơ ôm cầm sang thuyền khác - là một cái tội thì chuyện phải một mình nuôi dạy con Vân nên người lại là một cái công. Công đó, tội này; bên nào đáng trọng bên nào đáng khinh? Còn phần con Vân, nó ra đời lớn lên với ý tưởng đình ninh trong đầu rằng nó là đứa bé mồ côi cha ngay từ lúc còn nằm trong bụng mẹ. Cũng có nghĩa là: chỉ xét riêng về trường hợp của con Vân thôi, loại tình cảm thường được người đời mệnh danh là tình phụ tử, không hề có mặt trong suốt thời tuổi trẻ của nó. Vậy mà...! Rốt cuộc lại, cũng đâu có hề hấn gì! Nó vẫn dũng dũng sống, dũng dũng lớn lên, dũng dũng thành người và dũng dũng hưởng thụ mọi thứ hạnh phúc có mặt ở cõi đời này. May sao, tớ đã biết ngậm miệng đúng lúc. Hai bạn cứ tưởng tượng xem nếu ngay giữa giây phút gặp gỡ căng thẳng đó, vì lòng tự ái vì nỗi oán hờn vì tình thương nỗi nhớ vì sợ cô đơn lúc tuổi già bóng xế, tớ hùng hổ xông tới ôm chầm lấy nó rồi la toáng lên rằng: Vân ơi, đây chính là người cha ruột của con. Cha vẫn còn sống và vẫn... Thì sự việc sẽ ra sao? Ra sao, đành phận tớ! Nhưng còn con Vân? Nó sẽ nghĩ sao về mẹ nó? Về câu chuyện Hà đã dựng đứng lên từ lúc nó còn bé tí. Và sau đó, con Vân sẽ phải đối xử ra sao với ông bố vừa từ đâu đâu bỗng dưng đội mồ sống dậy? Còn gây thêm xáo trộn làm gì! Xin hai bạn thương tình đừng đành đoạn gán cho tớ cái tội... gàn dở. Vì đầu sao, thời gian và hoàn cảnh đã vô tình tôi luyện tớ thành một con người biết đắn đo và biết chịu đựng. Nếu có dịp may được dừng chân đứng giữa hai dòng nước, một chảy

xuôi một chảy ngược, theo cái nhìn của hai bạn thì dòng nước nào sẽ đem đến cho ta cái cảm giác êm ả bình yên và xuôi chèo mát mái nhất? Thôi thì, trăm sự do... Trời!"

THUYỀN DỜI CHỜ BÊN KHÔNG DỜI

Của anh chị Hai, cho một bến bờ ngoài
vòng tay với.

A! Té ra rốt cuộc lại Thảo vẫn lò dò trở về. Nói thì nghe ngon lành vậy chờ trong thực tế khi biết mình thật sự bị đùn đẩy đến thế kẹt “chẳng đặng đừng” Thảo còn đổ lì ra bằng cách gỡ gạc thêm vài ba năm nữa. Có lạ lòng không chờ! Trở về thăm lại nơi chôn nhau cắt rốn mà phải nại lý do này, đưa bằng chứng khác cứ như sắp bị đưa đi đày không bằng. Cũng vì trước đó đã có lúc, có nhiều lúc Thảo từng lếu láo tuyên bố: “Ôi! xa xôi quá rồi... dính dự gì đến tôi nữa.” Mà đã tàn tệ đến độ đó thì tại sao Thảo còn cất công lặn lội mò về sau khi bỏ đi biệt ngót nghét hai mươi năm trời dài? Hai mươi năm dẫu bề, dẫu phải một sớm một chiều! Người khác tìm mọi cách băng bộ, chạy vạy để được trở về. Đàng này...! Mọi lời giải thích dẫu hùng hồn cách

mấy đều có một ranh giới không thể nào giải thích nổi. Đành về! Tìm kiếm vài liên hệ ruột thịt xa gần ai làm không được? Với thảng năm với thảng trăm, lâu dần Thảo bắt buộc phải chấp nhận một điều: cái bề ngoài coi lơ mơ và... bề ngoài như vậy, nhưng nếu còn muốn tiếp tục sống chung đụng với người khác có lúc phải cần rằng người ta sao mình vậy. Thì về! Về, như mọi người đã về.

Sau hai bận sắp hàng đăng ký, sau hai lần leo lên trụt xuống, đến lần thứ ba Thảo mới chính thức được đặt chân lên lòng chiếc máy bay có sơn hàng chữ Air Việt Nam. Đường bay vẫn còn quá dài. Dầu gì, chuyến bay này vẫn là chuyến chót, và kể từ đây Thảo có thể yên chí ngồi ngủ gà ngủ gật. Khác hẳn trong hai chuyến bay trước, từ lúc được chính thức ngồi trong lòng chiếc Air Việt Nam tuy biết rằng cuộc hành trình mới qua có một phần ba, nhưng Thảo vẫn ngửi thấy một cái gì gần như thân cận và quen thuộc vương vãi đâu đây. Vì Thảo được xem phim và nghe nhạc Việt Nam? Vì số hành khách phần đông là người Việt? Vì các cô chiêu đãi mặc y phục và sử dụng tiếng Việt? Hay vì tất cả những yếu tố đó cộng lại? An tâm thì có an tâm, nhưng đoạn đường không phải vì vậy mà thu ngắn bớt. Vừa ngồi xuống ghế chưa gì Thảo đã bắt đầu tính nhẩm: nên làm gì cho hết số giờ còn lại? Hay là cứ thử nhắm mắt ngủ đại, họa may ra...Ngủ trong tư thế nào? Cái ghế thì chật, cái gối thì nhỏ, cái mền mỏng tanh, hai ống chân không biết để đâu cho gọn ngoài cách thả thòng xuống sàn giờ này qua giờ khác. Nhớ lại khi Thảo đến chích ngừa, người bác sĩ

có căn dặn: không được uống thuốc chống nôn cùng một lần với thuốc ngủ.

Máy bay lên tới độ cao. Tiếng lục đục, chộn rộn ban đầu từ từ im ắng lại.

Hành khách như thấm mệt dần. Tiếng rì rầm đều đều của động cơ càng lúc càng vang lên rõ ràng hơn. Bất ngờ lưng ghế dựa, Thảo bả hoải ngã đầu ra phía sau. Lơ mơ giữa vùng ánh sáng mờ mờ tối tối, Thảo có ảo giác nàng quả là một con chim hoang vừa bị bắt nhốt trong chiếc lồng kín bưng. Thử mở mắt ra, thử nhắm mắt lại, thử xoay qua trở về Thảo kiên trì tìm kiếm một chỗ khả dĩ cho đôi mắt nàng đậu lại. Hường nhìn thoải mái, nếu có, hiển nhiên không phải là chỗ chiếu phim rồi (cứ hết phim này lại đến phim khác) mà phải là một nơi chốn nào mới mẻ và rộng rãi hơn. Bên ngoài, tại sao không? Qua khung cửa nhỏ xíu mà tấm màn dày đã bị kéo lệch, Thảo thoáng nhìn thấy một khoảng trời xê dịch. Đâu từ phía dưới có những vệt trắng nhờ nhờ tựa như tia sáng đang tiếp tục chiếu ngược lên cao. Đưa tay dụi mắt, Thảo lẩm bẩm: Chẳng lẽ sắp qua một đêm? Biết đâu đó! Người ta thường nói: mau như máy bay phản lực là gì? Vừa hỏi vừa trả lời, Thảo vừa lóp ngóp ngồi thẳng dậy. Đúng rồi! Trời đang rạng sáng. Ôi! Cảnh bình minh sắp phô ra ở một chỗ không phải là mặt đất, nhờ vậy sẽ không có cây che, không bị núi chắn, khỏi sợ nhà ngang lâu dọc chặn mất tầm nhìn. Nhờ sự phát giác mới mẻ, cơn mệt mỏi thể xác tạm thời bị đẩy lùi, Thảo nhích người tới sát rạt bên khung cửa kính nhỏ, hai mắt mở thao láo trần trối nhìn ra ngoài trời. Ban đầu

chỉ thấy xuất hiện vài ba tia sáng lờ mờ nhàn nhạt, nhưng chỉ trong chốc lát cả một vùng trời bát ngát đồng loạt bị phủ kín bằng một màu hồng. Rồi từ từ toàn bộ màu hồng trở nên thắm tươi hơn để cuối cùng biến hoá thành một màu đỏ rực và ngay giữa vùng màu sắc rực rỡ lộ dần lộ dần vầng mặt trời tròn vo sáng chói. Nhắm đúng hướng mặt trời mọc, đầu máy bay lù lù đâm thẳng tới thẳng tới.

Nhóm hẳn người lên cao, Thảo định bụng thử nhìn xuống bên dưới. Chỉ thấy mây tầng tầng lớp lớp. Một trời mây bát ngát: đám dày đám mỏng, đám trắng xám đám xanh lơ, đám lững lờ dừng lại đám hờ hững trôi đi. Sức nhìn ra phía trước, cái mũi nhọn của chiếc máy bay vẫn đang hùng hục xé rách toạc cả trời mây để lướt tới lướt tới. Mây bao bọc bốn bề. Tuy vậy, Thảo mừng tượng như mình vẫn nhìn thấy rõ cảnh sinh hoạt đang diễn ra tận phía dưới xa: người người thức dậy, xe cộ qua về, chim kêu, hoa nở. Ánh sáng tới là nắng ấm về, là mọi vật bừng sống dậy. Như một định luật bất di bất dịch, cái trước kéo cái sau cái hiện chứa cái ẩn, nhưng liên hệ và cần thiết cho nhau.

Cứ ngóc đầu lên mãi cái cần cổ mỗi nhừ, Thảo chịu thua đành thả rơi người xuống ghế. Ngoẹo đầu qua một bên vai, Thảo thiếp đi. Bên tai nàng, tiếng động cơ vẫn tiếp tục rì rầm, giữa những hàng ghế đã có tiếng người lục đục thức dậy. Khi Thảo mở mắt ra, ánh nắng bên ngoài không còn rực rỡ nữa. Mặt trời sắp lặn? Biết đâu chừng! Thảo choàng dậy và tỉnh ngủ hẳn. Đã may mắn chứng kiến cảnh mặt trời mọc, tội gì không... Tự khích

lệ mình, Thảo xăng xái lết người tới sát khung cửa kính. Quả vậy, bên ngoài mặt trời đang rực rịch thay sắc. Cũng tuần tự như khi lên, khi xuống vùng màu sắc bao quanh mặt trời thay đổi theo một thứ tự vô cùng ngoạn mục: ánh sáng nhạt dần nhạt dần, bắt đầu từ nơi xa rồi lần đến nơi gần. Sau rốt, chính vầng mặt trời đỏ hực tự vàng vọt đi, rồi từ từ biến mất. Bóng đêm tràn trề. Dầu máy bay đang lướt trên vùng trời nào, Thảo vẫn thấy mình có thừa khả năng để sục sạo nhớ lại cảnh tượng đang phô bày ra ở phía dưới: chim chóc xao xác tìm đường về tổ, và trên khắp các nẻo đường xuôi ngược từng đoàn lũ hành lũ lướt dừng chân tìm chỗ trú ngụ qua đêm. Bóng tối về, cuộc sống tạm dừng lại. Hoa tàn, lá úa tả tơi giữa lúc bóng đêm về; tìm người, tìm thú rã rời thoi đập khi ngày chưa kịp tới. Con chim khuyen riu rít chuyển cành trong ánh nắng mai từng bừng, bác voi già thu mình đợi chết nơi xó núi đồi hiu. Thức rồi ngủ. Ánh sáng và bóng tối. Hoa nở để hoa tàn.

Nhìn thấy tận mắt cảnh tĩnh lặng và hùng vĩ của đất trời, liên tưởng đến lẽ huyền vi và mầu nhiệm của Hoá công, trong cơ thể Thảo một luồng gây gây lạnh buốt rờn rợn xông lên. Kéo hết hai ống chân lên ghế, Thảo thẳng thốt co rúm người lại. Thảo sợ? Có lẽ vậy. Vì đây là lần đầu tiên nàng có dịp nhìn thấy - từ đầu bịn cho đến cuối dây - một sự biến thiên đã hết sức vĩ đại, đã vô cùng kỳ diệu lại vượt quá xa sức tưởng tượng vốn hạn hẹp của nàng. Thì đã sao? Thì, từ đó... Thì, do đó... Thảo còn kịp nhìn lại cái chân tướng lẫn cái thân phận của riêng nàng: thân phận của một con người đang lặn

hợp, đóng đưa giữa vũ trụ cần khôn. Nó ra sao, cái thân phận đó? Nó hết sức hèn mọn và vô cùng bèo bọt. Sợ còn bèo bọt hơn cả thân phận một hạt cát lẫn lóc giữa đường. Vì chẳng thà là cát, dầu Troya, dầu nổi, dầu tắt bờ này, dầu kẹt bến khác thì muôn đời cát vẫn là cát. Làm người, đội lốt con người, Thảo có thể gục ngã bất cứ lúc nào - ngay phút này, ngay phút sau - và bất cứ ở đâu (trên giường ngủ, ngoài đường lộ, dưới thân cây trúc gốc, giữa những mảnh vụn của chiếc phi cơ hư máy). Đó là chưa kể những cái chết ngang nhiên chường mặt ra ngay khi con người còn đang sống nhăn. Và chỉ cần một thời gian ngắn ngủi sau khi từ giã cõi đời, nguyên cả khối hình hài xương thịt với một trời... đúng đúng sai sai nát bấy như tương. Sau đó là gì? Nếu không là giò bọ, phân tro, cát bụi.

Máy bay vẫn bay, bay hoài bay hủy. Rồi cũng có lúc đến. Cách chỗ Thảo ngồi mấy hàng ghế có treo màn ảnh nhỏ, vào giai đoạn chót phim truyện bị dẹp hết dành chỗ chiếu lộ trình chuyến bay. A ha! Lộ trình cuối! La thầm trong miệng, Thảo trịnh trọng sửa sang lại thế ngồi. Mọi cặp mắt đều đóng đinh trên cùng một hướng: là hướng có hình vẽ chiếc máy bay với mũi tên nhọn hoắt dẫn đầu phía trước. Bầu không khí vẫn vũ chung quanh như đọng cứng lại. Ngoài tiếng động cơ, hình như Thảo chỉ còn nghe tiếng thở ra hít vào. Máy bay lướt tới Băng Cốc. Mười ngón tay Thảo cùng lúc xoè ra, bám chặt khừ vào hai bên thành ghế. Trên hai bả vai nàng, những sợi gân chằng chịt qua về tự động căng phồng lên. Vòm miệng và cuống họng thì như vừa bị ai ra tay

vết sạch cả nước trở nên khô quắt và nhám sì sì. Vẫn chưa hết, mũi tên tới đâu hình chiếc máy bay đeo dính tới đó trong châu thân Thảo - từ chân tóc tới tận kẽ móng chân cái - mồ hôi rịn ra ướt nhẹp. Từ giữa đỉnh đầu nàng có một thứ tiếng động lòng bùng in hết tiếng trống đánh sai nhịp dồn dập vang lên. Cùng lúc, một giọng nói cất lên từ máy ghi âm: “Máy bay đang vào không phận Việt Nam”.

- Không phận Việt Nam! Ôi! Việt Nam! Thảo đỡ đầu kêu lên.

Đó, con sông Mêkông chảy ngoằn ngoèo từ Cao Mên qua. Kìa, con sông Sài Gòn có ngôi chợ mang tên Cầu Muối, có bến đò gọi là bến Thủ Thiêm. Còn gì nữa? Mới chừng đó thôi, đã quá đủ rồi. Mười ngón tay dầm nước lơi ra, bộ xương sống với ba mươi hai cái xương sườn hè nhau biến dạng thành một thứ cháo đặc. Ý chí, lòng tự ái, sự tự chủ của một con người lúc đứng giữa đám đông bay đi đâu mất sạch. Khi mũi tên chúc xuống đất, in hết một đĩa bé lên ba Thảo oà ra khóc.

Người bạn ngồi bên cạnh dừng tay trang điểm, ái ngại lên tiếng:

- Khi mới về lần đầu tôi cũng khóc lóc quá trời.

Thảo nín lặng, nước nở úp mặt trong lòng hai bàn tay mở ngửa. Có vậy chứ! Đã là con người! Cái tình cố quốc! Cái nỗi ly hương! Nói đâu cho xa, thậm chí loại người bị gán tên “người rừng” khi bị bắt mang về sinh sống giữa thế giới văn minh, mãi đến năm ba năm sau, những lúc tình cờ nhìn thấy lại bóng dáng một ngọn núi xa xa hay chợt nghe tiếng reo của một dòng suối chảy

còn biết xúc động bằng cách để rơi nước mắt và không tài nào kiềm giữ nổi những tiếng rú man rợ ai oán. Huống nữa Thảo với khối óc quả tim của một con người ra đời, sống và sẽ chết giữa vòng tay đồng loại. Quần thảo một hồi, máy bay dừng hẳn lại. Hành khách nhón nháo rời chỗ ngồi.

Thảo bệu bạo đứng lên len lén nhìn quanh, có rất nhiều cặp mắt khác cũng đỏ au in hết mắt nàng. Thì ra, tâm hồn đồng điệu ở đâu cũng có! Và, thì ra, Thảo đã lắm, lắm lớn: lắm người và lắm cả chính mình. Nỗi nhớ nước thương nòi quả là một thứ tình tự bẩm sinh, không phải hễ cứ hết... muốn là nàng tha hồ chối bỏ.

Tại trạm Dubai Thảo không xuống đâu được phép, tính ra tổng cộng có hơn mười lăm giờ chẵn chòi nàng phải ngồi bó rọ nội trong khuôn viên của một cái ghế. Sự ngầy ngật thể xác, dồn thêm nỗi xúc động trong tâm hồn làm khi đứng lên hai đầu gối Thảo cứ muốn chụm khít rịt vào nhau. May sao nhờ có tiên liệu, trên người nàng chỉ vón vện một cái xắc đeo vai. Chỗ hành lang dành cho khách đi đã hẹp, giữa giây phút căng thẳng dường như ai cũng muốn tranh xuống cho nhanh, nhờ vậy phần tựa vào người sau phần nương vào người trước dòng người đùn đẩy đưa Thảo tiến tới. Ra khỏi lòng máy bay là tới đầu cầu thang sắt dẫn xuống đất. Một luồng gió mát rượi từ xa hây hẩy thổi đến, một bầu không khí nhẹ nhàng khoáng đãng lan toả khắp nơi. Trên không, bát ngát một cảnh trời mùa hạ.

Trước mặt Thảo, một dải nắng vàng êm ả trải dài mênh mông. Không hiểu vì bị thứ động cơ nào thúc đẩy,

- - -

Thảo thấy mình bỗng đứng lơ ngơ đưa một bàn tay lên cao. Để ngăn chặn một tiếng reo đang chực chờ thoát ra khỏi miệng? Hay để biểu lộ một cử chỉ chào mừng thân thiện? Không hiểu, hoàn toàn không hiểu nhưng Thảo vẫn cứ cố ý nấn ná đứng lại để được hả hê nhìn ngược nhìn xuôi.

Đây rồi! Đây, quê cha đất tổ. Đây rồi! Đây, nơi gói gắm hình hài của tổ tiên ông bà, của thân nhân bạn hữu. Đêm như ngày, xuân như hạ, từ những đám mây giăng qua mắc lại trên bầu trời ngăn ngắt kia, mưa ào ạt rơi xuống, rơi xuống cho lúa đơm bông, cho cây đậu trái. Chột nứa, lóng mía, đĩa rau sam luộc, bát cơm độn sắn. Từng chút, từng chút bòn rút từ trời; từng phút, từng giây chắt lọc từ đất. Bác nông phu dãi dầu chiều mưa sớm nắng, người đánh cá một đời làm bạn với nước mây. Một mảnh đất, một bầu trời. Một mùi hương thơm lừng toả ra từ chùm ổi chín cây. Một giọng hò à ơi trên bãi sông khuya khoắt. Ôi! Ký ức Thảo, cuộn chỉ rối bị bỏ quên lâu ngày!

Đoàn người phía sau rục rịch, rục rịch. Vịn tay vào lan can cầu thang, Thảo lần bước xuống. Xuống đến bậc thang cuối cùng, một lần nữa Thảo đứng ỳ lại, dẫu thừa biết rằng sau lưng nàng còn một dòng người nữa. Hơn ai hết, Thảo vừa kịp nhận thấy là nàng không còn đủ sức để bước thêm, dẫu chỉ một bước ngắn. Một nỗi bồn loạn đến rụng rời từ trời cao vừa âm ầm đổ ập xuống, đè bẹp dí cả hai bờ vai nàng. Cũng chính là nỗi bồn loạn nàng thường bất gặp những lúc buộc lòng phải đối diện trước một cảnh tượng quá sức thiêng liêng: khi phải quì gối

dưới pho tượng Phật uy nghi thoát tục giữa vùng khói hương nghi ngút, hay lúc phải đứng kề cận bức tượng Chúa ngất ngểu xa xôi trên cây thánh giá trong một giáo đường vắng tanh vắng ngắt. Mơ hồ, Thảo cảm thấy như nàng đang bị đặt để giữa ranh giới hai luồng tư tưởng hoàn toàn đối nghịch nhau: vừa ghê ghê muốn bỏ chạy cho xa, vừa mê mê ngây ngất muốn trì chân tại chỗ.

Đây, Sài Gòn! Đây, Việt Nam! Sài Gòn của mấy chục năm xưa. Việt Nam, quê hương gốc gác. Phải rồi, con người Thảo, lòng dạ nàng có thể đổi khác; nhưng mảnh đất quê hương thì mãi mãi vẫn là mảnh đất này. Chính nơi đó, Thảo ra đời. Rồi ăn, rồi ngủ, rồi khóc, rồi cười. Bên mái nhà tranh nằm kề ngọn đồi trọc, bên ngôi giáo đường dựng chơ vơ tựa con đường xuyên tỉnh, bên cảnh chùa phủ kín rêu phong. Còn sót gì nữa không? Còn cái hàng rào hoa dâm bụt, còn gói xôi nóng hổi đùm trong mảnh lá chuối, còn dây bàn học trò loang lổ dấu mực, còn bến đò chiều chiều Thảo ra đứng ngóng mẹ về.

Từ phía sau, có một bàn tay ai vừa ra sức đẩy tới làm Thảo chúi đầu ra phía trước. Nường đà đẩy, Thảo loạng quạng bước lên xe ca. Xe mở máy, chạy đi, dừng lại. Hoà nhập theo dòng người, Thảo lăm lũi tiến về phía cổng phi trường. Chỉ còn cách một khoảng đường ngắn ngủi nữa thôi, chỉ cần qua vài ba thủ tục nhập nội cần thiết là đến giai đoạn gặp gỡ thân nhân rồi. Gặp lại thân nhân sau chừng đó năm trời xa cách! Thảo có nôn nóng không? Hình như... không thì phải, hoặc nếu có thì quá lẩm cẩm một thứ “có” như... không. Vì đâu nên nỗi?

Vì lòng nàng đã hoàn toàn nguội lạnh? Vì trường đời đã trui luyện nàng thành một kẻ có tài lướt trên mọi sự vui buồn thương ghét? Được vậy, đã may! Xét cho cùng, chẳng qua đó chỉ là sự ngộ ngang của một con người vừa tình cờ bắt gặp chính mình. Một thứ “mình” mà dầu ở đâu dầu lúc nào, dầu trôi nổi bèo bọt cách mấy thì (than ôi!) bản chất của nó vẫn là con người nguyên vẹn: sống, với ràng buộc; chết, với cội nguồn.

Rồi đây, Thảo sẽ lại ra đi. Một lần đi hiển nhiên không giống lần về. Lần về... ngộ vậy. Lần đi... ngộ sao? Không quên, có nghĩa là nhớ. Đã lỡ dại đầu thai làm người, nay còn đa mang thêm nỗi buồn trĩu tràng của “sinh ly tử biệt”. Nếu biết vậy, thà đừng về. Có những cái biết còn tai hại gấp ngàn lần cái không biết. “Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng”. Thắng gì? Thắng ai? Càng biết rõ mình, Thảo càng thấy mình thua đậm, thua đến tơi tả, thua không còn manh giáp.

Có tiếng người mới gọi đâu đây, không hiểu gọi ai, nhưng Thảo vẫn ngây ngô đáp lại bằng một nụ cười. Một nụ cười mà chính Thảo cũng không hiểu rõ là nó có mang trọn vẹn hình dáng của một nụ cười hay không?

*"Có đứa trẻ thơ không biết khóc
Vô tình bỗng nổi tiếng cười ran
Chao ôi! Mong nhớ! Ôi mong nhớ
Một cánh chim thu lạc cuối ngàn"(1)*

(1) Thơ Chế Lan Viên

TẬN CÔI HOANG ĐƯỜNG

Của Măng và Chôm với hình ảnh
người cha thân yêu không còn nữa.

Cả đoàn ba bốn chiếc ghe, cái tới trước cái tới sau cùng trôi giạt vào góc trời này. Chỉ qua vài ngày đầu lơ thơ thất thểu, những tên “vô gia đình” bắt đầu lòng sục tìm kiếm nhau lập thành một nhóm. Tối tối, cả bọn tụ họp tại gian lều của Đán để tán gẫu và để nghe chuyện... đời xưa.

Đêm nay, đến lượt Đán kể chuyện:

“Sau khi tốt nghiệp, tôi nhận lệnh ra làm việc tại bệnh viện Mang Cá, Huế. Dư âm hải hùng của vụ Tết Mậu thân còn sờ sờ ra đó, nhưng tuổi trẻ hăng say vợ con chưa có, tôi sẵn sàng nhập cuộc. Cùng với Huân, một y sĩ khác cũng độc thân cũng ra trường cùng khóa, cả hai cầm sự vụ lệnh ra đi. Đến nơi sau khi trình diện mỗi đứa được cấp phát một gian phòng tương đối đầy đủ tiện nghi ngay trong quân y viện. Chỉ để ra đúng một

ngày lo thu dọn nơi ăn chốn ở, chúng tôi bắt tay vào công việc liền. Đạo ấy trận chiến diễn ra khắp bốn vùng chiến thuật, thường xuyên và gay cấn nhất vẫn ở Quảng Trị. Hàng ngày máy bay trực thăng, xe hồng thập tự, thậm chí đôi khi có cả xe lam và xe ba gác nườm nượp chở thương binh về bệnh viện. Có nhiều ngày chúng tôi phải làm việc liên tục, vừa làm vừa gặm bánh mì cho qua cơn đói. Một mình tôi phải chăm sóc đến mấy trại bệnh, thuộc khu ngoại khoa. Mỗi trại chứa trên 20 thương binh tất cả đều thuộc loại mới giải phẫu xong, hầu hết còn trong tình trạng nguy kịch. Sáng nào ít ra cũng có vài ba người chết. Lờn thề lúc ra trường còn động dấy trên đầu lưỡi, đứng trước nỗi tang tóc đau thương của đồng loại đôi khi tôi có mặc cảm là hình như chính bản thân tôi, tôi chưa thực sự cố gắng hết sức lực của mình. Đó là lý do những lúc khẩn trương, tôi tự ý tăng thêm giờ làm việc bằng cách hàng đêm thức dậy băng bộ đi thăm bệnh thêm một hoặc hai lần nữa.

Một đêm như thường lệ khi tiếng chuông đồng hồ báo thức vừa reo lên, tôi ngồi bật dậy. Rửa ráy qua loa, tôi xách cặp, mở cửa bước ra ngoài. Khoá cửa xong vừa quay lưng lại, tôi giật bắn cả người. Trước mặt tôi sừng sững một bóng người. Là Huân, ở ngay bên cạnh nỗi hừng bất tử cũng muốn đi “rón” như tôi? Là anh Hoạt, người y tá trực đêm có việc khẩn cấp phải băng bộ chạy qua gọi cửa? Có lý nào! Huân làm việc có nguyên tắc, lại được giao phó chăm sóc khu nội thương rất ít khi gặp phải trường hợp cấp bách. Còn nếu là anh Hoạt thì tại sao anh ta không sử dụng điện thoại mà phải mất công

chạy bộ giữa một đêm trường khuya khoắt như vậy. Ngạc nhiên, tôi giương mắt nhìn đăm đăm vào giữa khuôn mặt kẻ đối diện. Người khách mới xuất hiện còn trẻ và đặc biệt hoàn toàn lạ mặt. Giữa khuya, trời xứ Huế lạnh căm căm mà trên vầng trán anh ta mồ hôi vẫn tươm ra ướt rướt. Từ đôi môi bạc thếch có tiếng rên rỉ nhẹ thoát ra. Trên chiếc áo dù anh ta đang khoác máu me loang lổ làm lấm lem cả hai đoá hoa mai đính hờ trên cổ áo. Nhìn xuống bên dưới, một ống quần bỏ thông phát phơ trong gió: anh ta mất một chân. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là phải tìm mọi cách đưa anh ta trở về trại bệnh. Nhưng, nhìn ra ngoài trời mưa rơi lất phất; từ chỗ tôi cư ngụ đến dãy trại bệnh phải băng qua một cái sân rộng mênh mông. Quảng đường xa, bầu trời tối, thời tiết xấu, anh ta lại tàn tật. Đắn đo một hồi, tôi đành đưa tay ra dìu anh ta vào phòng mình. Đặt anh ta nằm trên giường, tôi vén ống quần anh ta lên sẫm soi nhìn kỹ chỗ có vết thương. Trên miếng băng quấn vụng về máu khô đọng cứng, đen sạm. Điều đó có nghĩa là kể từ lúc bị thương anh ta chưa hề được bàn tay chuyên nghiệp nào săn sóc đến nơi đến chốn. Đặt tay lên vầng trán nóng hôi hổi, nhìn sâu vào cặp mắt khép hờ lơ lơ đỏ lừ, tôi lo sợ rằng rất có thể cơ thể anh ta đã bị nhiễm trùng rồi. Trong phòng tôi không có gì hết, không dụng cụ y tế không thuốc men. Lục lọi hồi lâu, tôi moi ra được ống thuốc chống đau, loại nhẹ. Lấy nước nâng đầu anh ta lên, tôi nhét vào miệng anh ta viên thuốc vừa tìm được rồi kiên nhẫn đứng chờ. May sao, chỉ vài phút sau anh ta dừng rên và bắt đầu cất tiếng ngáy. Đầu ngoẹo qua một

bên, mặt mày thư dần dần dần, chiếc nút áo trên cùng bung khuy lòi ra cái cần cổ trắng trẻo. Tắm thẻ bài đeo ở cổ lọt ra ngoài, tòng teng. Thuận tay tôi cầm lên, cúi xuống đọc. Đọc xong, tôi lấy viết ghi những dòng chữ khắc về tên họ, số quân, loại máu của anh ta vào sổ tay. Định bụng, lúc thuận tiện sẽ dò la thêm tin tức. Liếc qua đồng hồ, tôi kéo mền lên tận cổ anh ta rồi vội vàng xách cặp mở cửa đi ra. Ngoài sân, mưa bắt đầu nặng hạt. Dầm dưới cơn mưa lạnh tôi thoáng bằng lòng về quyết định vừa qua của mình. Bước vào trại bệnh 22 nhìn thấy anh Hoạt đang ngồi ngủ gục ở góc phòng, dáng điệu mệt mỏi, tôi ái ngại bèn tự mình xoay xở lấy mọi việc. Đi một vòng thăm qua những bệnh nhân nặng nhất, tôi quơ vài thứ thuốc vài thứ dụng cụ y tế cần thiết rồi quày quã ra về. Cái sân cờ rộng bắt đầu xấp nước mưa. Tôi học tốc băng mình chạy. Không phải vì sợ lạnh sợ ướt mà vì bên lòng vẫn canh cánh nỗi lo âu về tình trạng đáng ngại của người khách đang nằm đợi ở phòng tôi. Về đến nơi, vừa đặt tay vào ổ khoá, đầu tôi chưa kịp tra chìa cánh cửa vẫn tự động hé ra. Tôi ngớ người, tự hỏi: lúc đi, tôi có khóa cửa phòng hay không? Nhìn qua đồng hồ, kim chỉ đúng 2 giờ 15 phút. Đặt chân vào phòng, việc đầu tiên tôi làm là đưa mắt nhìn về hướng cái giường ngủ. Tim tôi thót lại: cái giường trống trơn. Liếc vào phòng tắm, không có bóng dáng ai. Mở cửa hành lang, nhìn ngược nhìn xuôi hành lang vắng ngắt. Nhìn ra ngoài trời, trên khoảng sân loáng nước chỉ có cột cờ đứng trơ trơ, lá cờ rộng ủ nước mưa rũ xuống như sắp rớt. Chẳng lẽ tôi mơ ngủ? Nhìn xuống thân mình: bộ y

phục còn nguyên, chưa cỗi. Lục lội lại trong cặp, có nhiệt kế, có thuốc chống nhiễm độc, có, có...; và có cả chiếc áo choàng trắng nhét vội. Anh thương binh trẻ đã biến đi đường nào? Quay đầu nhìn lại cái giường, tấm “ra” trải giường màu trắng vừa có bàn tay ai kéo lại phẳng phiu, cái mền len dày mu nặng trĩu được xếp gấp gọn ghẽ thẳng thớm. Tánh tôi thì ngay cả ban ngày vì bận roan, vì lưỡi biếng, gần như lúc nào tôi cũng để giường chiếu trong một tình trạng vô cùng luộm thuộm. Mà, cho dầu anh thương binh có đủ sức ngồi dậy có đủ sức khập khễnh ra đi thì trên đoạn đường trở về thế nào anh ta cũng bị tôi bắt gặp hoặc bị tôi nhìn thấy. Vì, cho cả hai chuyển đi và về tôi chỉ vắng mặt có một tiếng đồng hồ. Lúc tôi rời phòng, anh ta đang ngáy ngon lành. Để thử nghiệm bài toán học hiểm, tôi giở điện thoại gọi qua khu cấp cứu:

- Anh Hoạt, anh có thấy người bệnh nào bị mất một chân vừa bước vào trại mình hay không?

Câu hỏi lẳng nhách của tôi không ngờ có đủ sức làm anh Hoạt tỉnh ngủ hẳn:

- Ông thầy ơi, bệnh nhân của trại mình ngay ban ngày còn nằm... tè tại giường, huống nữa ban đêm!

Giữ nguyên bộ quần áo ướt, tôi nằm đại lên giường. Mãi cho đến khi trời hừng sáng, tôi vẫn còn thao thức. Đang lơ mơ nghe tiếng lục đục ở phòng bên biết Huân vừa thức dậy tôi ngồi lên, phóng qua, đập cửa. Cửa mở, không đợi mời, tôi tự động lách mình vào. Vừa lo rửa mặt, Huân vừa lẳng tai nghe tôi kể chuyện. Lúc đầu, tưởng đâu tôi đang kể một câu chuyện xảy ra trong cơn

mơ, nhưng khi nhìn lại bộ y phục bèo nhèo và vẻ căng thẳng lồ lộ trên nét mặt tôi, Huân chú ý hơn để bắt đầu thắc mắc:

- Đã bị mất một chân thì bằng cách nào anh ta có thể lần mò đi tới tận phòng cậu? Nếu anh ta từ trại bệnh đi ra, thì người y tá trực đêm làm gì mà không lo kiểm soát? Còn nếu anh ta từ ngoài quân y viện đi vô, thì ở bót canh ngoài cổng có người gác mỗi ngày 24 tiếng.

Tôi ngăn người ra. Phải rồi, hồi nhớ lại lúc mới gặp tôi nhìn thấy anh ta đứng thẳng thớm, hai cánh tay buông thõng, bên mình tuyệt nhiên không có gì hết và sau lưng anh ta là khoảng sân rộng mênh mông trống hơ trống hoác. Chính tôi đã phải kẹp cái cặp da dưới nách để rảnh đôi tay diu anh ta vào tận phòng mình. Để có bằng chứng hẳn hoi, tôi chìa ra cho Huân xem quyển sổ tay với những hàng chữ sao chép lại nguyên văn tấm thẻ bài anh ta đeo trên cổ. Huân chỉ liếc sơ rồi nhú mày, hỏi lại:

- Tại sao cậu chỉ cầm trong tay có một tấm thẻ bài? Phải hai, chớ sao lại một?

Huân nhớ đúng! Khi ra mặt trận mỗi người lính chiến đều phải mang theo trên cổ hai tấm thẻ bài. Lúc tử trận, một tấm được tháo ra đặt vào sổ quân bộ, tấm còn lại hoặc được nhét vào miệng hoặc cứ để cho người chết đeo để thân nhân dễ nhận diện. Vậy mà, eo ơi, người bệnh tới phòng tôi chỉ đeo có một tấm! Vỡn vện một tấm! Tôi thoát rùng mình. Để đi đến một kết luận có cơ sở, hôm đó tôi bỏ bữa ăn sáng dành trọn thì giờ lo tra cứu những quyển sổ có ghi ngày giờ, tên tuổi bệnh

nhân nhập trại. Dò đi dò lại, dò kỹ từng hàng, cuối cùng tên tuổi anh thương binh trẻ vẫn biệt vô âm tín. Thôi, đành vậy!

*

* *

Sau mấy năm làm việc cực lực, tôi có thêm một đoá hoa mai trên cổ áo. Ba cánh mai vàng choé chưa kịp phai màu thì miền Nam đổi chủ. Tôi lủi thủi vô tù. Hơn ba năm bị nhốt, tôi được thả ra cùng một lần với những chuyên viên khác. Không công ăn việc làm, không vợ con, thân tàn ma dại, tôi còn biết làm gì khác ngoài chuyện tính kế ra đi. Nghe tin gia đình Tân (người bạn học cùng khoá) nhờ có tiền tự tổ chức vượt biên lấy, tôi ngỏ lời xin theo và được cả nhà đồng ý. Chúng tôi xuống ghe từ Rạch Giá. Theo lời bác Nhạc (bố Tân) thì chỉ cần 24 tiếng là ghe tới Thái Lan. Chúng tôi rời bãi đáp và ra khơi an toàn. Nhưng ở đời đôi khi sự thận trọng quá đáng chưa chắc gì đã mang đến một kết quả tốt đẹp như lòng mình mong đợi. Vì sợ bị lộ, bác Nhạc một mình đứng ra bao thầu mọi việc. Trong lúc mải mê toan tính việc mua ghe sang tên, lo trữ dầu, trữ thức ăn nước uống, bác Nhạc đã vô tình bỏ quên một điều, lại là điều quan trọng nhất: toàn bộ gia đình Tân, kể cả tôi, không một ai có kinh nghiệm trên sông nước. Nói chi trên đại dương mênh mông.

Ghe đi, đi mãi đã mấy lần 24 tiếng trôi qua, bờ biển Thái Lan đâu chẳng thấy chỉ thấy nước và nước. Một màu xanh bí ẩn, đầy hiểm trở và rất đáng ghê sợ. Nước uống cầm hơi, thức ăn cầm hơi. Lúc nước uống và thức

...-

ăn cạn ráo thì một chiều ghe gặp bão. Khủng khiếp thật! Gió réo lạnh lốt, sóng dậy âm âm, mưa rơi ào ạt và cuối cùng thì ghe lật úp.

Tất cả sáu người trên ghe, hai bác Nhạc, cô em gái kế Tân, Đinh (cậu em trai út), Tân và tôi tất cả dồn thành một khối lọt thỏm giữa vòm ghe tối om om. Không biết mất đến bao nhiêu giờ, bao nhiêu phút sau, bỗng dưng tôi mở bừng mắt ra để nhận thấy rằng mình đang trôi bồng bềnh trên mặt nước. Lại một điều là tôi đang loay hoay bơi ở cái thế cả hai bàn tay đều bấu chặt khừ vào một cái quai xách có lẽ kết bằng loại mây to sợi. Cái quai xách này dính bên cạnh một cái thùng cây. Cặp kính cận thị tôi vẫn mang đã rơi đâu mất lúc ghe lật. Nhưng sau khi bình tĩnh lại, sau khi biết mình còn sống sót tôi hăng hái xoay đầu nhìn trời nhìn nước nhìn chung quanh. Gió đã dừng thổi, mưa đã ngưng hột, mặt biển đã trở lại trạng thái lạnh lùng sâu thẳm thẳm. Trên mặt nước bao la trơ trọi một mình tôi với cái thùng gỗ. Có một lúc lơ đãng vì đầu óc bận nghĩ đến nỗi cô đơn khủng khiếp và nỗi nguy khốn kề cận của thân phận mình, thỉnh thoảng một làn sóng cực lớn từ phía sau ồ ạt xô tới làm hai bàn tay tôi suýt chút nữa rời khỏi cái quai cầm, đồng thời cả cái cơ thể nặng nề của tôi cơ hồ bay bổng lên khỏi mặt nước. Giữa giây phút căng thẳng nhất, tôi trực nhìn thấy phía bên kia cái thùng còn có bóng dáng của một người nữa. Té ra tôi không cô đơn mà có bạn cùng bơi. Và té ra nhờ sức lực của người đó mà cái thùng mới trôi vùn vụt như vậy. Mừng rỡ, tôi cố gắng ngóc cao đầu dậy, cố gắng banh đôi mắt ra, cốt

nhận diện kẻ đồng hành cũng là người thứ hai cùng tôi sống sót. Phần vì thiếu kính, phần vì cái thùng nhấp nhô liên hồi, phần vì cái đầu bên kia cử động liên tục cho nên dù cố gắng cách mấy, tôi cũng không tài nào phân biệt được kẻ đó là ai. Nhưng nhờ nhìn mái tóc cắt ngắn kiểu đàn ông nhờ nhìn cánh tay rắn chắc của người kia những lúc đưa lên cao quạt nước, tôi suy đoán rằng kẻ đó chính là Đính. Vì nội trên ghe ngoài hai người đàn bà có mái tóc dài; ba người đàn ông còn lại thì bác Nhạc trai tóc đã bạc trắng, Tân mới đi tù về bệnh hoạn bủng beo giống hệt như tôi, chỉ còn lại Đính là kẻ đang ở vào lứa tuổi thanh niên tráng kiện mà thôi. Thật hù vía! Không biết Đính có hay là tôi cũng may mắn vớ trúng cái thùng gỗ và cũng đang bơi ở phía bên này hay không. Đã mấy lần định cất tiếng gọi cho Đính lên tinh thần, nhưng hễ tôi mở miệng ra là nước biển lại tràn vào sặc sụa. Bóng đêm nhạt dần, tôi nôn nao dõi cái nhìn ra khắp bốn phía. Đường chân trời vẫn mờ mịt, bờ bến vẫn ngút ngàn. Toàn thân tôi rũ liệt, tinh thần tôi xuống dốc, cũng cùng lúc ấy tôi phát giác ra thêm một sự việc rất ư náo nức: cơ thể tôi đang bị hiện tượng chuột rút tấn công tới tấp. Bắp thịt cổ đơ ra cứng đờ, những bắp thịt tay co lại đau buốt. Trong tình trạng hoàn toàn bất động, tôi mở miệng ra hớp lấy hớp để một ít không khí đang luân lưu trước mặt, coi như thu về thứ báu vật còn lại cuối cùng của cuộc sống này, rồi từ từ buông thõng hai tay ra.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm dài trên một cái giường có gối mềm chần nệm hần hoi. Có bóng dáng của một người mặc áo choàng trắng đang hí hoáy bên

cạnh. Chính người y tá đó đã kể lại cho tôi nghe rằng: sáng hôm qua lúc chuẩn bị ra khơi, một nhóm ngư phủ tìm thấy tôi đang nằm sõng soài trên bãi biển. Thấy tôi còn thoi thóp thở, họ chở tôi vào nhà thương cấp cứu. Đây là làng Tanjung Pinang thuộc một bán đảo nhỏ của quần đảo Nam Dương. Với khối óc hoang mang mê tỉnh, tôi nằm lạng, lảng tai nghe. Cuối cùng để tin chắc rằng mình không nằm mơ cũng không gặp gỡ người y tá bản xứ tại một cõi thiên đường hay địa ngục nào khác, tôi e dè đặt câu hỏi:

- Anh bạn tôi nằm ở phòng nào?

Vẫn tiếp tục sửa soạn kim chích, ông ta thản nhiên trả lời :

- Đâu còn ai khác, ngoài anh?

Tôi lịm người, suýt ngất đi lần nữa. Đỉnh đầu rồi? Chẳng lẽ Đỉnh thì chết trong khi tôi vẫn sống? Tại sao dùng một cái từ ngoài khơi mịt mù tăm cá cả cái thân thể nặng nề và bất động của tôi lại có thể tiếp tục nổi lều bều như cọng rơm khô rồi tự động tấp vào một bãi cát hàng ngày vẫn thường xuyên có người qua lại?

Suốt cả tuần lễ sau đó, tôi nằm bẹp dí như kẻ chết rồi. Tôi chỉ thực sự sống lại khi lý trí trở về giúp tôi lần hồi tìm ra manh mối vụ sống còn hi hữu của mình. Phải rồi, tôi sức nhớ lại hình ảnh cái đầu với mớ tóc đen muối phủ xuống che khuất một bên má của kẻ cùng bơi với tôi. Những lúc cái đầu ấy vươn cao hẳn lên, lúc bóng đêm không còn đen sậm nữa; trên cái cần cổ của người đó hình như tôi có thoáng nhìn thấy một vật gì mang bóng dáng của một sợi dây chuyền và cuối vòng dây

lửng lảng qua về một mảnh kim khí màu trắng toát. Ôi, tấm thẻ bài! Bài toán hóc hiểm đã có lời giải đáp thoả đáng cho riêng tôi. Và chỉ cho riêng tôi thôi. Đỉnh còn tương đối ít tuổi, đâu đã từng ở trong binh chủng ngày nào. Tân mới đi tù về, có cho vàng cũng không dám vác cái của nợ ấy theo trên đoạn đường đi trốn. Tấm thẻ bài tòng teng trên cổ người sĩ quan dù, tuy đã chết rồi, tuy đã đền xong nợ nước vẫn còn nấn ná ở côi dương cốt để lần mò đến thăm viếng tận phòng tôi một đêm nào ở bệnh viện Mang Cá của xứ Huế xa xôi. Và đặc biệt lần này lại cất công vượt núi trèo non lặn lội theo tôi tận cuối bãi đầu ghềnh.

Thảo nào tôi sống còn! Thảo nào từ xưa đến nay có lắm kẻ đi đâu cũng huênh hoang tuyên bố: cái ranh giới giữa côi sống và côi chết chỉ gần gũi trong gang tấc.

PHẬN MÌNH

Dưa hân lững vào thành chiếc ghế đá,
Quỳ hững hờ đưa mắt nhìn giòng sông trước mặt.

Lại một giòng sông...! Không hiểu bắt đầu từ bao giờ gần như lúc nào hình ảnh một dòng sông cũng mang đến cho nàng một nỗi buồn, có khi chỉ thoáng qua nhưng cũng có khi rất sâu đậm. Rất có thể, như ai đã nói: vì dòng sông là nguyên nhân chia cắt đôi bờ, vì giòng sông là chỗ bị con đò bỏ lại và hơn hết, vì giòng sông là trạm dừng chân lúc tiễn đưa nhau.

Ngay đến giòng sông trước mặt Quỳ lúc này, một giòng sông lạ hoắc, không bến không thuyền cách biệt hoang vu vẫn thể hiện nét thê lương sầu thảm của một cái gì vừa gãy đổ, vừa vô cùng tàn lụn: đám lá mục, đám cành cây rụng trôi lênh mặt nước, không là tàn tích chết chóc đọng lại từ mùa thu trước và trước nữa hay

sao? Hai bên bờ cây hoang mọc um tùm, gốc rễ bị nước xói mòn phơi ra u nần trắng hếu, có vẻ từ lúc hiện diện chưa hề được ai để chân đến. Xen kẽ giữa đám cây chi chít đặc biệt có vài loại cây rễ đâm xiên tua tủa ra từ thân mẹ. Ngắm đi ngắm lại chòm rễ mọc meo oằn oại giống hệt bầy rắn nước, con ngồng đầu lên, con chốc ngược đầu xuống chúi nhủi vào lòng đất, Quỳ không khỏi tư lự: chúng phát triển theo định luật nào? Tiến tới, thụt lui, hay... mắc kẹt giữa vòng luẩn quẩn?

- Lại cái vòng luẩn quẩn!

Thở dài, Quỳ quay mặt đi, hướng tầm nhìn vào hai hàng cây ê-ráp trồng ngay hàng thẳng lối kế bên chiếc ghế đá nàng ngồi. Mặt trời giữa trưa dội ánh nắng sáng trưng lên đầu từng ngọn cây làm bóng cây đổ xuống chỉ có thể xấn vắn quanh cái gốc. Mỗi lần có cơn gió thổi qua, bóng cây nghiêng ngả như muốn giang tay ôm chầm lấy, hay ít ra muốn được hoà nhập làm một với thân cây. Ngược mắt lên bắt gặp tàn lá rậm rạp, gằm mặt xuống đụng nhằm thân cây lỏng khỏng dựng đứng giữa vũng tối lắc lư, nhìn trần một hồi, Quỳ có cảm tưởng mắt nàng mờ đi. Và, lạ lùng thay, giữa cảnh hư hư thực thực lộ diện thêm một hình ảnh khác: Quỳ nhìn thấy nàng đứng lẫn lộn giữa hàng cây; cũng mang tới, đội nón, cũng co quắp giữa trời và cũng đang... mãi mê ngắm soi cái bóng của mình.

- Ngắm soi bóng mình!

Lắc đầu chán nản, Quỳ rời bỏ hàng cây để chú tâm đến toàn bộ quang cảnh dàn trải chung quanh nàng. Bầu trời thăm thẳm, mặt sông không xao động, con đường

trải sỏi phơi mình chơ hơ dưới ánh mặt trời, khu rừng cây trùng điệp phía sau lưng. Kể từ lúc lang thang tạt vào đây, lần đầu tiên Quỳ để ý đến sự cô quạnh mênh mông của công viên này. Trời nước cỏ cây đồng im hơi lặng tiếng, đồng tỏ thái độ cương quyết không nhập cuộc, cốt xô đẩy Quỳ phải quay về với thế giới biệt lập của riêng nàng. Bằng bộ đi tìm một chút khuây khỏa, rõ... chạy trời không khỏi nắng, Quỳ cay đắng nghĩ.

Vừa may, có tiếng người vắng vắng. Vô lấy cơ hội, Quỳ banh mắt tìm kiếm: một đôi trai gái vừa xuất hiện từ xa. Hai khuôn mặt râm hồng, hai cặp mắt sáng rỡ, đôi vòng tay ôm khít lấy nhau. Bóng họ in rõ mồn một giữa màu lục ngăn ngắt của lá và màu xanh biêng biếc của trời. Cảnh làm nền cho người vô tình tạo nên một bức tranh hết sức linh động. Nhưng, chỉ trong chớp mắt ngay giữa nền bức tranh vĩ đại trời trong mây trắng biến hoá thành nước xanh sóng bạc và chót vót trên đầu ngọn sóng có hai bóng người nhấp nhô. Họ trôi, trôi từ đâu đâu, trôi vút qua chỗ Quỳ ngồi rồi trôi mãi trôi mãi. Khi chìm. Lúc nổi. Có tiếng con vật nào khua lọc xọc dưới lớp lá khô, Quỳ giật mình sức tỉnh.

Bóng cặp thanh niên không còn thấy đâu nữa. Đã ngạc nhiên lại đang lưỡng lự không biết nên hướng ý nghĩ mình về đâu, Quỳ nảy ý định thử lý luận xem chơi. Coi nào, đôi thanh niên nam nữ cặp tay nhau đi sờ sờ chứ đâu có trôi? Phải chăng vì đang bị ảnh hưởng nặng nề của chính tâm trạng mình, Quỳ đã nhìn nàng qua họ, đồng thời nhìn họ qua nàng. Họ và nàng kẻ trước người sau, lần lượt bị cuốn hút vào giữa dòng đời rồi bị đẩy bật

văng xa ra khỏi giòng đời. Đúng vậy, mấy mươi năm trước Quỳ là họ, mấy mươi năm sau họ là Quỳ. Tuổi trẻ, nụ cười, nỗi tin yêu, niềm hăm hở sống, ai không một lần. Phải, đã có một thời nhìn vào ngõ ngách nào, Quỳ cũng thấy độc một màu sáng lạng một cảnh êm đềm một trời hứa hẹn. Ai nói mặc ai, Quỳ nhất quyết đánh giá cuộc đời trước mặt không khác gì một bữa cỗ thịnh soạn, nói rộng hơn: một mảnh đất màu mỡ đã cày bừa vun xới sẵn sàng chỉ còn đợi nàng kéo ghế nhập cuộc hoặc đợi bước chân nàng êm thấm giẫm lên. Đã đời chưa! Vào đời là... mở miệng xơi cỗ, há miệng chờ sung, ngửa mặt tênh hênh vung tay rải mạ: một cây mạ lên, một giấc mơ thành hình. Xuôi chèo mát mái sợ còn dễ dàng hơn việc thò tay lấy đồ trong túi áo. Mơ mộng tha hồ; của kho vô tận! Mơ lớn mơ nhỏ, mơ xa mơ gần, mơ một mình mơ hai mình. Bể khổ chỗ nào? Trầm luân, nước non gì nữa? Kinh nghiệm trường đời, bài học dạy khôn; ba trò lẩn cấm thoát thai từ mấy bộ óc gần dở, lập dị, ăn không ngồi rồi... hơi đâu bận tâm cho một trí.

Nào dè, sóng gió cuộc đời dồn đẩy tới tràn lấp qua lấp qua, cọ vẹt mài giũa lần hồi làm phai nhạt đi màu sắc trẻ trung làm cùn nhụt dần nổi vô tư niềm phấn khởi thuở ban đầu. Hao mòn. Phai nhạt. Mất mát. Y như rằng thời gian và sự chung đụng là hai mấu kềm bằng sắt trong tay vị nha sĩ cứ từ từ khép lại, khép lại, đào khoét xoi đục sâu vào từng mảng xương cốt Quỳ. Nhổ một cái răng sâu ra là bứt đứt hẳn một số dây thần kinh liền lạc, là để lại trên vòm miệng một lỗ hồng sâu hoắm tràn ngập máu me. Thoạt mới mất một cái răng: chưa thấm

tháp gì! Đến khi năm, mười, mười lăm cái răng tuần tự mất đi; các cơ lấy tay rờ thử, rờ trúng hai hàng lợi lồi lõm trống hơ trống hoắc, cộng thêm mối liên tưởng về những lần đau răng sắp tới. Ô hô, sự thật trần trụi, ghê lở. Có “thức khuya mới biết đêm dài”, tuổi tác càng nhiều Quỳ càng nhìn thấy rõ thế đứng mấp mô hèn kém gần như vô nghĩa của thân phận nàng. Vốn vẹn là một hòn cuội không hơn không kém, trong trăm triệu hòn cuội khác. Lăn, lăn, lăn hoài cho đến lúc trở thành chai sạn, khỏi thêm bận tâm chuyện mình sẽ lăn về đâu, lăn tới lúc nào.

Hôm qua, Quỳ nhận được lá thư có thông câu kết luận: “mình còn khoảng đời sau”. Hừ, khoảng đời sau! Cái gì chờ đợi Quỳ ở khoảng đời gọi là... sau đó? Sau lần này, liệu còn bao nhiêu lần sau nữa? Một bến bờ hạnh phúc? Những tháng năm êm ấm tuyệt vời? Có hay không cõi thần tiên như vậy ở ngay hạ giới này? Hay lại là một giấc mơ khác được thêu dệt nên cho đoạn đời kế tiếp, hồng bù đắp lại khoảng thiếu hụt thua lỗ triền miên trước kia? Mừng cũ soạn lại biết bao nhiêu lần rồi: “giật gấu” đoạn đời sau, “vá vai” đoạn đời trước. Giật giật, vá vá, cái gấu áo rách bươm. Còn ai đại tin mình, nếu không ra miệng hứa hẹn; làm sao dám tin người, nếu không bắt buộc họ thề nguyện. Hứa hứa, thề thề, “lấy đá thử vàng” chừng năm lần mười lượt lời thề nào rồi cuộc lại cũng hoá ra nước đổ lá môn. À, gẫm ra sống là vậy, là quanh đi quẩn lại nội trong bấy nhiêu vấn đề: phỉnh gạt người và dụ khị mình. Phỉnh người, dụ mình: tất cả đảo điên. Điểm nghịch lý nhất là dẫu nhiều phen

biết rõ mình đã, (đang, sẽ) đóng vai con dã tràng xe cát, nhưng sau mỗi màn kịch khi thấy tấm màn nhung hạ xuống, Quỳ vẫn tức tưởi như thường: Trời đất, ta lại tiêu phí tan hoang thêm một chặng đời nữa! Một chặng đời càn qua như cơn lốc, quét sạch tuốt luốt: tuổi trẻ, sức lực, niềm vui và nỗi ham sống. Chặng đời này kế tiếp liền liền chặng đời khác. Thử hỏi, một đời Quỳ gồm được mấy chặng đời cả thấy. Bòn mót rúc rĩa chất sống từ bộ óc và thân xác mình đem ra rải đường rải chợ. Thứ bốn phận độc nhất đó đã có một thời lâu lắc được Quỳ trân trọng nâng lên địa vị tít mù cao cả đứng đắn tuyệt vời rồi tự buộc nàng phải chu toàn bằng mọi cách. Khôi hài! Ngu ngốc! Vì tính toán lầm lẫn vì không hiểu người không hiểu mình vì lơ mơ trước thế sự hay biết đâu chừng tất cả sự lỗ lã thua thiệt oan ức gom góp lại chẳng qua chỉ là cái giá Quỳ phải trả cho sự góp mặt của nàng trong cuộc sống này: hãy nhìn kia, kẻ lữ hành muốn qua cửa ải phải lần lừng đóng thuế nhập nội, không đóng trước cũng đóng sau, không đóng cách này thì đóng cách khác. Ừ nhỉ, biết đâu chừng... Nếu vậy, mọi người huề vốn, không đúng không sai, khỏi hên khỏi xui. Chỉ sợ, lỡ ra một khi hầu bao cạn ráo mà cửa ải còn nhiều!

Có tiếng chim xao xác liên hồi, có tiếng gió luồn qua những hàng cây cao, Quỳ bàng hoàng đưa tay dụi mắt. Từ lúc nào trên nền trời xa, mây không còn bông bông nữa mà dính bệt với nhau thành từng mảng đặc sệt màu xám xịt. Chạy dọc theo con đường nhỏ lá vàng quện bụi đất bay là là thành từng luồng dài. Trên mặt sông sóng rục rịch nổi dậy, đưa đẩy lớp cành cây gãy

hết trời lên lại chìm ngấm xuống hết dang ra xa lại dồn thành đống. Những cành cây trụi lõi xương xóc loi ngoi lớp ngóp qua về giữa đám lá mục, Quỳ thoát rừng mình: nàng có cảm giác đang chứng kiến giây phút cuối cùng của cả một đám người đông đúc. Thành linh, một ánh chớp loé lên như lửa xẹt từ góc trời. Quên lững mọi chuyện, Quỳ đứng rột dậy.

- Mưa, chạy đi thôi! Lười Quỳ lú lại.

Biết chạy ngã nào, chạy sao cho kịp! Trước mặt là dòng sông chắn ngang, sau lưng là cánh rừng, bên mặt là bãi đất hoang bên trái là con lộ ngoằn ngoèo xa tít tắp. Giỡm chạy, giỡm dừng, cuối cùng Quỳ thấy mình vẫn đứng ỳ tại chỗ. Từ từ sức gió thổi có phần nhẹ đi và trong hơi gió có pha lất rất vài giọt nước. Mưa rơi, rơi thật sự. Hai hàng cây ê-ráp bên cạnh rũ xuống. Qua dáng vẻ co ro ướt át của hàng cây, thêm một lần nữa Quỳ nhìn thấy lại hình ảnh của con người, một hạng người suốt đời gằm đầu cúi cổ chịu đựng bất cứ áp lực nào giáng xuống từ trời bùng lên từ đất hay ập xuống từ... bốn phía đồng loại. Ý nghĩ chua chát vừa trờ tới, mang công dụng bồi đắp thêm xăng dầu cho ngọn lửa vẫn từ lâu âm ỉ đốt cháy máu xương da thịt Quỳ. Đầu óc mê mẩn, miệng mồm đắng nghét, tay chân bại xuội, Quỳ định thả liều ngồi đại xuống ghế, trơ mình chịu trận. Mưa rơi, rơi thành dòng xối xả. Mưa quật bên mặt, mưa quật bên trái, mưa tưới phần trên, mưa xô phần dưới. Tối mắt tối mũi, Quỳ loay hoay tránh né bằng cách đưa tay lên vuốt mặt. Qua mười kẽ ngón tay móp méo, Quỳ hé mắt ti hí; eo ôi, một bầu trời thấp chũn,

một màn nước dày mu, hoà điệu nhịp nhàng với tiếng thân cây rung chuyển ào ào, tiếng gió rít xa gần lạnh lốt. Hoảng hồn hoảng vía, Quỳ lập cập bỏ tay xuống, nhấc bổng chân lên, đâm đầu... ù té chạy.

Chạy qua một đôi đường khá dài, có hơi hoàn hồn, Quỳ mới dám dừng chân lại. Ngoái đầu nhìn lui đoạn đường lấy lợi nàng vừa xông xáo vượt qua, Quỳ thở phào nhẹ nhõm, buộc miệng kêu lên: hú vía!

- Hú vía! Quỳ khoan khoái lập lại.

Vừa lập lại xong, Quỳ sững người liền: Thứ đồ điên ở đâu! Rõ ràng mới hồi nãy không phải chính ta ngồi vêu miệng chê bai; thậm chí muốn chối bỏ hẳn phần đời còn lại. Ôi! Chỉ cần một cơn mưa tới lại “châu về hợp phố” rục rục. Cõi Thiên đường, miền Cực lạc đâu bằng? Bị bắt tại trận đang ăn vụng, Quỳ đành tính chuyện chùi mép. Có một câu nói bất năng suy nghĩ mãi: “Người trẻ sống với tương lai, người già sống với dĩ vãng, lũ trẻ con sống với hiện tại vì... chỉ biết hiện tại.” Còn Quỳ, có lý nào nàng trẻ mãi? Tại sao, đầu đời nàng sống với hiện tại, giữa đời nàng bám vào hiện tại, còn trơ lại đoạn cuối nàng vẫn chưa chịu buông tha? Lý luận cho lắm vào! Rởm!

Mưa rơi đều đặn. Nước lạnh từ trời tới tấp giọt xuống, nước bùn từ dưới lòng đường tung toé bắn lên. Lom lom nhìn trời nước, Quỳ bỗng nhiên nổi khùng, buông tiếng chửi bông lông:

- Để được gì?

Miệng chửi ong óng, tay thần nhiên thả xuống túm chặt khừ hai ống quần, Quỳ chuẩn bị chạy tiếp.

QUA CẦU GIÓ BAY

Của Tùng....

VN, ngày....

Lục Hà,

Đầu tuần trước chị Hạc ghé qua nhà có trao cho anh những món quà do Hà gửi về. Đang định bụng phải đi thăm đáp lễ thì hôm qua tình cờ anh gặp được Tùng, hồn danh Tùng khùng trong một quán nhậu. Sau một đêm đắn đo suy nghĩ, sáng hôm nay anh quyết định hủy bỏ chuyến viếng thăm trong dự tính để thay thế bằng lá thư này.

Anh Tùng, cứ tạm coi như Hà đã quên mất anh ta, là một trong những tên bạn nổi khố còn sót lại thân thiết nhất của anh. Sở dĩ tên anh ta bị gán ghép thêm chữ khùng vì anh Tùng có cái tật hễ rượu vào là lời ra. Tay bưng ly rượu, miệng nói không dừng, kể lể vanh vách không ngán sợ ai, cũng không biết e dè trước bất cứ thế lực nào. Người nghe vô cùng khoái trá vì những lời anh ta thốt ra thường chính là những điều tự thâm tâm ai

cũng hậm hực mà không đủ can đảm thổ lộ ra bên ngoài. Được cái, say thì say hầu hết những câu chuyện do từ cửa miệng anh Tùng khùng thao thao kể lại, đều được bạn bè đánh giá rất cao vì tính trung thực và nhất là vì đều thuộc loại “nói có sách, mách có chứng.”

Trở lại chuyện chúng mình...

Tại quán nhậu hôm qua anh được nghe đủ thứ chuyện, chuyện buồn, chuyện vui, chuyện, xa chuyện gần và sau hết là chuyện của Hà. Phải, chuyện của Lục Hà, vị hôn thê của anh trong những năm về trước.

Chuyện kể rằng: ở bên đó, Hà đã có vị hôn phu khác rồi. Anh còn nhớ rõ như in danh vị của hai từ “hôn phu”. Hôn phu không có nghĩa là người mới gặp gỡ hoặc là kẻ mới quen biết mà chính là người đã đi gần trọn con đường... chính thức hoá để trở thành người chồng.

Thoạt mới nghe qua, anh giật mình. Bằng chứng còn rành rành ra đó: trong suốt mấy năm nay, việc lo hoàn tất hồ sơ bảo lãnh cho anh được qua Canada đoàn tụ với Hà vẫn một nhịp đi về đều đặn. Giai đoạn khám sức khoẻ vừa thông qua, chỉ còn đợi ngày đăng ký chuyển bay là coi như anh đường hoàng xách hành trang lên đường.

Có lý nào? Tại sao? Nên tin hay không nên tin? Hôm qua, anh Tùng say thật hay chỉ là kẻ vì lòng hảo tâm vì tánh tình cương trực giả mượn hơi men cốt giúp bạn bè bưng con mắt dậy. Ngoài tật lùng khùng do những kẻ xấu miệng cố ý đồ riệt cho, từ thời còn trẻ anh Tùng đã nổi tiếng như cồn nhờ bộ óc thông minh, nhờ trí nhớ hơn người và nhờ tánh tình ngay thẳng nữa. Đặc biệt

trong câu chuyện của chúng mình còn phải lưu ý tới một yếu tố cực kỳ quan trọng sau đây: anh Tùng với chị Hạc là chị em cô cậu ruột.

“Không có lửa, tại sao có khói.” Thôi thì, dầu muốn hay không muốn, dầu chỉ tin một nửa hay tin toàn phần, dầu anh Tùng say thật hay say giả cũng nên bình tâm để chấp nhận định luật muôn đời này: sống, là chờ đợi và nhận chịu mọi sự việc có thể xảy ra. Hà trẻ, đẹp, có nghề nghiệp vững vàng, đi xa lâu ngày; chuyện Hà có người tình mới chẳng qua chỉ là một bước ngoặt, một ngõ rẽ trong suốt cuộc hành trình dài lâu của một đời người. Giữa cánh rừng hoa lá, nơi đâu có màu sắc thắm tươi, có hương hoa đậm đà, thì ở đó có ong qua bướm lại dập dềnh. Hoàn cảnh đổi thay, kinh nghiệm sống dồi dào, tuổi tác chất chồng, cái nhìn đời đương nhiên phải thay đổi.

Chuyện mình, quá lắm cũng chỉ là một trong triệu triệu chuyện tình bình thường và nhỏ nhoi của con người toàn bộ. Loại tình yêu trai gái của tuổi học trò, của thời “hỉ mũi chưa sạch”, của thuở dám nghênh ngang đem mộng ước cả một đời người trân trọng thành kính đặt trên một bệ thờ độc nhất “áo nàng vàng, anh về yêu hoa cúc. Áo nàng xanh, anh mến lá sân trường”. Ôi, còn xa lắm lắm mức độ trưởng thành thực sự! Nó đến rồi đi, bèo bọt, vô hình, vô ảnh như một lượng thủy triều trời lên rồi chìm lỉm xuống giữa cảnh đại dương mênh mông.

Sự tiến bộ nói chung, sở dĩ có được là nhờ con người có khả năng suy đi tính lại để còn kịp thời biết sửa sai cái dĩ vãng nhiều thiếu sót, lắm sai lầm hoặc đầy khờ

khạo. Ngay đến lễ đính hôn của hai đứa mình cử hành trước ngày Hà ra đi, anh đang tập coi như nó không hề... có mặt. Vì, suy cho cùng lễ hỏi hay lễ cưới chẳng qua cũng chỉ là một loại hình thức bên ngoài, không trói buộc được ai, cũng không vinh danh bất cứ sự hiện diện xa gần nào. Dẫu đang ở xa hay còn ở gần ngay bên cạnh, một khi tình cảm đã thay đổi, Hà vẫn có toàn quyền suy nghĩ và quyết định theo tiếng gọi của lòng mình.

Anh nghĩ sao viết vậy, không mĩa mai ta thán, không đóng vai kẻ cả, cũng không tự ái xằng bậy. Còn chẳng là nỗi thắc mắc sau cùng này: vì cớ sự nào Hà phải cắn răng giữ im lặng trong chùng ấy năm trời? Vì Hà muốn... trả quách cho xong một món nợ đời hay vì chút tình nghĩa cũ càng Hà đành phải đóng vai nghĩa hiệp bằng cách ra tay cứu vớt một cuộc đời? Tội gì không đánh đổi cái “được” này bằng cái “mất” khác? Cái giá của hai chữ Tự do, ai dại gì đem dâng không cho kẻ khác? Oán đó thì ơn này. Rồi ra, mọi chuyện sẽ... hạ hồi phân giải. Nếu đúng thì tại sao lại đặt nặng vấn đề nợ nần, ơn oán, cứu vớt, cứu mang? Giữa hai đứa mình, biết ai nợ ai, biết ai mang ơn ai? Còn oán? Oán ai, oán gì? Kẻ đáng oán trách nhất chính là anh đây mới phải. Vì cho đến tuổi tác này và cho đến tận hôm qua anh vẫn còn quá ngây thơ quá ấu trĩ, không hiểu mình không hiểu người, không hiểu thời không hiểu thế. Đáng lẽ ra... Thôi thì, thà trễ nải còn hơn không bao giờ. Còn chuyện cứu vớt? Nếu ý định này có lảng vảng đâu đó trong cõi đầu óc mênh mông của Hà, thì quả thật Hà đã

lầm, lầm lớn nữa là khác. Đã đến nông nổi nào đâu! Dầu Hà ra đi, dầu bà con thân quyến Hà ra đi, dầu nhiều người Việt khác ra đi, nhưng trên mảnh đất quê hương nghèo khó này vẫn còn lại gần cả trăm triệu con người khác nữa. Từ lúc lọt lòng mẹ cho đến tận hôm nay, anh vẫn bình thản sống. Một khi mọi người sống được thì anh sống được. Còn đủ hai con mắt, có đủ hai bàn tay, người ta sao thì mình vậy. Kể ra, hạnh phúc đâu nhất loạt phải đóng khung trong một nơi chốn riêng biệt nào. Dầu óc con người vốn đa dạng, mỗi người một ý thích, một niềm vui, một lý tưởng để tôn thờ. Vẫn biết rằng nơi đây cuộc sống khó khăn, tiện nghi thiếu vắng, đất cằn sỏi đá, nhưng chính nơi đây mới là tổ quốc của riêng anh. Anh có bà con, có bạn bè, có tình nghĩa lối xóm. Anh có con sông xưa, có ngôi trường cũ, có mái nhà tranh thuở nhỏ vẫn còn nằm chờ đợi đâu đó trong chốn sương mù.

Đi hay ở, anh vẫn là anh, không mất mát nhiều, không thiệt thòi bao nhiêu. Biết đâu trong cái rủi lại có cái may; trong cái được không kèm cái mất. Nói tóm lại, kể từ giây phút này anh long trọng tuyên bố: tự ý rút lui. Rút lui toàn bộ và xấp hồ sơ bảo lãnh, từ từ đầu cho đến từ cuối sẽ do chính hai bàn tay anh xé bỏ. Sau khi lá thư này được gửi đi, anh trở về lập tức thu vén mọi thứ để tính chuyện dời nhà qua chỗ khác. Đi đâu? Sinh sống bằng gì? Bón bể là nhà, núi sông là bạn, lo gì ?

Mọi liên lạc, từ nay xin chấm dứt. Xin giã từ, một lần cho mãi mãi.

Một kẻ mang ơn Hà.

Bình

MỘT THUỞ HỌC TRÒ

Tôi gặp thầy lúc tôi vừa đặt chân lên lớp một, cấp trung học. Thầy tên Ứng Biển, một cái tên thuộc dòng vua chúa triều Nguyễn. Nghe đâu, ở lứa tuổi thanh niên đã có một thời tấy vô bụng theo kháng chiến. Về sau trở ra hồi chánh, thầy lập gia đình và đi dạy học. Lúc dạy tôi thầy trạc 45, còn tôi thì ở tuổi 11, 12. Xét chung chung thầy thuộc loại người đẹp trai, dáng dấp cao ráo, khuôn mặt đều đặn, thái độ khoan thai, nói năng từ tốn. Ngày thường thầy tôi trường trong bộ âu-phục hợp thời trang. Những ngày lễ lạc, thầy thẳng bộ quốc phục: áo the đen, quần vải trắng, đầu đội khăn đóng, chân mang giày hạ. Nghĩa là thoát nhìn bên ngoài, thầy Ứng Biển là hiện thân của một nhà mô phạm gương mẫu muôn đời.

Nhưng, phải chăng ngoài cái vỏ bên ngoài và ngoài cái phần bên trong, trong con người còn cái cốt lõi giấu kín tận đáy sâu thăm thẳm của mỗi cõi lòng. Đặc biệt trong con người của thầy Biển ba khía cạnh riêng biệt đó không những chỉ khác người mà còn khác nhau, thậm chí còn đối nghịch nhau như nước với lửa.

Điểm lạ lùng thứ nhất là thầy có một lối... nhảy mũi rất lạ lùng, rất phong phú và vô cùng vui nhộn. Mà, hình như rằng thầy chỉ thực sự thi hành công tác nhảy mũi khi thực sự đặt chân vào lớp học. Dẫu với lớp học nào và dẫu ở vào thời điểm nào. Có lẽ thầy bị dị ứng với tấm bảng đen và bụi phấn trắng. Có kẻ ác ý phao vu rằng thầy Biển dị ứng với những khuôn mặt... khả ố của lũ học trò vì thầy vốn ghét ghét cái nghề gõ đầu trẻ. Sở dĩ phải hành nghề mô phạm vì thầy bị đẩy vô cái thế "chẳng đáng dừng". Sự thật ra sao, họa may ra chỉ một mình thầy biết một mình thầy hay. Cũng lạ đời thật! Vì, đã là con người có mấy ai không từng bị cảm cúm, nhức đầu, sổ mũi, nhảy mũi. Nhưng nhảy mũi theo lối của thầy Biển thì ở đời này cũng khó có ai theo kịp. Không thỉnh thoảng, không mỗi lần năm ba cái như người khác, thầy Biển nhảy mũi đều đặn hằng ngày và mỗi lần ít ra... ba mươi cái, có khi hơn. Tiếng chuông vừa đổ, học trò sắp hàng vào lớp xong xuôi thì đến lượt thầy khệ nệ ôm chồng sách vào theo. Vừa bước chân qua ngưỡng cửa lớp, thầy bắt đầu nhảy mũi. Nhảy lia lịa, nhảy liên tục, nhảy nhịp nhàng, nhảy từng búng và nhảy... tận tình. Ở bên dưới, lũ học sinh hồ hởi đếm theo: một, hai, ba... ba mươi. Nhịp đếm của số đông cũng nhịp nhàng, cũng từng búng, cũng tận tình không thua gì nhịp quân hành của đoàn quân xuất trận. Ngoài việc đếm bằng miệng, các nam sinh còn cao hứng dùng thước kẻ gõ nhịp lên bàn, mau chậm, mạnh nhẹ, cao thấp theo đúng âm điệu phát ra từ cửa miệng của thầy. Tiếng đếm, nhịp gõ chỉ dừng lại khi điệu nhảy mũi được thay thế bằng câu nạt nộ thường ngày.

- Ngồi xuống! Ngâm miệng lại!

Ngồi xuống thì ngồi xuống, ngâm miệng thì ngâm miệng. Quen tai, quen mắt chúng tôi tình bơ thi hành mệnh lệnh. Trong suốt năm học và có thêm ba năm kế tiếp nữa, giờ vạ vật chính là giờ làm chúng tôi cảm thấy thoải mái nhất. Dư luận chung quanh đồn rằng: đối với mẹ Biển (thời đó ai mang họ Ứng, Hoàng, Bửu, Vĩnh dẫu đàn ông hay đàn bà đều được bằng dân thiên hạ phong cho chức "mẹ"), học sinh chỉ cần bỏ tiền ra mua quyển sách do chính tay mẹ biển soạn lấy là chắc chắn... qua cầu.

Ngay ngày gặp mặt đầu tiên, thầy Biển đã vào lớp học với chồng sách cao nghều trong tay. Nếu tổng số học sinh trong lớp gồm 50 đứa thì số sách thầy mang theo sẽ là 50 quyển. Không thiếu không thừa. Thầy là giáo sư độc nhất dạy môn vạ vật cho toàn trường. Do đó thầy soạn sách cho cả bốn lớp. Mỗi năm một quyển. Xong màn nhảy mũi từng búng, thầy mở quyển sổ điểm danh ra, gọi tên từng đứa lên bàn giáo sư nhận sách và ký tên thiếu nợ. Đến kỳ học sau, rằm rập đem theo tiền trả nợ. Đôi khi có đứa vì gặp gia cảnh quá nghèo không thể trả nổi một lần thì thầy cho trả góp. Sách thầy gồm những bài biên soạn giản lược đến độ ai đọc cũng hiểu, còn những hình vẽ kèm theo thì sơ sài đến độ ai vẽ cũng được.

Đến giờ giảng bài, mỗi đứa ngồi trước quyển sách của mình, mở đúng trang bài giảng hôm đó. Thầy chỉ mặt đứa nào thì đứa đó cúi xuống đọc. Đứa sau, đọc kế dòng đứa trước. Cứ vậy cho đến hết bài. Nếu tôi nhớ không lầm thì mãi cho đến năm học cuối cùng tôi chưa lần nào có hân hạnh được nghe thầy giảng bài, dẫu chỉ một dòng lấy lệ. Đôi khi vì tình nghịch hay vì có thiện chí gây thêm hứng khởi cho lớp học, một nam sinh nào đó cắc có đưa tay lên, khiếu nại:

-Thưa thầy, chúng con cần nghe giảng bài.

Cả lớp cười rú lên cho không khí bớt tẻ nhạt dẫu biết rõ như hai với hai là bốn rằng trước sau gì thầy cũng sẽ phán câu này:

- Cái lũ đầu trâu mặt ngựa tụi bây cần gì nghe giảng?

Không cần phải nghe giảng vì bài học vốn đã quá đơn giản hay vì hiểu rõ là cả bọn chúng tôi, gần 60 đứa, đứa nào như đứa nấy hằng ngày lẳng xăng ôm tập vở tới trường cốt để gặp gỡ bạn bè, chơi đùa thỏa thích hơn là để dùi mài kinh sử.

Xong giờ giảng bài, tới giờ trả bài. Cả lớp hai tay khoanh tròn, sách vở gấp lại, mắt mũi láo liên, mặt mày hăm hở. Lịch trình trả bài theo đúng thứ tự a, b, c, ghi trong sổ điểm danh. Mỗi kỳ học có mười đứa phải trả bài và mỗi đứa phải đọc thuộc lòng năm câu, không sai lệch đường nào. Cứ vậy, suốt năm, năm này sang năm khác. Nếu tổng số học sinh trong lớp gồm 60 đứa thì trong sáu tuần liên tiếp mỗi đứa chỉ được gọi tên đúng một lần. Một tháng rưỡi trời chỉ phải trả bài có một lần và chỉ học vốn vẹn có năm câu. Nhiều nhởi gì cho cam! Chúng tôi chỉ việc ghi rõ ngày giờ và học thuộc lòng số câu mình phải trả là coi như... chu tất mọi bề.

Thói đời, cứ "được đăng chân thì lân đăng đầu." Có một ngày trước giờ vạ vật không biết nghe ai xúi giục, một

nam sinh khác bỗng dựng bốc đồng đưa ra trình làng một phương pháp trả bài còn thần sầu quỷ khốc hơn nữa:

- Tại sao tụi mình phải mất công học đến năm câu thay vì chỉ một câu thôi?

Chỉ một câu thôi! Nghe hấp dẫn quá trời ! Cả lớp nhao nhao, diễn giả cao hứng oang oang giải thích:

- Đề nghị nên đọc lớn tiếng câu đầu tiên rồi lập tức hạ giọng thầm thì lặp lại nguyên văn câu vừa đọc thêm bốn lần nữa. Phần bạn làm thơ, phần không nghe rõ, thầy sẽ đính ninh rằng tụi mình đọc đủ năm câu.

Nhất trí cao. Tuy nhiên, dầu lũ học trò có giờ trò lường gạt tãi ba đến đâu thì thái độ của thầy vẫn không mảy may thay đổi. Sừng lừng thẳng ro, cặp mắt bình thần chăm chú nhìn vào tập sách cầm trong tay, thầy kiên nhẫn ngồi đợi. Cứ xong mỗi màn kịch, thầy lại phản cùm một câu:

- Thôi, vác mặt chó về chỗ ngồi! Năm điểm trên mười!

Vác mặt chó và số điểm trung bình. Là thái độ phản đối của thầy hay cũng là dịp để thầy bày tỏ cho chúng tôi hiểu rằng: với thầy, giờ loại mảnh khoé vật vãnh đó ra chẳng khác nào "lấy vãi thừa, che mắt thánh." Nội trong lớp chỉ có tôi và vài ba tên bạn gái khác vì tánh nhát gan, vì sợ nạn "tai vách mạch rừng" sẽ có ngày bị ông bố để nóng tánh cho ăn no đòn, do đó dầu bị càm dỗ dầu thấy... tiếc rẻ vẫn không dám a dua nhập cuộc toàn bộ. Nghĩa là tôi cũng ghi nhớ ngày giờ và thứ tự phần bài mình phải trả rồi chỉ học riêng phần đó, học đủ năm câu cho ngày đó. Ngoài ra, mặc kệ.

Hỗn hào, xác xược và láu cá như vậy, chúng tôi ngoan cố tự lừa dối mình bằng lối lý luận ba phải sau đây: Ôi! Thầy có để ý gì đâu! Sự thật, nào ngờ! Có một lần và chỉ một lần thôi... Không hiểu đêm trước bạn bịu chuyện gì đến nỗi tôi không có thì giờ học bài. Xui là sáng hôm sau lại rơi đúng ngày tôi phải trả bài vạ vật. Đâu còn biết xoay xở cách nào khác ngoài cách áp dụng đúng nguyên bản chiến thuật đang thịnh hành trong lớp: học một câu, đọc một câu, rồi... Là lũng thay! Ngay lúc tôi vừa cố tình hạ giọng xuống cũng là lúc thầy Biển rời mắt khỏi tập thơ, quay lại, nhìn tôi. Thầy nhìn bộ y phục tôi đang mặc trong người, nhìn hai gò má tôi đỏ hực lên vì mắc cỡ, nhìn điệu bộ cuống quýt và ánh mắt cố tình tránh né của tên thủ phạm trước giờ đến tội. Về mặt đảm chiêu, vắng trán cau lại, thầy cất ngang bằng cách nói nhỏ:

- Thôi, về chỗ ngồi! Bày điểm trên mười!

Bày điểm thay vì năm điểm! Con số thiên vị! Vì đó là lần đầu tiên tôi phạm tội, vì tôi không thuộc con số đông trong lớp hay vì ngàn năm một thuở tôi mới bị du vô cái thể "chẳng đáng dừng" như tiếng đồn xấu mà dư luận đã gán ghép cho thầy? Dầu gì, tôi vẫn cảm thấy hối hận và xấu hổ vì, hơn ai hết tôi thừa biết rằng tôi đã cố tình tạo dịp tốt để thầy nhìn thấy tận tim đen tim đỏ của mình: Quí báu gì, cũng cá mè một lứa!

Học hành kiểu tắc trách như vậy, đến kỳ thi lục cá nguyệt chúng tôi biết đào đâu cho ra đủ số chữ để còn hồng trám đầy tờ giấy? Nhưng, ở đời hể cứ "giang sơn nào thì anh hùng đó." Đến giờ thi, sau khi lấy phần viết đề bài lên bằng đen, thầy ngồi xuống ung dung giờ vở ra (quyển sách thường ngày thầy vẫn cầm trên tay đến ngày thi được thay thế bằng một quyển vở kiểu vở học trò, vừa cao vừa rộng). Một bên tờ giấy thi, một bên quyển sách vạ vật mở rộng toang hoang, lũ học trò háng hái bắt tay vào việc tra cứu. Lật sách tìm tòi, sao chép lia lịa, can-kê hình vẽ từ quyển sách qua tờ giấy thi. Là rồi! Dễ dàng, mau lẹ, thuận thực như đang múa may ở chỗ không người. Vui nhộn và tự nhiên đến độ vừa "làm bài thi" chúng tôi vừa đùa giỡn, giành giật viết chì màu, thước kẻ của nhau. Trên bàn giáo sư, thầy ngồi trầm ngâm như bận tìm ý tứ để bình giảng một bài thơ của Lý Bạch hay Đào Tiềm. Thỉnh thoảng, độ nửa giờ một lần để nhắc nhở sự hiện diện của mình, thầy cất tiếng nói:

- Ê, cái thằng hàm ếch (trò Tấn, có cái cằm nhô ra phía trước như cái lưỡi câu) ngồi góc trái, mi đâu cần phải can-kê nhiều hình vẽ như vậy? Tao khuyên mi cứ việc ghi vô tờ giấy thi câu này: xem sách trang..., hình vẽ số...

Đúng nửa giờ sau, tiếng thầy cất lên lần thứ hai:

- Ê, cái con vàng trắng méo (trò Thu, có khuôn mặt hơi lõm vào phía má trái) mi sao chép đủ ba trang rồi, đâu cần phải xin thêm giấy trắng nữa?

Lạ đời chưa! Quyển vở rộng khổ vẫn giữ yên thế dựng đứng gần như che khuất khuôn mặt của thầy, vậy thầy theo dõi chúng tôi bằng cách nào? Có một lần, sau khi vào lớp đặt chồng sách lên bàn giáo sư xong xuôi thầy quày quả trở ra, lợi dụng thời cơ anh trưởng lớp chạy bay lên lục lọi. Chỉ sau vài phút anh ta tìm ra tang vật: ở phía trên quyển vở rộng bản có khoét hai cái lỗ tròn tròn, đó chính là chỗ để đôi mắt thầy Biển nhìn xuyên qua hồng theo dõi hành tung của cả lớp.

Xong cấp trung học, tôi rời tỉnh lỵ. Sau 75 từ một thành phố khác, tôi di tản ra xứ người. Khung trời xưa, ngôi trường cũ, những khuôn mặt thầy cô bạn bè ngày đó dần dần mờ nhạt theo năm tháng. Cho đến một lần cách đây khá lâu, tôi trở lại quê nhà. Trong câu chuyện hàn huyên tôi được biết tin thầy Ứng Biển đã mất. Được tôi hỏi lý do, người kể chuyện thuật rằng:

"Trong những ngày sôi động cuối tháng 4 năm 75, thầy Biển cùng toàn bộ gia đình chạy vô Sài Gòn. Nhờ có người con trai lớn hiện cư ngụ tại Ba Lê, gia đình thầy được di tản qua Pháp. Tại phi trường Tân Sơn Nhất, trong lúc mọi người xô đẩy chen lấn nhau để lo trình giấy tờ ra sân bay thì thầy cũng chen lấn, nhưng để tìm đường đi vòng trở lại. Thoát qua cửa phi trường, với bịch hành lý nhẹ tênh trong tay thầy ra đường cái đón xe từng chặng từng chặng quay về với thành phố ven biển đó. Đạo ấy, mối quan hệ bang giao với thế giới bên ngoài chưa thiết lập bình thường, không ai biết thầy sinh sống bằng cách nào. Điều người ta có thể nhìn thấy được là cứ mỗi buổi chiều về thầy lại ra đường, mặt mày tươi tỉnh, hai tay chấp sau mông, thả bộ vòng vòng đi thăm viếng bạn bè thăm viếng bà con xóm giềng thăm viếng kẻ ở lâu năm

thăm cả người mới dọn tới.

Một ngày chớm đông, vì không thấy bóng thầy xuất hiện từ mấy hôm trước, lối xóm rủ nhau chạy qua nhà thầy đốt cửa. Không nghe tiếng trả lời, họ báo động phường khóm. Khi cánh cửa lớn mở ra, người ta nhìn thấy thầy nằm bất động trên chiếc đi-văng đặt ngay giữa nhà. Thầy nằm như ngủ, dáng điệu bình thản như khi sống: đầu đội khăn đóng, mình mặc áo the, hai tay chắp lên bụng, quyển thơ Đường rách bươm mở rộng đặt trùm khuôn mặt đã đổi màu.

Tôi lắng nghe, lặng người. Vừa đề mê sung sướng vừa ngậm ngùi ân hận. Giữa đa đoan của cuộc sống này, tôi đã có nhiều cơ may hơn chán vạn người khác: chẳng hạn được gặp gỡ thầy Ứng Biền. Dưới cái bề mặt cười đùa cợt nhả, thầy là lòng sông sâu là đáy biển lớn là khu rừng hoang có chứa nhiều kỳ hoa dị thảo chưa một lần được khai phá. Thầy đã tự nguyện từ chối lần di tản qua Pháp năm 75. Vồn vện một khoảng cách sân bay, vồn vện mấy bậc cầu thang ngăn ngừi với không tới mười giờ lướt gió tung mây: là đoàn tụ cả đời là thừa mứa vật chất là vẫn minh tột đỉnh là an toàn mãi mãi về sau. Một giấc mơ ngàn đời của mọi người dân các xứ nhược tiểu, ngay cả thời bình. Huống nữa... Giữa cuộc tháo chạy hỗn loạn người người lao tới trước, giành giật giày xéo lên nhau để tìm con đường sống; chỉ riêng thầy, một mình lùi thủi quay lui để tìm con đường... chết. Chết với quê hương, chết với bạn bè, chết với người quen kẻ lạ, chết với nỗi khốn khó tận cùng, chết với sự nghèo đói triền miên, chết với hàng phi lao lộng gió và chết với tiếng sóng biển rì rầm năm qua tháng lại.

Chung cuộc, thầy đã bỏ đi rồi. Trên cái thành phố ngày xưa đó, riêng tôi còn ở lại. Với hình ảnh khoảng sân trường rộn ràng tiếng guốc tiếng giày, với hình ảnh vô số khuôn mặt bạn bè những ngày vui thuở nhỏ và hình ảnh của thầy vằng trán cau lại cái nhìn đăm đăm... Bỗng nhiên, tôi bật khóc. Vẫn biết rằng sống là mất: mất tháng năm, mất tuổi trẻ, mất nỗi tin yêu, mất niềm vui sống, mất luôn bến bờ hạnh phúc gởi gắm thuở đầu đời. Mất dần. Mất hết. Mất sạch bong. Mất ráo trọi. Nhưng, suy cho cùng, trong tất cả những mất mát muôn đời và thường tình đó tôi chỉ là một nạn nhân đứng bên lề như ức triệu người khác hay chính là một trong những hung thủ có bằng chứng không tài nào chối cãi được? Vì, đã từ mấy chục năm trôi qua rồi, với cuộc đời nói chung và với những ân tình cũ càng nói riêng, hình như sự đóng góp đích thực của tôi chỉ có thể thu tóm nội trong ba từ: ơ hờ, dửng dưng và hoàn toàn nguội lạnh.

Vậy, rốt cuộc lại tôi là gì, là ai, là kẻ được giao phó đóng vai trò nào trong cuộc thế này?

"Cho tôi được hồi sinh như ve sầu lột vỏ

Tuổi đôi mươi đếm lá rụng sân trường."

Québec, tháng 2.2006

CÂY ĐA BÊN CŨ CÒN LƯA

Ngồi xuống ghế lục lọi xấp thư vừa lấy ở ngoài thùng vô sức nhìn thấy lá thư của mẹ, Tấn xé toạc ra cúi xuống đọc ngấu nghiến.

H., ngày...

Tấn, Hồng và cháu Cà-Na,

Sáng nay mẹ vừa nhận được thư Tấn. Mẹ rất mừng khi nghe tin gia đình con bình an, mạnh khỏe. Cảm ơn Tấn vẫn thường xuyên quan tâm đến mẹ.

Thấm thoát mẹ trở về đây tròn ba tháng rồi. Trở về đây có nghĩa là lìa xa bên đó, lìa xa tổ ấm gồm ba người thân yêu ruột thịt còn lại độc nhất của mẹ trên cõi đời này. Ở đời, hễ được cái này thì mất cái khác. Được trở về, mẹ được dịp sống lại, gặp lại thăm viếng lại cảnh cũ người xưa. Cũng là dịp để mẹ tìm hiểu mình, tìm hiểu

người, và tìm hiểu luôn môi trường sinh sống chung quanh nữa. Sở dĩ mẹ phải cất công tìm hiểu và đặc biệt lần này mẹ tìm hiểu một cách tỉ mỉ vì...

Từ 15 năm trước, kể từ thuở mới cất bước ra đi đoàn tụ với con, trong đầu mẹ đã có manh nha sẵn ý định này: có một ngày mẹ sẽ trở về sống và chết trên quê hương này.

Dẫu vì bất cứ lý do nào con không đặt câu hỏi tại sao, thì tự mẹ, mẹ thấy có bốn phận phải trả lời cho con rõ. Vì đây là nơi chốn chôn nhau cắt rốn của mẹ. Quê hương là cái kén bao bọc con nhộng con. Quê hương là cái nôi có lout, có chèn đủ gối mềm chăn ấm của đứa bé thơ vừa lọt lòng mẹ đẻ. Mẹ vừa sức nhớ lại một câu nói để đời của ai đó: “Người già và em bé giống hệt nhau vì đều yếu đuối, mong manh, bất lực và đều cần phải nương tựa vào người khác.” Muốn nương tựa thì phải bỏ công ra tìm hiểu chỗ mình sẽ nương tựa và tìm hiểu luôn người mình cần nương tựa nữa. Mẹ khác người khác ở chỗ mẹ đã bỏ đi, đã sinh sống ở nước ngoài một khoảng thời gian khá dài. Sự chịu đựng và cả tâm lý của mẹ nữa, biết đâu đã không đổi khác ít nhiều? Cũng trong thời gian mẹ vắng mặt, đất nước này đã xoay chiều đổi gió biết bao nhiêu bận. Và khi mẹ trở về, và những người còn ở lại tâm trạng ra sao trước những biến đổi tang thương liên tiếp xảy ra quanh mình? Trở về có nghĩa là mẹ đã đem theo sẵn trong đầu hình ảnh của một cuộc sống khác, trên một xứ sở khác. Xứ người giàu có, văn minh, phương tiện đầy đủ; còn xứ mình thì cuộc sống vẫn nghèo nàn và thiếu hụt như tự... trăm năm

trước.

Có so sánh thì phải có cân nhắc. Khi chưa thực sự trở về, khi mới được nghe chuyện do người khác kể lại hoặc đọc tin tức qua báo chí, thật tình mẹ có ngập ngừng. Nhưng khi về thật, sống thật chỉ cần một thời gian bờ ngõ ban đầu, thời gian dần thân đúng nghĩa, lần hồi mẹ chợt hiểu ra: tất cả rồi sẽ quen đi vì con người vốn có khả năng thích nghi và chịu đựng. Nhờ vậy họ sống còn và cũng nhờ vậy loài người tồn tại mãi mãi trên quả đất này. Họ, những người ở lại may mắn hơn mẹ vì được sinh ra, lớn lên và sẽ chết đi trên chính quê hương của họ. Vẫn biết rằng, rất có thể họ chưa bao giờ có dịp nhìn ngắm và chưa từng sống thử nơi một xứ sở khác. Nhưng cũng chính vì suốt đời định cư một chỗ, một lúc nào đó họ không thấy cần phải đặt nặng vấn đề so sánh hoặc tiếc nuối. Nhất là vì họ không bao giờ bị thứ tình cảm gọi là nhớ nước thương nơi, buồn thân tủi phận gặm nhấm đêm ngày như vẫn thường xuyên hiện diện trong lòng những kẻ bỏ nước ra đi. Đã vậy, nếu không may phải ra đi khi tuổi đời không còn nhỏ dại nữa, thì bóng ma của dĩ vãng sẽ đeo đẳng suốt đời.

Tấn à, trong lá thư mẹ mới nhận được sáng nay, con có viết câu này: “Mẹ làm gì cho hết khoảng thời gian trong ngày?”

Đây, mẹ trả lời: thôi thì, đủ thứ chuyện hà rầm. Chẳng hạn hôm nay mới sáng bảnh mắt chưa chi chú Út đã khệ nệ chống gậy tới nhà thăm. Là ông chú họ, tuy đóng vai chú nhưng chú Út với mẹ lại sà sà tuổi nhau. Nhờ có trí nhớ tốt, những câu chuyện ngày xưa chú còn

thuộc nằm lòng: “Má thằng Tấn còn nhớ không; hồi đó cả bọn tụi mình, con Hường cao cẳng, con Thu tóc dài, thằng Đổ lấu cá...”. Con con, thằng thằng, bọn mình, tụi nó, người kể chuyện đầu bạc trắng phau phau, kẻ ngồi lắng tai nghe đã có hơn 60 mùa xuân chảy dài trên mái tóc. Rồi những trái me non đẹp lép thì thà thì thụt chấm muối ớt cay xé họng, những quả bàng khô bị hòn đá nắm chặt trong tay đập rôm rốp ngay trên lề đường, những chùm ổi sê thơm nức mũi, con đường đi học lỗ chỗ ổ gà. Ôi! Một thời tuổi trẻ vô tội, một thuở học trò tóc xanh mướt mướt. Mộng ước ngập lòng.

Ông thầy Trung dạy toán có thời gian là sĩ quan của chế độ cũ bị gọi đi cải tạo, chết rũ trong tù. Cô giáo Quỳ theo con gái vượt biên, bỏ thầy ngoài biển cả. Bà Tư bán quán lúc lìa đời không có lấy một miếng vải che mặt... Cứ một điệu khề khà, chú Út ở lại nói chuyện suốt buổi sáng. Còn mẹ, cứ hết khóc lại cười. Nhưng, dầu cười dầu khóc, kẻ nói người nghe vẫn không quên nhẩn nha uống cạn mấy ấm nước chè vối và cũng không quên nhấm nháp sạch bách nguyên một đĩa cốm nếp trộn đường thẻ pha gừng. Quả người xưa nhận nét đúng thật: “Người già thích sống với dĩ vãng”. Vì, xét cho cùng, rốt cuộc lại, với họ, chỉ có dĩ vãng là cái vốn liếng dần lừng nguyên vẹn và trung thành nhất mà trời đã ban bố cho và không bao giờ nỡ lòng tước đoạt lại.

Chú Út vừa từ già ra về không lâu thì đến lượt dì Ba hàng xóm lễ mễ bưng qua biếu mẹ tô canh môn nấu cá tràu, thơm nức mùi lá song, lá lốt. Chiều qua, cu Tuấn (con bác V.H.) lon ton đạp xe đến hí ha hí hửng đèo theo

một nải chuối tiêu chín bói vừa hạ xuống sau vườn.

Còn những lúc không có ai tới nhà thăm viếng hoặc không có ai mời mọc đi đâu, thì mẹ một mình thơ thẩn ngoài vườn. Hướng ra phía trước, mẹ ngắm soi gốc ngâu già cỗi. Hướng về phía sau, mẹ đứng tần ngần cả buổi nhìn cây trầu không lá héo rơi lá tả khắp vườn. Mẹ bước rời tép sả, mẹ vò nát cọng lá chanh. Mùi lá sả hăng hăng, mùi lá chanh cay nồng quen thuộc nhẹ nhẹ đưa hồn mẹ trôi về thăm viếng lại một khung trời đầm ấm xa xưa. Một quãng đời thắm tươi trong sáng giờ này không còn nữa, trong đó sự hiện diện của toàn bộ khuôn mặt người thân chưa hề sút mẻ lấy một người nào. Hình ảnh ông ngoại, sáng sáng có lệ ngồi lâu hàng giờ bên tách trà nóng hổi nổi lều bều mấy cánh hoa ngâu toả mùi thơm dịu dịu. Hình ảnh bà ngoại, cái búi tóc lủng lẳng sau đầu mãi mê lo việc bữa trái cau, ngoáy bình vôi, tằm miếng trầu.

Những lúc chiều về rảnh rỗi, mẹ thông dong thả bộ ra đường cái. Lần mò, mẹ đếm bước trên con đường ngày xưa mẹ từng cắp sách đến trường. Mái trường xưa nay đã trở nên xập xệ điêu tàn. Bạn bè cũ giờ này kẻ chết người phiêu bạt, có đứa sống lây lất kiểu qua ngày đoạn tháng. Đôi khi nhìn thấy trời còn sớm, sẵn đà mẹ đi thẳng ra bờ sông, thơ thẩn đứng nhìn theo bóng dáng những con đò đang rẽ sóng lướt đi. Để bồi hồi nhớ lại rằng cũng tại bến đò này một ngày nào mẹ gặp gỡ cha con. Tất cả đã trở thành dĩ vãng mù khơi, đã tưởng như lùi xa hoặc biến mất hẳn, nhưng trong cõi tâm linh sâu kín nhất của mẹ, đoạn phim câm nín và cũ rích đó vừa

được bàn tay ai soi chiếu lại từ đoạn mở đầu: Từ đầu, nguyên vẹn và mẹ nhìn thấy bóng dáng của mẹ, vành nón lá nghiêng nghiêng, mái tóc thề lấp lửng bờ vai nhỏ, ánh mắt trong veo hướng thẳng về một ngày mai rạng rỡ.

Tấn, con thấy rõ chưa? Chính nơi đây, trên mảnh đất nghèo đói này, mẹ mới chợt thấy mình vừa sống lại với tất cả: cái mất lẫn cái còn, cái xưa lẫn cái nay, cái vui lẫn cái buồn. Còn những câu chuyện tào lao của thuở mới vào đời, còn dì Tư lối xóm, còn con đường đi học, còn bờ sông ngày đó, còn tiếng dế gáy trong bụi, còn lò lửa than sáng rực nơi góc bếp, còn mùi lá ngải cứu sắc trong siêu đất toả ngào ngạt mùi hương quê mùa thôn dã ra khắp xóm khắp làng.

Tấn à, mẹ viết dài dòng, mẹ kể lể vòng vo tam quốc chỉ cốt đi đến kết luận này: sau khi tìm hiểu và suy nghĩ, mẹ quyết định ở lại luôn bên này. Đọc đến đây có lẽ con đang tự hỏi: “Biết vậy, tại sao hồi đó mẹ chịu đi?” Để con khỏi mất công viết thư đi thư lại, luôn tiện mẹ trả lời: Mẹ đi vì mẹ là một người đàn bà Á đông, vì mẹ goá bụa, vì con là con mota, vì mẹ có bốn phận phải tuân giữ đạo lý của ông bà “phu tử tòng tử”. Con lên rừng thì mẹ lên rừng, con xuống biển thì mẹ xuống biển. Huống nữa... Bằng chứng rành rành là hồi đó lúc vừa nhận đủ số giấy tờ do con gửi về, mẹ đã học tốc chạy ngược chạy xuôi, đút cửa này, lo cửa khác chỉ cốt sao hoàn tất tốt đẹp vụ ra đi. Và mẹ đã khăn gói ra đi không cần biết nơi mẹ sẽ đến là đâu, cũng không cần biết những vui buồn bất trắc sẵn sàng chờ đợi mẹ trên bước

đường lưu lạc. Đi là đi, là nhắm mắt, nhắm mũi ra đi, vì tình mẹ vì nghĩa con. Ở đời, nói thì dễ còn làm thì khó, khó vô cùng vô tận khó đến tróc vỏ lõi vi ra ngoài. Hồi đó lúc đã yên vị trong lòng chiếc máy bay, chưa chi mẹ đã cảm thấy bối rối, lòng dạ mẹ quay quắt đầu óc mẹ điên cuồng tưởng như mình vừa vô ý bỏ quên ở dưới đất một gói hành trang vô cùng quý giá: một vật bất li thân. Mẹ đơn chiếc cô quả làm sao có báu vật để bỏ quên? Cái mẹ bỏ quên bên dưới, cái mẹ bỏ lại bên kia bến bờ chính là thôn xóm mẹ vừa rời xa là bóng dáng người thân còn ở lại là rặng núi nhấp nhô tận cuối chân trời lúc chiều về đêm xuống. Làm cách nào mẹ đủ sức đem đi và đem đi cho hết, hở con!

Dẫu muốn hay không muốn thì mẹ cũng đã nấn ná ở lại xứ người trên 15 năm trời ròng rã. Mẹ đợi con có vợ, mẹ chờ con có con. Giờ này, con gia đạo đề huề, nghề nghiệp vững chắc. Mẹ thì mỗi ngày một già. Sự có mặt của mẹ đâu còn cần thiết cho con nữa? Cắm hộ nồi cơm, trông giùm đứa cháu, kết lại hột nút...; thử hỏi ai làm không được? Nơi con hiện ở bốn bề cửa đóng then cài, ngoài trời tuyết giá ngập lụt suốt mùa đông, ngày qua ngày lại, mẹ ra vô như cái bóng vất vưởng, đầu óc đặc sệt hình ảnh những cái dái mít non chát mẹ từng nhai rau rầu thời còn cắt tóc “bum-bê” hay hình ảnh của vầng trăng vằng vặc chiếu sáng trưng trên bầu trời quang đãng của nước non mình. Đâu ai bắt mẹ phải chịu đựng, phải cam nín? Mẹ cũng đâu phải là kẻ hoàn toàn bị cướp mất quê hương? Mẹ trở về giờ này may ra còn kịp thời sống lại, hâm nóng lại, níu kéo lại toàn bộ

những gì hiện còn đang ở vào giai đoạn hấp hối cuối cùng. Và, có một ngày không xa mẹ nằm xuống với ông bà, thì ít ra mẹ còn có quyền tự an ủi mình rằng: từ cát bụi mẹ đi ra, thì giờ này mẹ phải trở về với cát bụi, nhưng nhất định mẹ không về với hai bàn tay trống hơ trống hoác.

Lá thư còn dang dở. Dường như có một nỗi buồn sâu kín nào đó vừa từ đâu kéo đến làm Tấn bồn thần cả người. “Mẹ đi luôn rồi”, Tấn lẩm bẩm không dừng miệng. Ý nghĩ này không phải hôm nay mới đến vì sự thật, từ lâu lắm rồi Tấn vẫn tiên đoán và vẫn hồi hộp lo sợ rằng sẽ có một ngày mẹ xa mình.

Cha Tấn mất sớm, hai mẹ con hôm sớm hủ hỉ bên nhau. Mẹ bỏ quên tuổi trẻ, hy sinh trọn thời xuân sắc, tần tảo sớm hôm chí thú nuôi Tấn ăn học nên người. Tấn nhận được học bổng ra du học xứ người năm vừa 18 tuổi, mẹ ở lại thui thủi một mình ngóng đợi tin con. Khi việc học hành chấm dứt, việc đầu tiên Tấn làm là lo hoàn tất hồ sơ bảo lãnh mẹ qua đoàn tụ. Có thêm 15 năm mẹ sống tại xứ người, tổng cộng trước sau Tấn được kề cận bên mẹ trên 30 năm trời trường. Thời gian đó tạm đủ cho Tấn tìm hiểu mẹ mình: hiểu tánh khí và tâm tình của mẹ. Mẹ chính là vùng biển động lặng sâu, chôn kín những nỗi niềm, chỉ riêng mẹ cấm cúi theo đuổi và nhất định tôn thờ suốt cả một đời người. Trong vùng biển sâu kín của riêng mẹ, Tấn chỉ thực sự có mặt trong một khoảng thời gian có giới hạn. Thời gian đó, mẹ đã ra chỉ thị đàng hoàng và đã ấn định biên giới một cách rành mạch rồi. Cho nên, dầu thực tâm không bao giờ muốn

nhìn thấy cảnh mẹ con sống xa nhau, nhất là ở vào giai đoạn cuối đời của mẹ, nhưng Tấn chưa xót vì biết mình bất lực. Tấn biết rõ là dầu có ra công ra sức phản đối cách nào đi nữa, cuối cùng Tấn cũng phải chấp nhận sự việc như nó đã xảy ra rồi.

Biết làm sao bây giờ! Một khi giờ này mẹ đã thật sự hoá thân thành con cá nhỏ, được ông câu động lòng thương đem thả lại giữa dòng sông cũ. Hoặc, hơn vậy nữa, mẹ đã là chiếc thuyền nan bồng bênh sông nước năm này tháng nọ, có một ngày đẹp trời được quay lái trở về với bờ bến năm xưa.

“Mình chỉ có một mẹ một con!” Tấn lắc đầu ngao ngán, xòe rộng năm ngón tay ra cho lá thư mỏng manh rơi tọt xuống bàn.

GIÓ ĐƯA CÂY CẢI VỀ TRỜI

Cánh cửa cầu thang máy mở ra không gây một tiếng động nào. Từ ba phía một làn không khí lạnh lẽo u tịch đổ xô vào, Hạ đưa tay lên gài kỹ chiếc áo khoác ngoài bộ đồng phục trước khi bước hẳn ra.

Trước mặt nàng hiện ra gian phòng khách rộng, càng có vẻ rộng lớn hơn dưới ánh đèn đêm nhạt thếch. Trên chiếc ghế bành kê gần cửa chính người gác đàn da đen đang ngồi ngủ gật, một tay để ngửa trên đùi, tay kia úp sấp nắm mở nửa vờn dây đèn bấm vẫn chực chờ rơi xuống bất cứ lúc nào. Nơi hai dãy tường dùng làm văn phòng, những chốt đồng gắn trên mấy cánh cửa gỗ đóng im ỉm bóng lộn như vừa được thoa mỡ. Đưa mắt nhìn suốt mặt thảm phẳng lì, Hạ tò mò muốn tìm coi có tờ báo hay miếng giấy gói kẹo gói bánh, bỏ vung vãi đâu

đó hay không. Hoài công, từ trong ra ngoài từ phải sang trái trống trơn sạch bóng. Nhớ sức lại ngày nằng đến phỏng vấn, bà giám đốc có khoe: “Viện dưỡng lão này từng đoạt giải nhất về...”. Thảo nào! Hạ nhún vai, rón rén đi về phía phòng ăn. Nghe tiếng chân đi, người gác đàn hé mắt ra nhìn, vẻ lơ dờ trong đôi mắt trắng đã chưa kịp tan hết, thì hai mí mắt dày mu đã nhắm kín lại. Hạ nhón gót đi thẳng.

Không giống phòng khách, nơi phòng ăn đèn đuốc thấp sáng choang dầu không có một bóng người. Hạ ngập ngừng đứng lại quan sát. Ánh đèn nhể nhại trải dài lên từng dãy bàn đã phủ khăn ăn. Màu đèn, nối tiếp màu tường, nối tiếp màu khăn trải bàn không hiểu tại sao lại gây cho Hạ cái cảm giác là lạ: sự xuất hiện của nàng không khác gì sự xuất hiện của một chiếc lá khô vừa bắt đầu rơi xuống trên một vũng nước quanh năm đọng ứ. Từ ý nghĩ đó, Hạ đâm ra e dè. Nàng khẽ khàng lật tay áo xem đồng hồ: cây kim ngắn chưa buồn nhích khỏi con số một. Còn dư cả giờ, Hạ tính nhắm, vừa lê bước đến bên chiếc bàn đặt kê cửa sổ, kéo ghế ngồi xuống. Nhìn qua nhìn về, nhìn lên, nhìn xuống đã đời, cuối cùng Hạ tần ngần nhìn ra ngoài trời.

Ánh đèn phòng chỉ có thể giúp Hạ phân biệt một vùng sáng giới hạn trong khu vườn rộng mênh mông. Vườn tược gì, trời đất gì, trên cao dưới thấp, nơi gần chỗ xa, rặt một màu trắng toát. Dưới cái lạnh của trời đêm, mặt tuyết se cứng lại, trong suốt giống hệt những tấm kính lồi lõm đặt kề cận bên nhau. Ở khoảng sân trước năm mươi chiếc xe của nhân viên trực đêm đậu rải rác

mỗi nơi mỗi chiếc, những cái khung xe khum khum bị tuyết phủ kín mít trông xa tựa những nấm mồ mới lấp sơ sài bằng loại cát xốp. Tận nơi xa tít lờ mờ bóng dáng những hàng cây, thân cành bao bọc dưới mấy lớp nước đá. Cứ mỗi lần có cơn gió thổi qua, cành lớn cành nhỏ rung rinh lia lịa. Nhìn hoài lóa mắt, Hạ không còn thấy đó là những thân cây nữa mà đích thị là những bóng người đứng chờn vờn giữa trời đang nhất loạt dang tay dang chân ra sức bảo vệ toàn thể khu vực này. Một khu vực hiện chứa chấp những hình hài xác hồn nhập nhòa giữa lẫn ranh của cõi sống đã tàn với lẫn ranh của một cõi khác vẫn còn nhiều hứa hẹn.

Bên ngoài cánh cửa sổ đối diện phía trong là chỗ đặt máy sưởi điện, nước lạnh chảy rờn rờn, càng xuống phía dưới độ nước chảy càng nhanh vẽ rõ thành dòng ngay hàng thẳng lối; bù lại càng lên phía trên nước đóng thành cục thành tảng. Hạ nhìn, trố đôi mắt khô khốc vì thiếu ngủ ra nhìn không chớp cho đến khi những dòng nước những lớp băng bám trên mặt kính từ từ chuyển động biến hoá thành một cái đầu tóc bạc dốc ngược. Những sợi tóc trắng như cước buông lơ lửng rủ. Gió thổi qua tuyết tấp vào, dòng tóc rẽ đôi để lộ một đôi mắt nhiều đôi mắt chỉ có độc trùng trắng, thêm một cái miệng thêm nhiều cái miệng với hàng lợi tím ngắt đưa hết ra ngoài. Một vài tiếng động khô khan vang lên đầu đó (có lẽ là tiếng tuyết nứt) nhưng giữa trạng thái bất ổn Hạ cứ chắc mẫm đó chính là tiếng gầm gừ thoát thai từ những cái miệng vêu vao ngoài khung cửa. Thì ai không biết đây là bãi chiến trường không tiếng súng, nhưng

vẫn là bãi chiến trường trong đó đêm như ngày, liên tục diễn ra sự giành giật quyết liệt giữa phe bên này - có Hạ nữa - với sự kêu réo bền bỉ của lũ quỷ sứ đại diện phe bên kia. Còn bức màn đục lỗ nhấp nhô bay lượn phía sau là rừng áo thụng, mũ mấn, khăn tang rộn ràng trước giờ động quan. Có chạy đằng trời! Sớm muộn gì! Hạ bĩu môi nói cứng, tuy cần cổ nàng vẫn co rút lại cùng một lần với những sợi tóc mọc sau gáy cơ hồ dựng hết lên.

Tội lệ gì! Hạ lắc đầu hậm hực quay lưng lại. Phen này phải đổi hướng nhìn, Hạ cố tình gắn chặt cặp mắt mình lên những dãy bàn đã sắp sẵn lọ đường, lọ muối, lọ tiêu, và cái hộp sắt đựng giấy chùi miệng. Lại một điều, dầu nhìn đâu rốt cuộc lại, Hạ vẫn moi móc ra cùng một tính chất: đó là sự tinh khiết vô hồn, cộng với sự lạnh lẽo đến ghê người của biển tuyết bên ngoài. Có tiếng rục rịch, Hạ banh mắt ra sức tìm tòi và quả thật nàng tìm thấy một chiếc dép (chỉ một chiếc độc nhất), loại may bằng thứ vải mềm dùng mang trong phòng ngủ nằm chèo queo ngay trước chỗ đặt máy làm đá cục. Không xa lắm trên mặt thảm đỏ hoét, có một cây gậy với cặp nặng nằm treo mảy lên nhau. Tự đứng, Hạ buột miệng nói một thôi một hồi: Từ đâu rớt ra? Tại sao rớt ra? Từ đôi chân trơ như khúc củi từ mấy ngón tay co giật liên hồi, chiếc xe lăn lăn tới lăn lui, bộ xương người thoi thóp giữa đồng dây nhợ, tiếng chân chạy dồn dập trên mấy tầng lầu, hồi còi xe cứu thương vang lạnh lạnh trong đêm. Đến thật rồi sao, cái giai đoạn sau rốt của một đời người? Chấm dứt rồi sao, những tháng năm xông xáo bon chen kèn cựa? Ô hô! Tay trắng... tung hô.

Chưa gì đã bày đặt “méo mó nghề nghiệp”, béo bở chỗ nào! Hạ rửa thắm rồi nhất quyết tìm mọi cách xua đuổi cho kỳ hết loại ý nghĩ vô bổ đang rấp ranh nhuộm đen đầu óc nàng. Mím chặt khừ đôi môi, Hạ xoè rộng mười ngón tay, che kín mít hai con mắt lại.

*

* *

- Hạ ơi! Nhớ đẩy củi vô.

Tiếng người nói vang lên từ phía nhà bếp. Hạ nghiêng người, cúi đầu nhìn lom lom vào giữa lòng cái lò lửa hừng hực. Từng khúc củi khô to cỡ hai vòng tay được đút vào từ ba phía cùng chụm đầu nhau dưới đáy nồi bánh tét. Lửa vẫn đỏ đều. Ngay đến ống lò làm bằng những viên gạch chồng chất lên nhau cũng đỏ rực lên vì bị sức nóng kề cận thiêu đốt từ giờ này qua giờ khác. Những cái lưới lửa nhọn hoắt, thò lên thụt xuống, đan kín lấy nhau làm thành một vòng tròn tràn lan dưới đáy và bao trùm cả vòng ngoài nồi bánh. Than đỏ ngùn dần thành đồng lớn tràn trề ra phía ngoài. Những cục than vuông vắn đẹp rực rỡ lâu lâu bị Hạ dùng đôi đũa bếp gấp lên thả vào chậu nước lạnh phát tiếng kêu xèo xèo. Để dành đốt trầm và nướng bánh thuẫn, Hạ căn dặn mình. Sức nóng từ lò lửa tỏa ra thổi tạt đi xa bầu không khí lạnh lẽo của một đêm cuối năm. Thả đôi đũa bếp xuống làn tro nóng, Hạ dùng tay xoa xoa làn da mặt. Ngồi kề cận bên ánh lửa hai gò má Hạ nóng hổi, ngược lại phần phía sau lưng lâu lâu tà áo bà ba bị nhấc bổng lên lấy chỗ cho gió mát êm ả luồn vào. Lửa nóng sưởi ấm ở phía trước, gió mát mơn man phía sau.

...

Hạ ngẫm nghĩ, bỗng so sánh thân thể nàng với tấm bình phong được dựng lên không cốt che chắn cho ai mà chỉ cốt thụ hưởng cho riêng mình tất cả tinh hoa của cuộc đời. Tất cả, tất cả... Và Hạ khoan khoái nheo mắt nhìn trời.

Trên nền trời bát ngát, sao đêm đã mọc. Rải rác khắp nơi những vì sao sắc lẹm chớp tắt không ngừng. Những ánh sao xa xôi vời vợi đủ sức tô vẽ nền trời thành một bức tranh lộng lẫy, sinh động, bát ngát vượt quá xa sự cấu tạo có tầm vóc giới hạn của con người. Từ dưới những tàn cây từng đàn dôm đóm lũ lượt bay ra. Tiếng gió vang vọng từ những cánh đồng xa, tiếng ếch nhái côn trùng khi đồng loạt cất lên khi hè nhau dừng lại, âm điệu lúc có lúc không, khi trầm khi bổng du dương triền miên. Trong cơn khoái cảm Hạ đoán chắc đó chính là khúc nhạc muôn đời thoát thai từ giữa lòng đất ấm. Ngay bên lối xóm có tiếng mẹ hát ru con. Tiếng cành cây lay động, tiếng tàu lá chuối chạm nhau ào ào, tiếng bầy cá đớp mồi làm xao động mặt nước ao, tiếng con Vện sữa vô cố, tiếng củi nổ lách tách trong lò. Mọi thứ âm thanh nhỏ to xa gần hợp lại đồng nói lên sự hòa điệu nhịp nhàng sự thiết tha gần gũi giữa trời đất, cỏ cây, thú vật với con người.

Gió vẫn thổi. Trong hương gió, thoang thoảng mùi thơm của hoa mới nở, mùi khen khét của những hạt lúa (hay hạt nếp) còn sót lại trong rơm bị nổ bung ra giữa lò lửa nóng, mùi đậm đà của những thứ trái cây mới bắt đầu chín tới, mùi hăng hăng tạo nên do sự “góp sức” của bụi sả già với đám rau tần dày lá và kế cận bên Hạ là

mùi lá chuối hột luộc chín, mùi nếp mới bị hầm rục rã, mùi đậu xanh hành mỡ trộn chung với tiêu sọ. Mùi này quện mùi khác, chất nọ trộn chất kia, năm qua năm, lâu dần Hạ có thói quen coi đó là một trong những sự hiện diện tất nhiên, vừa êm đềm vừa cần thiết để tạo nên cuộc sống quanh nàng.

Nhìn vào trong nhà mọi người đều an giấc. Qua cánh cửa chính mở toang, ánh đèn dầu đặt giữa bàn thờ hiu hắt như sắp tắt. Trong bình hương còn một cây hương le lói đỏ. Đốm hương lập lờ, bóng đèn dầu leo lét, tấm bài vị phủ mảnh vải điều khẽ rung lên khi có cơn gió thổi vào. Càng nhìn, Hạ càng mơ màng liên tưởng đến sự có mặt của ông thần Tài, của ông thần Đất, của vong linh tổ tiên ông bà vẫn ngày đêm miệt mài ban bố niềm tin cho kẻ sống. Đặt để niềm tin, ban bố niềm tin. Thần thánh, người chết, kẻ sống cùng nhau quây quần dưới một mái nhà.

*

* *

- Ăn hột mít lùi không, Hạ?

Nghe tiếng người hỏi, Hạ giật mình quay lại: bóng bà chị họ tươi cười tiến đến, bên hông chị nách cái rổ tre, tay kia đang đưa cái ấm đất.

- Chị mới ra vườn mò hái mớ lá chè non, nước chè nóng đập thêm gừng sống uống vô tình ngủ liền.

Hạ nghe, quên lửng chuyện trả lời vì mãi mê nhìn khoảng vườn cây lờ mờ xuất hiện phía sau lưng chị. Dưới màu trời ửng ửng sáng cả khu vườn từ từ hiện ra sau một giấc ngủ dài mê mết. Từ giữa bẹ chuối có bóng

dáng vài con chim sẻ bay vút ra. Sương đêm long lanh trên mấy tàu lá chao qua lộn về nhiều bận trước khi rơi tõm xuống đất. Bầy ong làm tổ trên cành khế ngọt tủa ra từng đàn. Từ trong chuồng gà bầy gà mẹ thức dậy há mỏ gáy vang trời. Con Vện thức giấc, đứng dậy đi lần đến bên Hạ, lè dài lưỡi liếm lấy liếm để bàn tay mát lạnh của nàng. Nghiêng nghiêng mái tóc, Hạ neho mắt lại nhìn về phía xa xa. Sao đêm đã lặn hết, đom đóm cũng không còn, nhưng thấp thoáng sau rặng tre xa nàng đã nhìn thấy dạng vầng mặt trời đỏ ửng. Từ đầu làng từ cuối làng từ bốn phía tiếng đọc kinh ê a hòa với tiếng nhịp nhàng của chuông của mõ. Gió xa hun hút thổi về, thổi qua nương, thổi qua rẫy, thổi qua những cánh đồng trống kéo theo mùi hoa rừng, mùi cỏ mục, mùi bùn, mùi đất pha trộn hài hòa với mùi trầm hương mới đốt.

Thêm một ngày nữa lại qua thêm một giờ nữa sắp đến, cho năm cũ trôi đi cho năm mới lộn về. Chậu hoa cúc chậu vạn thọ sắp dọc mái hiên, bình mai vàng đầy nụ đặt kế bàn thờ, mấy chùm nhãn lồng bọc giấy dầu còn lủng lẳng trên cây, buồng chuối cau chín bói dài thông sát đất. Tất cả đợi gì? Nếu không đợi bóng mặt trời lên, đợi dải nắng xuống, đợi gió xuân về. A! Sống là vậy, là chờ đợi là cầu mong: chờ hoa nở, đợi trái chín, chờ mùa tới, đợi năm sau; cầu kẻ khuất mặt, mong Đất mong Trời. Hạ vươn vai, mỉm cười sung sướng.

*

* *

Có tiếng động nào mơ hồ, có mùi hương gì lạ hoắc. Không phải tiếng cái ấm đất vẫn qua vẫn về trong lớp

tro nóng, không phải tiếng trái mít ứt sút cùi rớt xuống cái bịch ở bờ ao, càng không phải mùi mít gừng lờ bị sên già lửa hay mùi giấy vàng mã cúng đưa ông Táo về trời cháy bùng trong gió sớm. Mà là... Mà lại...

- Y tá lầu sáu vừa gọi điện thoại xuống.

Hạ mở bừng hai con mắt. Đầu mất rồi, hồi chuông ngân buổi sáng! Đầu mất rồi, đàn đom đóm trong đêm! Còn tiếng con gà cục tác? Còn mùi đất ẩm vẩn vương? Tại sao ngoài khung cửa chỉ thấy tuyết rơi và ngay bên cạnh Hạ chỉ có bóng người gác đàn da đen đứng xơ rơ.

- Bà ngủ cả giờ.

Ngủ? Há miệng ra, Hạ định bụng lên tiếng cãi lại. Nhưng, biết cãi cách nào đây khi chính Hạ cũng không hiểu rõ là nàng đã ngủ vùi hay vẫn thức trắng trong khoảng thời gian vừa qua? Vả lại, Hạ cay đắng nghĩ tiếp, có quan trọng gì cho cam! Biết đâu chừng có lúc ranh giới giữa mơ với tỉnh, giữa thức với ngủ không nhập nhằng làm một vì đều thoát thai từ nỗi... thiếu thốn và ao ước tận cùng. Thiếu thốn, ao ước tận cùng? Cõi quê hương đó? Chống hai tay xuống bàn, Hạ bàng hoàng đứng dậy.

- Ông biết không, mùa này bên tôi thiên hạ đang tưng bừng chuẩn bị ăn Tết.

Đang nói, Hạ khựng ngang vì kịp nhận ra rằng ông ta đã lảng lạng bỏ đi đầu mất.

VỪA RỤNG CHIỀU NAY

Anh muốn biết vì sao em về?

Đang đếm bước đều đều tôi thoát dừng chân lại, hoang mang đưa mắt về phía người đàn ông từ nãy vẫn lặng lẽ đi bên cạnh mình. À, thì ra mặc kệ thời gian trôi, mặc kệ màu tóc đổi, mặc kệ chỗ đứng hiện tại, phần cốt lõi còn lại trong anh vẫn cứ trơ trơ như tự thuở nào. Anh vẫn giữ bo bo cái thói quen thích đào xới tìm tòi phần phía sau lưng từng câu nói tôi thốt ra, thích bươi móc, thích lục lạo cái ẩn ý ngấm chứa giữa khoảng trống của hai dòng chữ từng lá thư tôi viết gửi về. Thì có khác chi tôi! Mân mê, suy diễn, thêm thắt đã đời rồi ngong ngóng chờ mong; ngay cả khi mỗi đứa một pong trời. Xa cách nhau đến độ: lúc anh lặn lội trên rừng sâu, thì tôi loay hoay ở vùng biển thấp, khi anh mòn mỏi ở cõi trời Đông,

thì tôi phiêu dạt tận góc trời Tây. Xa xôi diệu vợi như vậy, nhưng tôi một mực khao khát sẽ có một ngày được dịp moi móc tận rễ cái điều mà, ngay từ thuở mới nhấp nhóm lê la vào đời, tôi có mơ hồ nghĩ rằng mình đã... biết. Cứ chăm chăm chú chú, cứ luẩn quẩn loanh quanh nội trong chừng đó vấn đề, với chừng đó năm tháng. Không phải vậy sao? Bằng chứng rành rành là rốt cuộc lại, tôi vẫn chịu thua đến nỗi phải vác mặt trở về.

- Thì em đã nói...

- Không thì, mà gì hết! Anh không muốn nghe những gì em nói với người khác.

Lại còn bày đặt làm nư! Tuổi tác, công trạng, phong sương dạn dày, những lúc một mình ở cạnh bên tôi, anh hoàn toàn lột xác để trở thành một con nhộng trụi lủi. Được rồi, đã vậy tội gì tôi không thả luống để có thể ngông nghênh trở lại “làm tôi” của cái thuở lên năm.

- Lúc nào anh cũng tự cho mình có quyền hạch hỏi? Còn em?

Trong chớp mắt vẻ căng thẳng trên khuôn mặt anh biến mất, chỉ còn lại sự chịu đựng và nhường nhịn cố hữu. Thấy không, tôi lại thắng như đã từng thắng một cách hết sức oai hùng trong những lần “đụng trận” trước.

- Em có lạnh không?

Biết anh đang kiểm cách giảng hòa tôi trề môi ra, nhưng vẫn rộng lượng vòng tay qua kéo anh cùng ngồi xuống mặt cát. Trời đã về chiều, ngoài khơi xa, tiếng sóng vỗ ầm ầm. Trên cao, những đám mây dày đặc xếp thành tầng đang sà xuống thấp, xuống thấp mãi. Ngay trên đỉnh đầu tôi, vòm trời như thu nhỏ lại cốt sao có thể

gói ghém nội trong khuôn viên của một bãi cát dài và một bờ nước rộng. Bờ cát phẳng phiu sạch sẽ phủ một màu trắng nhờ nhờ chạy dọc theo ven nước hình vòng cung, phần phía bên kia của vũng sóng nhấp nhô đầu bạc, là một dãy núi mờ bị ngắt quãng ra thành nhiều ngọn: cái thấp, cái cao, cái xa, cái gần. Lô nhô. Ẩn hiện. Lúc như có, lúc lại như không.

- Em còn nhớ tên ngọn núi ở phía trước kia không?

- Ngọn Đồng Bò.

Cái tên gọi mộc mạc thôn dã và không văn chương chút nào hết, không ngờ lại có thể sống mãi và sống mạnh trong cõi tiềm thức xô bồ của tôi. Trước khi ghi nhận hay chối bỏ một hoài niệm nào, tôi đều có đắn đo cân nhắc kỹ càng, dẫu tôi thừa biết rằng: có nhiều khi món báu vật mà tôi đang khư khư lưu giữ, lại không là gì hết trước mắt người ngoại cuộc.

Một làn sóng lớn bất thần xô mạnh vào bờ làm văng nước tới tận chỗ tôi ngồi. Tôi rùng mình, lắc đầu nhớ lại... Đã mấy mươi năm trôi qua rồi! Cũng bờ biển này, cũng bãi cát đó, vẫn ngọn núi kia. Tất cả còn nguyên vẹn; cũng bầu trời cao vợi vợi, cũng bãi cát rộng mênh mông, cũng ngọn núi sừng sững giữa nắng mưa sóng gió. Chỉ có riêng tôi là càng ngày càng co đầu rút cổ trong cái vỏ ốc sần sùi, lăn lóc từ bờ này qua bến khác. May sao tôi còn bươn bả trở về, may sao anh vẫn khắc khoải đứng đợi. Trong bọc hành lý tôi quày quã xách theo cũng như trong đống hành trang tôi cấp nấp mang về, chỉ có hình ảnh thân yêu của bãi biển này với niềm xót xa dành cho ngọn núi kia là đặc biệt đáng kể mà thôi. Vì,

chính nơi đó, từ mấy mươi năm trước, hàng ngày anh vẫn đi tôi trên vai đi ngang đi dọc, đi xuống đi lên. Lần hồi, anh rì rọ dạy cho tôi biết cách phân biệt: đâu là ngọn Hồng Yến, đâu là ngọn Đồng Bò, đâu là cây cầu mang tên Cầu Đá có ngôi lầu của vua Bảo Đại và đâu là Xóm Cồn với cây cầu Hà Ra với con sông Xóm Bống. Chỉ vồn vện có bấy nhiêu thôi, nhiều nhỗi gì cho cam, làm cách nào tôi quên lãng được.

Gió thổi mau hơn, đồng thời tiếng sóng vỗ vào bờ cũng có vẻ hung hãn hơn. Lợi dụng sức gió mạnh, đám bọt nước cuốn theo cát ướt ra sức quật túi bụi lên bờ. Mặt tôi phơi ra rát rạt. Từ đâu trên tóc, từng dòng nước theo nhau rơi xuống. Không biết nên đối phó cách nào, tôi bèn thè lưỡi ra liếm lấy liếm để.

- Mặn ghê!

- Em nói gì?

Vì mở miệng khó khăn, tôi chỉ có thể ậm ự trong cổ họng. Dí cặp mắt sáng quắc vào tận mặt tôi, anh áy náy hỏi:

- Tại sao em khóc?

Tôi khóc thật sao? Nước biển cũng mặn vậy? Trong trường hợp anh nói đúng, thì vì lý do gì lần nào tôi cũng khóc? Lần anh tắt tưới bỏ đi, tôi vừa gào thét vừa lúp xúp chạy theo sau; lần anh học tốc trở về, tôi tiếp anh mà không thốt nổi một lời; lần tôi lùi lui ra khơi, ngay tại chỗ gọi là bãi đáp, ngồi co ro trong một góc núi tối thui, tôi tha hồ kể lể và lần nầy nữa.

Tiếng sóng gầm trước mặt, tiếng gió rít sau lưng, tiếng rừng thông vãn mình trèo trẹo trong đêm tối và

đáng kể hơn hết, là tiếng thở dồn dập pha trộn hài hòa với làn hơi nồng nàn phát xuất từ cơ thể anh. Tay chân, đầu óc, mặt mũi tôi từ từ rũ liệt. Có một nỗi gì gần giống như nửa hối thúc bất buộc, nửa trì kéo cản ngăn, nhẩy múa xô bồ xô bộn, pha trộn với một nỗi hoảng sợ không căn cứ lần theo gió, lần theo sóng, lần theo tiếng thân cây rên rỉ, lần theo ma lực điên cuồng do sự cọ sát của hai cơ thể hòa nhau tiến tới, hòa nhau bủa vây và đồng lõa nhận chìm tôi xuống. Lạ lùng thay, tận dưới đáy, cái xoáy nước sâu hoắm, tôi chống tay lồm cồm ngồi dậy, lòng dạ nở nang trong một nỗi thống khoái vô cùng vô tận. Giữa bóng tối nhá nhem, tôi nhìn thấy hai mắt anh hau háu như mắt con mèo đen lúc sắp sửa vồ trúng con mồi, còn đôi bàn tay anh từ lúc ban đầu vẫn ơ hờ đặt trên mặt cát, bỗng trở nên nhấp nha nhấp nhồm. Nhưng, đi đâu mà vội! Tội lệ gì! Cái tánh thích cân đo, cái tật khoái so kè từng ly chiều dài, từng “gam” độ nặng, cố kết sẵn từ đời nào đời nao trong mấy tầng não thất lệ làng lên tiếng nhỏ to khuyên lơn tôi: hãy gượng lại đã! Vậy là, bặm chặt đôi môi, tôi trù trù suy tính, bán một món hàng thì, ít ra, phải thu về một đồng bạc cất.

- Em muốn biết tại sao hồi đó anh đi?

Cái thói chanh chua, lại các cố đem đặt kề cận món ăn ngon sắp sửa đưa sát vào miệng, anh nuốt nước bọt liên hồi:

- Vì anh biết: anh... yêu em.

Có vậy chớ! Đó, đích thị nỗi ám ức vẫn nhẩn tâm rúc rĩa từng phân da thịt tôi trong mấy chục năm trời đằng đằng. Được rồi, đã “tiền trao thì cháo múc”. Hân

hoan, tôi hồi nhớ lại từng động tác một những lúc cần phải sử dụng đôi đũa bếp dùng để gấp than. Khoan thai, đường hoàng, lẫm liệt, tôi rút hai ống chân lên trước khi gom hết sức bình sinh lấy đà mở rộng hoác ra, rộng đến độ không làm sao còn có thể rộng hơn được nữa. Coi, một đầu thì bị hàn chặt còn một đầu thì dễ mở tan hoang, trong cái thế gọng kềm... có chạy đằng trời cục than đỏ hỏn vẫn bị kẹp cứng ngắt như thường. Vùng cát dưới lưng tôi bị sức nặng của hai tấm thân, cộng thêm sự chồi đập không ngừng nghỉ của bốn bàn chân trần bắt đầu lún xuống, lún xuống mãi. Xong rồi, cái con đê xây bằng đá tảng mang công dụng ngăn chia đôi bờ xa cách trong phút chốc bị sóng gió xô ngã tênh hênh. Mặc kệ triều nước lên, mặc kệ gió khuya về, mặc kệ vầng trăng đêm vẫn cố ý xê dịch đến gần để có dịp nắm bắt tại trận...

Anh là ai và tôi là ai? Thứ lý trí gương mẫu muôn đời, khối biện chứng bất di bất dịch từ bấy lâu nay vẫn “bày đặt” cao giọng lập luận này nọ, vẫn ra rả “lên lớp” phân biệt đúng sai hơn thiệt cho mãi đến lúc đó, tôi mới vỡ lẽ ra rằng: chẳng qua chỉ là cái vỏ bên ngoài che đậy, lấp liếm. Chứ tận căn bản, những lúc may mắn thoát khỏi tầm nhìn của kẻ thứ ba, (hơi ới) anh với tôi rất ròng một thứ “cá mè một lứa”; hay nói trắng ra: chúng tôi là hiện thân đích thực của giống người tiền sử, gần thú hơn gần người. Bấy lâu nay tôi gìn giữ e dè, thậm chí có lúc còn giả vờ múa may như người khác vì tôi... sợ chứ không phải vì tôi vốn xuất thân là một con người đạo đức. Tôi đã vậy, còn anh thì sao? Tuổi tác đường kia,

công trạng như vậy chính kiến như vậy, góp chung lại cũng đâu khác gì cái hia với cái mao của kẻ phường tuồng những lúc cực chẳng đã, phải quay cuồng trên sân khấu. Tan hàng, rã đám, hia mao không còn; anh với tôi tô hô in hết hai cái khuôn mới rút ra khỏi lò đúc. Còn oan ức nỗi gì! Thảo nào, anh là hình để cho tôi là bóng. Nói cụ thể hơn: anh chính là con trâu nước bì bõm trong cánh đồng lầy, còn tôi là con chim đỏ mỏ đèo đèo phía sau đuôi.

No nê rồi, anh buông thả tôi ra:

- Tại sao em yêu anh?

Nữa, cũng “tánh nào tật nấy” tôi còn lạ lòng gì! Tỉnh bơ tiếp tục úp mặt trên cát, tôi ồm ồm hỏi lại:

- Tại sao anh yêu em?

Dang rộng hai cánh tay, duỗi dài hai ống chân, anh khoái trá phá lên cười.

- Tại anh em mình... yêu nhau.

- Thì vậy!

Tuồng như vẫn chưa thật sự từ bỏ thói ham hố, sau một lúc tần ngần anh rĩ rả bên tai tôi :

- Mà tại sao lần này?

- Vì chỉ... lần này thôi.

Đang đê mê, anh bừng tỉnh như sáo :

- Tại sao chỉ một lần? Tại sao em không ở lại?

Giọng anh thì ào, khàn đặc vang lên trong gió đêm, gây cho tôi cái cảm tưởng như mình vừa để lỡ độ đường, đành phải đi qua một bãi tha ma để bắt buộc “bị” lắng tai nghe giọng điệu than trời trách đất của một kẻ mới mất chồng hay của một người vừa mất vợ. Mũi

lòng, tôi tha thiết hỏi lại:

- Em ở lại với nghĩa nào?

- Lần này mình nhất định... sống cho nhau.

Cho nhau! Có nhau! Anh trả lời không một chút ngập ngừng; giọng sắc sảo, tỉnh táo, khô khốc đến lạnh mình. Nếu tôi đoán không lầm thì đó chính là sức công phá mãnh liệt của một thác nước bị ngăn chặn lâu ngày, đến một lúc nào phải bung toé ra. Trong tôi, có một cảm giác ớn lạnh chạy suốt chiều dài cột tủy sống. Vực mặt giữa làn cát còn âm ỉ nóng, tôi nói, lúng búng như người đang ngậm đầy một miệng bột khô:

- Anh nghĩ lại coi.

Như bị điện giật, anh hồi hã ngồi rột dậy. Nhào đại qua phía tôi, anh lật ngửa tôi lên rồi trộm trầy trộm trật, anh úp chụp vành môi nồng nồng tràn lấp hai bờ môi đầy cát ướt của tôi. Tôi biết rõ vì sao anh làm vậy, tôi biết rõ vì sao anh không muốn và cũng không đủ can đảm lắng nghe cho xong phần cuối. Thật tình mà nói: đâu có thích thú gì câu chuyện cũ rích của ông A-đam với bà E-và, thêm con rắn và thứ trái cấm trong khu vườn Địa Đàng. Đã gọi là “cấm” thì đương nhiên phải cấm sờ, cấm hái, cấm ăn. Cũng vì bị cấm đoán nên bà E-và mới ra tay dụ dỗ ông A-đam. Còn anh, cũng vì cố sự đó... Còn tôi, cũng vì nông nổi kia... Nhưng, than ôi, điều đáng nói là: cái hấp lực của điều cấm kỵ không phải vì bị cấm đoán mà không bành trướng ra. Nói đâu cho xa, cặp tình nhân nguyên là thủy tổ của giống người, đâu có điểm phúc sống kề cận bên Chúa, đâu được nhớn nhơ vui chơi ở một nơi chốn không có bóng dáng thứ

đồng loại chỉ chực chờ cơ hội bày biểu thói hư tật xấu gồm đủ mùi lục đục thất tình; kết cuộc lại chỉ vì lời ngon tiếng ngọt của một con rắn mà họ đành đoạn qua mặt đấng Toàn Năng. Huống chi tôi với anh! Những điều cấm kỵ, loại khuôn thước đạo đức cũng giống như cái gọi là nền tảng của luân lý, tất cả lấy cơ sở từ đâu ra để đặt thành hệ thống thành luật lệ, nếu không nhờ căn cứ vào hằng hà sa số tội lỗi đã lỡ xảy ra rồi? Bên cạnh những loại tội đồ bị pháp luật lên án hằn hoi, vẫn còn sót lại những thứ tội hoặc không ai biết đến hoặc nếu biết cũng không ai buồn mất công... thừa kiện. Nhưng, sống đâu có nghĩa là chỉ cần tránh né một thứ luật lệ độc nhất, hiển nhiên trong đó có sự hiện diện của nhà tù và trại cải huấn? Vì tuy Chúa ngự trị tít trên cao, nhưng ở tận xó xỉnh cát bụi nay, đã có một lần tôi tình cờ đọc được những lời dạy dỗ sau đây: họ máu hàng dọc (ông bà, cha mẹ, con cái, cháu chắt) không bao giờ được lấy nhau; họ máu hàng ngang được lấy nhau từ cấp thứ năm (05). Hồi nhớ lại lúc vừa đọc xong, tôi bật ngửa ra liền: thứ cấm kỵ lằng nhằng loại đó bấy lâu nay tôi vẫn bướng bỉnh nghĩ rằng quá lắm chỉ truyền miệng một cách lơ mơ; không ngờ... Tôi đã thử làm một bài tính nhằm để hi vọng có thể thẩm định rõ ràng độ đặc loãng luân lưu trong máu anh và máu tôi. Hàng dọc, không phải rồi, vì cha anh với cha tôi là anh em cùng cha cùng mẹ; chỉ còn lại hàng ngang, mà đến tận cấp thứ năm! Kể từ chỗ đứng vững vàng của cha anh với cha tôi, trượt xuống nơi sắp hàng xiêu vẹo của anh với tôi, dầu có thêm bất cách nào thì cũng mới nhúc nhích tới cấp thứ...

hai là cùng. Anh bỏ đi trộm trộm ba mươi năm, góp chung hai mươi năm chẵn chời tôi rời xa xứ sở, vẫn chưa thấm tháp gì. Cấp thứ hai vẫn ở lì chỗ cấp thứ hai. Đạo đức ngàn đời! Luân lý Á đông! Biết vậy, tại sao tôi quay quắt trở về? Biết vậy, vì lý do gì anh đồng lòng chấp nhận? Tình yêu là gì? Lý trí để đâu?

*

* *

Con tàu cũ kỹ nhưng dài thậm thượt bắt đầu xục xịch chạy. Từ lúc mới khập khểnh bước lên, tôi vẫn đứng tỳ tay trên khung cửa sổ đưa đôi mắt lạc thần nhìn đoàn người qua về trên mảnh sân ga rộng lớn. Thêm một ngày nữa lại về. Một ngày trong triệu ngày, nhưng với riêng tôi thì hôm nay nhất định không phải là ngày qua. Ngày qua, đêm qua, ở bờ biển... Lúc tàn cuộc, tôi long trọng thề hứa: sẽ ở lại và ở lại mãi mãi. Nhưng, sáng hôm nay sau một đêm trần trọc, khi trời mới rạng sáng tôi mò dậy lén lút ra đi chỉ với cái xách đeo vai lủng lẳng vài thứ giấy tờ và một ít bạc lẻ. Chiếc va-ly trống rỗng được tôi cố ý vắt lại và... Đêm nay, từ phi trường Tân Sơn Nhất, tôi sẽ leo lên máy bay trở về nơi cư ngụ.

Chậm chạp, rù rì, con tàu đen đũi, dài ngoằng trườn mình tới trước. Khoảng sân ga nhộn nhịp, lùi lại, lùi lại mãi. Con tàu dần dần tăng tốc độ, vùn vụt vút đi, khoảng cách giữa nơi tôi đứng với đoàn người lố nhố xa dần, xa dần. Tôi nắm núoi đôi mắt nhìn lại để cuối cùng chỉ còn thấy bóng ngôi nhà thờ Núi nổi lên, lẻ loi, cách biệt giữa một vòm cây cao ngệu. Thả lại phía sau xa một hồi còi dài, con tàu thực sự lìa bỏ thành phố, lao

mình vào một miền hoàn toàn hoang dã. Hai bên đường sắt chỉ có đất đá và rừng cây rậm rạp. Nắng lên cao, trời sáng rõ ra. Vượt qua khỏi khu rừng rậm, con tàu hùng hục tiến về phía rừng thưa. Bỗng, lọt thỏm giữa vùng cây thưa thớt thấp thoáng bóng dáng một ngôi nhà tranh nhỏ bé. Một mái nhà tranh! Cuống họng tôi bỗng dưng nghẹn cứng lại. Một mái nhà tranh, hôm sớm có nhau ! Nỗi ước mơ đeo đẳng một đời! Nhoài người ra phía ngoài, tôi vội trông lại. Bóng ngôi nhà ẩn náu dưới lùm cây xanh không còn thấy đâu nữa. Vậy là tôi mất sạch: mất ngoài đời và mất cả trong mơ. Đã mấy lần ra đi, tôi chưa hề nếm qua mùi giã biệt. Nhưng, anh sẽ hiểu như đã từng hiểu duyên cớ vì sao tôi về. Suy cho cùng thì anh với tôi đâu khác gì nhau? Nợ anh, tôi trả rồi, dầu chỉ trả một lần trong suốt cuộc đời dài lê thê. Tôi phải đi: đi để trốn anh, trốn tôi và trốn luôn hình ảnh hai mái đầu kề cận bên nhau dưới ngọn đèn khuya.

Con tàu cứ lầm lũi chạy, trong lúc tôi cứ đứng ỳ một chỗ. Qua khung cửa gió lùa ào ạt. Trong rừng xa, từng đàn chim xao xác bay ra. Đăm đăm nhìn theo hướng đàn chim nhỏ tung bay, hai mí tôi bỗng cay nồng lên, rồi từ đâu những dòng nước ấm tằm tã tuông ra. “Con cáo có hang, con chim có tổ, nhưng con người không có chỗ gối đầu.”

Cứ tỳ mãi trên khung cửa sắt hai cánh tay tê rần lên, tôi bắt đầu run rẩy. Không còn đủ sức chịu đựng lâu dài hơn nữa, tôi từ từ khụy xuống. Úp mặt trên màn sương mỏng còn đọng lại đâu từ đêm trước, tôi mơ màng tưởng chừng như vành môi mình vừa chạm phải một

...

vành môi khác. Trong một đêm có trăng soi dòi dỏi, ở một kiếp không phải là kiếp này.

BIẾT LÀ BAO...

*Để tưởng nhớ Nha Trang
của Tông và Phê*

Cởi bỏ cặp kính mát ra, Khuê đưa mắt nhìn qua một lượt khắp gian nhà từ đường. Gian nhà này mãi cho đến khi sắp mất đi cha Khuê mới chịu làm giấy tờ để lại cho Hương, người con gái út, vì lý do tất cả những người con khác đều lần lượt ra đi.

Đôi mắt Khuê không khỏi dừng lại nơi cái trần nhà gỗ mục, nơi từng cánh cửa tróc sơn, nơi cái nền nhà lát gạch ca-rô miếng sứt miếng bể miếng biến mất đàng nào. Khuê chợt có ý nghĩ là nếu không chịu khó đi đứng cẩn thận thì chắc chắn thế nào cũng có lúc nàng sẽ vấp ngã chống gong ngay trong gian nhà mà ngày xưa nàng đã từng sinh sống suốt thời tuổi trẻ. Ôi, cái thời tuổi trẻ! Lòng Khuê bỗng dưng buồn rĩ xuống.

- Tí ơi, mẹ và đi về rồi.

Tiếng gọi bất thần của Hương giúp Khuê cơ hội dứt bỏ dòng ký ức để quay về với hiện tại. Từ trong gian phòng đối diện, Khuê nghe có tiếng idăE lớn xen kẽ giữa tiếng rì rầm chuyện vãn của nhiều người khác. Phải một lúc sau cánh cửa phòng mới bật mở và cái bóng cao lớn của đứa cháu trai phóng ra nhanh như tên bắn.

- Con xin lỗi mẹ, con đang dạy tại nó học nữa chừng...

Chưa nghe dứt câu, Hương đã sừng sộ lên bằng cách quắc ngược hai con mắt, mở rộng miệng ra, nạt lại ào ào.

- Vòng tay lại thưa đi liền đi!

Vẫn đóng đinh tại chỗ, Khuê đưa mắt trần trối nhìn cảnh tượng đang xảy ra quanh nàng. Đứng trước mặt Khuê là Tí, cậu con trai thứ hai của Hương đồng thời cũng là đứa cháu gọi Khuê bằng dì ruột. Nó cũng lớ ngớ vụng về không khác gì Khuê. Có khác chăng là nét trẻ trung tươi thắm và sự hiền lành bẩm sinh in rõ mồn một trên nét mặt và trên nụ cười nở rộng đến mang tai của nó. Thoạt nghe tiếng mẹ nhắc, nó vội vàng nhích chân tới trước, hai cánh tay khoanh tròn, lễ phép cất tiếng chào Khuê.

- Dạ thưa dì, con là Tí, con rất sung sướng được...

Miệng cười cười, điệu bộ lúng ta lúng túng; phần sau của câu nói đó bị nuốt chửng đầu từ trong cổ họng. Nhìn nó, Khuê ngạc nhiên quá đỗi. Mãi sau, nhớ sực lại, nàng mới gượng gạo trả lời.

- Bỏ tay ra đi, Tí ơi! Cháu của dì cao lớn và chắc chắn như vậy rồi mà mẹ Hương còn bày đặt bắt ne bắt nét.

Làm như câu nói thậm... vô duyên của bà chị không hề để lại một dấu ấn to nhỏ nào trong nếp suy nghĩ thường nhật của mình, Hương cứ tỉnh bơ, ngoay ngoáy bỏ đi xuống bếp. Vừa đi vừa dầy dầy nói với lại:

- Không lo xách va-li của dì vô phòng đi, còn đúng ý ra đó làm gì nữa.

Thằng cháu thả vội hai vòng tay ra, lại "dạ," lại cúi đầu cúi cổ lo khệ nệ xách hai chiếc va-li to tổ bố vô phòng. Đợi nó đi khuất, Khuê cũng lần mò đi xuống dãy nhà sau. Vừa đặt chân tới cửa bếp, chưa gì Khuê đã tần ngần đứng lại. Một nỗi hồi tưởng xa xôi từ đâu chợt trỗi tới làm Khuê muốn nhân tiện thử nhìn ngắm lại cái khoảng không gian tưởng chừng như không có giá trị bao nhiêu nhưng lại là nơi chốn gói ghém và gìn giữ của nàng rất nhiều kỷ niệm êm đềm. Vì gian nhà bếp, coi vậy, lại chính là chỗ ở thời niên thiếu ấy, Khuê thường có thói quen la cà nhiều nhất. Vì đói bụng, vì ham ăn, vì khoái... tán dóc, Khuê hay mò xuống đó, lúc lằng xằng ném thử món này pha chế món khác, khi bịa chuyện ba hoa chích choè cả giờ dài mà số thỉnh giả lúc nào cũng chỉ gồm có mẹ và đám người làm. Giờ này bóng mẹ không còn nữa, đành rồi, mà ngay cả bầu không khí nhộn nhịp đầm ấm và đầy đủ xưa kia cũng không thấy tăm dạng đâu nữa. Còn lại chẳng là một gian phòng bẽ bộn, xuống cấp đến thăm hại với bốn bức tường đen đui vì khói bếp, u ám vì mạng nhện và bọ hóng phủ đầy.

- Chị ngồi xuống đây đi, chị.

Đang bần thần, nghe tiếng mời, Khuê lật đặt ngồi xuống trên chiếc ghế đầu kê sát bên Hương. Không muốn tâm trạng mình cứ ngụp lặn hoài trong vũng lầy lê thê của dĩ vãng, Khuê bèn tự ý gọi lại trong đầu hình ảnh của thằng Tí, đứa cháu nàng vừa gặp mặt, rồi lên tiếng trước.

- Nè Hương, lúc nãy cháu Tí đang bận dạy học trò, tại sao em lại kêu réo nạt nộ nó kiểu đó? Mà, kể ra nó cũng quá dễ thương, chị không thấy nó tỏ vẻ nhăn nhó hay bức bối gì hết. Chẳng lẽ lúc nào nó cũng dễ dạy dễ bảo như vậy sao, Hương?

Vẫn tiếp tục cúi xuống lo sắp dọn bàn ăn, Hương thờ ơ đáp lại:

- Ài cho phép nó nhăn nhó, hà chị? Em nói năng với nó như vậy có thấm thía gì đâu mà chị gọi là nạt nộ? Hồi nãy, nếu không có chị đứng đó thì em đã thẳng tay tấn công cậu ta năm bảy cái tát đến toé lửa ra rồi.

Hai con mắt Khuê trợn ngược lên thiếu điều muốn lọt trông ra ngoài.

- Trời đất! Em nói thật hay nói giỡn vậy, Hương? Bộ em có đánh đập tụi nó nữa sao, Hương?

Dừng tay xếp rau, ngược mặt lên chăm chăm nhìn chị, cặp mắt Hương cũng tròn xoe không kém.

- Tại sao lại không dám đánh tụi nó, hả chị? Gặp phải trường hợp con cái hư đốn thì kẻ làm cha mẹ có bổn phận phải lo uốn nắn dạy dỗ chúng lại. Điều đó có gì lạ lùng và sai trái đâu mà chị phải thắc mắc.

Nói xong, không đợi nghe câu trả lời Hương thả rơi cọng rau xuống bàn, đưa hai tay lên múa may, miệng nói huyền thiên đến sùi cả bọt mép ra.

- Chị biết không, mới tuần trước đây chớ có lâu lắt gì cho cam có một bữa sau khi tan sở, cậu Tí nhà ta nổi hứng bắt tui đi ta bà tán dóc ở đâu không chịu về nhà liền, làm cả nhà phải đợi cơm. Mãi đến khi trời tối mịt anh chàng mới lót tót mò về. Nổi xung thiên lên, em xách chổi chà xông ra xán cho một trận... nhớ đời.

Đôi mắt Khuê cơ hồ muốn nhồm hấn lên trên ghế.

- Cha mẹ ông bà ơi! Vậy, nó phản ứng ra sao?

- Nó quỳnh quáng lo dựng xe rồi nhào đại vô, quỳ gối xuống dưới chân em, miệng van xin trời chết: "Con lạy mẹ tha cho con; từ nay con xin chữa."

"Đến nước đó nữa sao?" Khuê dừng nghe, lẩm bẩm nói. Trong phút chốc, quê hương xưa, gian nhà cũ, chị em con cháu, thân bằng quyến thuộc tất cả cùng một lần tiêu tan theo mây khói để Khuê đứng lại một mình bơ vơ với biết bao nỗi niềm cách biệt, với biết bao thử thách, cam go và trắc trở liên tục mà cuộc đời đã đặc biệt dành riêng cho nàng kể từ lúc mới cất bước ra đi.

- Di Khuê ơi, con đây: thằng Tèo!

Có tiếng người vang lên đâu đó lẫn lộn giữa tiếng động ồn ào của máy xe hồng-đa. Giật mình, Khuê ngơ ngác nhìn quanh; bên cạnh nàng tuy vẫn đứng yên tại chỗ, nhưng Hương đã quay mặt ra sân, ngoác miệng quát lớn:

- Tèo, nói với ai mà oang oang cái miệng kiêu lạ đời vậy? Con với cái, thiệt tình!

Khuê xô ghế đứng dậy. Ngoài sân, bóng dáng cậu con trai trưởng của Hương đã lộ lộ hiện ra. Vì vừa từ nơi xa về, gió bụi đường trường phủ lên cơ thể nó một màu đất lấm lem bết bết. Vừa cúi húi lo dựng xe, nó vừa xuýt xoa lên tiếng biện minh.

- Mừng quá con sơ ý! Con xin lỗi mẹ và dì.

Nói xong, ba chân bốn cẳng nó phóng lên, sà tới ôm siết tấm thân còm cõi của mẹ nó, hôn hít tới tấp. Hôn mẹ xong, nó ngáp ngừng tiến lại bên Khuê. Một tay đưa lên gãi lấy gãi để mái tóc bờm xờm dựng đứng, tay kia nó xò ra túm chặt khừ phần áo bị rách đầu mất đôi ba hạt nút. Nó nhìn Khuê, cặp mắt hoe đỏ chớp lia chớp lia, vành miệng hé mở nửa muốn nói nửa muốn dừng. Lom lom nhìn lại nó, bỗng nhiên Khuê bồi hồi xúc động, nàng cuống quýt đưa tay ra ôm chầm lấy nó.

- Tội nghiệp cháu tôi! Xa xôi quá cháu về làm gì?

- Con về thăm dì, mấy mươi năm rồi con chưa được gặp dì.

"Mấy mươi năm rồi!" một lời than thân hay một lời trách móc? Khuê cúi mặt, ngó lơ qua chỗ khác. Vừa may, không biết đang đứng xó rợ ở đâu Hương lại chen vô nói, cũng cùng một giọng kênh kiệu của người trên quen ban lệnh cho kẻ dưới.

- Tèo, bỏ mấy cái xác trên vai xuống đã. Cái thằng này, lúc nào mày cũng luộm tha luộm thuộm in hết gã đánh bạc vừa rã sòng bài.

Nghe khôi hài, Khuê nhếch mép cười, buông vội thằng cháu ra, giả là nói:

- Hai cháu đã là ông này ông nọ với người ta, tại sao em không gọi chúng bằng tên ghi trong khai sanh mà cứ Tèo với Tí hoài vậy,

Hương ?

- Kệ cha tụi nó, chị ơi! Chị cứ "đội" tụi nó lên, hai ông nội này hư mấy hồi.

"Thì ra..." Khuê lại thần người ra, lại loay hoay giữa hai ý nghĩ xô đẩy nhau trong đầu: nàng đang ngoái nhìn vào chỗ nội tâm sâu kín nhất của lòng mình hay đang thật sự đứng ngoài để sẫm soi nhìn người khác sống. Thấy nét mặt của Khuê

đột nhiên dờ dẩn hẳn ra, tưởng đâu bà chị buồn lòng vì câu trách móc vừa rồi, Hương bèn đánh trống lảng.

- Chị coi, thằng Tèo từ Ban Mê Thuộc chạy về cho nên người ngòm bị rách gì của nó cũng phủ đầy đất đỏ. Lấy tay chỉ hai cái xác may bằng thứ vải bố mòn vẹt, phồng to như sắp rách, Hương kể tiếp.

- Thằng Tèo hiện hành nghề bác sĩ tại bệnh viện trung ương Ban Mê Thuộc. Cứ mỗi đầu tháng lãnh lương xong nó lại vượt núi vượt đèo xông xáo chạy về đây đem theo một phần tiền lương gọi là để bố mẹ tiêu thêm. Phần còn lại chỉ vừa đủ để nó lo trả tiền nhà, tiền cơm tháng, tiền...

Nghe đã lạ tai, lại nhìn quanh quất chẳng thấy bóng dáng thằng cháu đâu, Khuê nảy ý định tam thời thử gác qua một bên mọi chuyện đúng sai xa gần để tìm hiểu cận kề thêm chút nữa một vấn đề đã từ lâu vẫn làm nàng canh cánh bên lòng.

- Vậy, cháu Tèo lấy tiền bạc đâu ra để mua quà cáp? Chị muốn biết đã có bao giờ em lên tiếng khuyên bảo hai anh em chúng nó phải đối xử thế này thế nọ với bố mẹ hay không?

Đưa tay lên miệng che một tiếng ngáp dài, Hương đáp, giọng mệt mỏi hẳn đi.

- Ôi, nó lớn chừng đó rồi, cần gì ai khuyên bảo nữa, chị? Còn chuyện nó lấy tiền bạc đâu ra để mua quà cáp và để lo đổ xăng đổ nhớt chạy về chạy lên thì thiệt tình em cũng không biết. Chắc cậu ta chạy vay quanh quẩn hoặc có đi khám bệnh, chích thuốc dạo chút đỉnh thêm chẳng.

Vừa nói Hương vừa cúi xuống mở tung hai cái xác to tướng ra. Liếc nhìn qua, Khuê thấy nào mắng, nào nảm, nào mặt ong, nào... Còn nhiều thứ lĩnh kinh khác nữa nhưng phần vì lâu ngày quên mất tên, phần vì cảm cảnh riêng tư Khuê giả lơ không buồn nhìn tiếp.

Ăn uống qua loa, tắm rửa qua loa, Khuê hối hả đi tìm chỗ ngả lưng. Đèo đèo theo sau chị, Hương đưa tay ra chỉ cái giường đôi có đặt sẵn cặp gối song song, áy náy nói:

- Chị ngủ đỡ ở đây, với em.

- Còn chú San, chú ấy ngủ ở đâu?

San là tên chồng Hương, cũng là người em rể độc nhất của Khuê.

- Ảnh ngủ ở ngoài kia kìa. Chị đừng lo, chồng em tánh vốn xuề xòa ăn ngủ thế nào cũng được; miễn sao vợ con no ấm là ảnh sung sướng lắm rồi.

Làm như không nghe, Khuê chuỗi đai lên giường. Hương cũng lên theo, miệng lầm nhảm những gì mà chính Khuê biết rõ là nàng không còn lòng dạ nào để lắng tai nghe tiếp. Nằm dài trên chiếc giường có lót tấm nệm chỗ lồi lên chỗ lõm xuống, duỗi thẳng hai ống chân giữa khuôn viên cái mùng tuynh vàng khè thấp chùn, Khuê có cảm tưởng như nàng vẫn còn đang ngồi gật gà gật giường giữa lòng chiếc máy bay bị bùng từ mấy ngày trước. Vì, chỉ nội trong một khoảng thời gian kỷ lục chưa tới hai ngày tròn, cái tâm trạng chao đảo của Khuê đã phải bút lia một thế giới này để chấp choạng bước tới và tập tành làm quen với một thế giới khác, vừa cách xa với vợ vừa gần gũi trong gang tấc. Một thế giới hứa hẹn sẽ mang đến thật nhiều cơ hội để trở thành lạ lẫm ngay với kẻ đã từ đó mà ra, đã vì đó mà về.

Có tiếng ai vừa khóc rĩ rả kể bên tai. "Cái gì đến, không đến trước cũng đến sau..." Nghĩ bụng vậy, Khuê đành nén tiếng thở dài, quay qua Hương lên tiếng an ủi:

- Chị đã về đây rồi có chuyện gì buồn em cứ việc nói ra, khóc lóc làm gì nữa.

Hình như đó chính là câu nói Hương đang mỏi mắt chờ nghe. Như giòng sông đầy ứ chỉ cần một vết nứt nhỏ ở bờ đê là vùng lên, chảy tràn lan ra tứ phía.

- Chị thử tưởng tượng coi... Thời anh San còn ở tù, em một nách hai đứa con dại. Mọi kẻ thân sơ đều xa lánh. Của cải, phần bị tịch thu phần bán dần bán mòn. Đến khi sạch bách, thủ thật với chị là đã có nhiều lúc em muốn lấy dao cứa cổ hai thằng con rồi tự tử theo. Nhưng, khi nghĩ đến cảnh chồng tù tội, cảnh cứ mỗi bận thăm nuôi, anh ấy lại dài cổ ra đứng nhìn về phía cổng trại, ngóng chờ bóng dáng của vợ con... Em đành...

Dừng lại một lát, Hương tức tưởi kể tiếp:

- May mà, về sau thỉnh thoảng chị thương tình có gửi quà về giúp đỡ cho.

"Về sau, thỉnh thoảng," Khuê lặng ngắt cả người. Tại sao lại về sau? Tại sao lại thỉnh thoảng mà không thường xuyên và lập tức như hoàn cảnh cho phép và như những ân tình trọn vẹn của biết bao kẻ ra đi khác đã chu toàn với thân nhân của họ? Đưa tay lên miệng chặn lại một tiếng khóc sắp bùng ra, Khuê cố tình dí sát sống lưng nàng xuống sâu dưới mặt nệm. Làm như cái cử động âm thầm và tự phát đó có mang theo công dụng vừa quơ quào về vừa đẩy lùi xa mọi thứ tội lỗi của nàng vào tận dưới giếng sâu hoặc vào tuốt tuốt trong vũng tối mịt mù. Không phải vậy sao? Không phải vì cái tội dám lặn lưng trọn gói, rồi bằng một cú một, dám đem đánh cá cả cuộc đời dài lâu của mình cho một vấn bài mà lời lải thâu về hứa hẹn thuận bằng một thứ tương lai phù du và huyền hoặc hay, quá lắm, một loại ngày mai, họa may ra, chỉ hiện diện trong những trang tiểu thuyết rẻ tiền. Một khi đã đành hanh, đã tự ý tự thị đến nông nỗi đó thì đừng hòng còn cơ hội để có thể hết lòng hết da với bất cứ một ai. Năm thì mười họa, được chằng haw chớ. Đàng lẽ ra...

- Ở đây ai cũng nói vì chị khôn ngoan cho nên chị luôn luôn thành công còn em vì ngu dại cho nên lúc nào em cũng thất bại.

Từ lúc nào, Hương đã thôi khóc để trở giọng than thân trách phận. Tuy nằm im, Khuê vẫn bật miệng mỉm cười chua chát.

- Em căn cứ vào đâu để định nghĩa mấy từ khôn dại, thành công hay thất bại? Theo chị, giữa hai chị em mình em mới là người thành công đúng nghĩa nhất.

- Thành công gì! Em nghèo rớt mồng tơi.

Khuê chống tay ngồi rớt dây, cho những lời nàng sắp sửa nói ra còn có vẻ chân thật và sống động hơn chút nữa.

- Hãy nói cho chị nghe, em định nghĩa ra sao về hai chữ hạnh phúc. Đầu định nghĩa thế nào chẳng nữa thì em cũng không nên quên rằng hạnh phúc nhất định không phải là một kiện hàng đóng gói sẵn; vì vậy không thể lấy tiền bạc ra mua rồi ký cốp mang về nhà, cất giấu, xài dần.

Đợi cho cái ý tưởng bất ngờ có đủ thì giờ xâm nhập vào sâu trong bộ óc của người nghe đầu đó cả rồi, Khuê mới từ từ hạ câu kết luận đầu tiên.

- Nếu có thể khởi đi từ con số một thì chị long trọng thề nguyện rằng: chị sẽ ngày đêm cầu xin ơn trên cho gia đình chị được kệt lại suốt đời ở đây. Rồi, người ta sao, mình vậy.

- Chị nói vậy chớ ở đây từ đứa con nít cho đến ông già chống gậy ai ai cũng muốn đi.

- Vì họ chưa nếm thử. Vì họ chưa biết hết. Vì họ cũng như chị. Vì thói đời hễ "đứng núi này thì trông núi nọ." Nằm im một hồi, Hương lại ngập ngừng cất tiếng. Lần này, giọng nói đã mang hơi hướm của một kẻ đứng ngoài.

- Em nghe nói ở bên đó ông anh rể của em học hành đỗ đạt còn các cháu thì đứa nào như đứa nấy đều... Như vừa bị nọc con ong vô vẻ chích nhằm chỗ nhược, Khuê dùng dùng nổi giận.

- Đó là cái giá chị phải trả. Ở đời, được cái này thì mất cái khác. Hương ơi, em đừng bao giờ quên rằng thành công là một chuyện còn hạnh phúc lại là một chuyện khác. Hạnh phúc giả tạo dùng để che mắt người khác, hay hạnh phúc đích thực ngự trị ngay trong lòng mình?

Đầu mỗi câu chuyện, chỗ gút mắt của vấn đề đã có mòi ló dạng ra rồi. "Đành vậy!" Chép miệng, Khuê hạ giọng thủ thỉ.

- Em có tin rằng ở bên kia, bầu không khí trong gia đình chị hoàn toàn không phải như ở tại nhà này. Nếu ở đây ấm thì bên chị lạnh, nếu ở đây gần thì bên chị xa...

- Tại sao vậy, chị? Có thể nào chị nói hết cho em nghe, được không?

Khuê bật cười thành tiếng lớn.

- Có gì hay ho và mới mẻ đâu mà em đòi nghe? Luật đời, cứ "giang sơn nào thì anh hùng đó." Bột pha cùng liều lượng, cùng phẩm chất nhưng sau khi được trút từ cái khuôn ra thì cái bánh lại mang hình dạng y nguyên của cái khuôn.

Ngưng nói, lục tìm lại trong ký ức xem có hình ảnh nào sát nghĩa và cụ thể hơn chẳng, cuối cùng Khuê ngại ngần nói tiếp:

- Em còn nhớ câu "ai đem con sáo sang sông. Cho nên con sáo sổ lồng bay xa," không? Con sáo vốn là con vật có cánh có lông, bản năng thích bay nhảy, thích trời cao mây rộng; vậy, đâu ai hoài hoi đi trách móc nó vong ân bội nghĩa; có trách chẳng là trách kẻ đã... thầy lay mang con sáo sang sông.

Hình như sự cố gắng đến tối đa của Khuê vẫn chưa đủ sức làm thỏa mãn sự tò mò to lớn của người nghe. Không còn dùng được nữa, Hương hỏi đại:

- Chị... có ý định gì không?

- Có một ngày không xa chị sẽ trở về luôn.

Có tiếng cựa quậy, rồi Hương ngồi hẳn dậy:

- Trở về luôn? Bộ chị định bỏ hết...

- Đã được gì đâu mà bỏ với không bỏ? Suy cho cùng, rồi đâu vẫn hoàn đó, em ơi!

Mò tìm bàn tay chị, cầm giữ tro tro giữa lòng bàn tay mình, giọng Hương sưng nước mắt.

- Tội nghiệp chị! Mà, chị đã suy nghĩ kỹ chưa? Chị về, em mừng; nhưng ở đây, ngoài vợ chồng em và hai cháu ra, chị đâu còn ai, đâu còn gì?

đâu còn ai, đâu còn gì?

Giật nhẹ hai bàn tay ra, Khuê xoay lưng nằm lại xuống giường. Quay mặt vào vách, nhắm tịt hai con mắt lại, Khuê nói, nói liên miên; không thèm để ý đến chuyện bà em có hết lòng lắng tai nghe hoặc nếu có chịu nghe thì có hội đủ khả năng để thấu hiểu hết cái ý nghĩa mơ hồ lộn xộn ngấm chứa trong lối lý luận hồ đồ mà nàng sắp sửa xổ tung ra, hay không.

- "Trăm dâu đổ đầu tằm," lỗi tại chị. Ngay từ thuở ban đầu chị đã không hiểu chị. Chị cứ nhắm mắt nhắm mũi đi theo con đường kẻ khác vạch sẵn mà quên bằng đi rằng mỗi người ra đời với những yếu tố di truyền khác nhau, khả năng khác nhau, hoài bão khác nhau. Chị mãi miết đi tìm cái xa xôi, cái của người, cái mình ghét mà xao lãng cái cận kề, cái của mình, cái mình thương mình quý. Điều chị cần và cần thật, cái chị thương và thương thật là chị được sinh ra, lớn lên và chết đi ngay trên chốn chôn nhau cắt rốn của mình. Để khi sống, chị còn được hả hê khóc cười với thứ văn minh... tụt hậu của quê hương. Lúc trẻ, chị được nuôi dưỡng bằng loại đạo đức quê mùa và lúc già nua tuổi tác chị được doanh vẫy ắp ủ bằng nếp sống và lối cảm nghĩ... xưa như trái đất của ông bà tổ tiên mình lưu truyền lại. Và truyền lại đời đời kiếp kiếp cho đến tận thế hệ của hai đứa cháu nhà này nữa. Đáng khen thay!

Đang ú ớ, Hương đã nghe bà chị lên giọng lại, để phản câu cuối cùng.

- Ngày nào chị trở về... Ngày nào chị mất đi... Đây là lời chị dặn: em đừng bao giờ bận tâm về việc lo xây mộ dựng bia cho chị. Cứ việc lấp sơ sài, rồi để mặc cho mưa nắng dãi dầu. Về sau, lúc nào thư thả em hãy tìm mua vỏ sò vỏ ốc vỏ nghêu đắp vun chùn lên ngôi mộ đất đỏ; hai bên mộ em trồng thêm hai loại cây, một bên là một bụi môn sấp vàng cho ba và bên kia là một dây trầu không cho mẹ. Đó là cái chị còn. Đó là điều chị có.

CÁI THUỞ BAN ĐẦU

Của Bột Lọc và Mót, cho thời điểm hiện tại.

Khi chiến tranh rục rịch lan rộng, gia đình

tôi tản cư về quê nội. Vừa chân ướt chân ráo về tới làng, chưa gì cha tôi đã lo sợ chuyện anh em tôi mãi ham chơi rồi quên lãng mất năm ba chữ mới học vỡ lòng. Đó là lý do tôi trở thành môn sinh của thầy Cẩn, người thầy độc nhất kiêm nhiệm một lần hai lớp (bét và kế bét) trong ngôi trường làng. Chưa để chân tới lớp, tôi đã nghe danh tiếng vị thầy này. Nghe đâu thầy nổi tiếng như cồn từ mấy chục năm trước lận, không nổi tiếng vì dạy giỏi mà nổi tiếng vì những thứ ngoài lề: nói cà lăm, đi chân chữ bát, dạy học qua loa và đặc biệt đánh học trò roi nào đích đáng roi đó.

Tôi hân hạnh chạm mặt thầy buổi sáng khai trường. Bài học mở đầu “tiên học lễ...” không có gì hấp dẫn,

HỒ PHỔ LẠI

nhưng lối giảng bài lạ đời của thầy thật quả làm tôi vô cùng khoái trá. Thầy vừa giảng vừa ngủ gà ngủ gật, hai con mắt lim dim, cái đầu tóc bạc lác lư như chõ... không người. Nếu tôi đoán không lầm, hôm ấy ngoài tôi là kẻ “lạ mặt”, tất cả học sinh trong lớp không có đứa nào buồn thắc mắc trước hoạt cảnh đó, cũng chẳng có đứa nào tỏ vẻ sợ sệt hay vị nể thầy. Bọn con gái ngồi đầu lớp tỉnh bơ móc túi lôi ra nào dứa khô, nào dái mít nào dũ dẻ; bọn con trai ngồi cuối lớp tự động rời chỗ, có đứa đồn đồn bạn lên vai lừa chụp bắt mấy con thần lằn đeo trên mái lá có đứa lấy ná cao su bắn rào rào mấy con các kè đầu đỏ chót thập thò ngoài bờ nước.

Tiếng ồn ào nổi dậy trước còn tương đối chịu đựng được, càng về sau càng dữ tợn, bắt buộc thầy Cẩn phải

mở bát mắt ra. Không cần nhìn, thầy phùng mang trộn mắt chụp vội cây roi mây để sẵn trước mặt, nhịp loạn xạ trên bàn.

- Về... về chỗ ngồi. Tổ... tổ cha tụi bây, con ... con nhà mất dạy.

Tổ cha tụi bây! Bài học “Tiên học lễ!” Vậy mà, không ngờ đó chính là người thầy để lại trong tôi nhiều hoài niệm học đường kỳ thú lạ lùng và phong phú nhất.

Thầy Cẩn dạy đủ môn, chú trọng nhiều nhất môn văn chương. Độ nửa năm sau ngày khai trường, môn Tập đặt câu chuyển qua giai đoạn mới: từ chỗ đặt câu rời (mỗi câu mỗi ý) tiến đến chỗ phải đặt làm sao cho mỗi câu rời khi ráp nối lại trở thành một bài luận mạch lạc có đề tài hằn hoi. Tôi còn nhớ rõ bài Tập đặt câu mở đầu bước tiến cao cấp bao gồm những chữ sau đây: cái

100

CÁI THUỞ BAN ĐẦU

bánh xe, cái yên xe, cái chuông, cái bàn đạp v.v.

Tôi quên nói, thuở ấy, lúc tản cư về làng gia đình, tôi cùng chung sống với gia đình bác tôi dưới mái từ đường. Là công chức, cha tôi có trách nhiệm phải ở lại nhiệm sở, mẹ tôi cấm cảnh “ăn nhờ ở đậu”, suốt ngày xăn tay áo phụ bác gái khi trong bếp, lúc sân trước vườn sau. Người đàn ông rường cột trong nhà kiêm thêm bốn phận chần dất, kèm kẹp bầy con... không cha là ông bác ruột của tôi. Than ôi, bác tôi lại là kẻ suốt đời hành mỗi một nghề: đánh bạc.

Do cố sự đó, nhờ nông nổi đó, ngoài giờ học qua quýt ở trường anh em tôi tha hồ rong chơi. Ngày, để được tham dự trò chơi “đánh giặc” anh em tôi kết bè kết đảng với lũ trẻ chần trâu. để được chia phần bữa cỗ ve

ve nướng lửa rơm, hột mít lùi tro nóng anh em tôi chơi thân với đám bạn chuyên hành nghề mò rạm, mót lúa, lượm nấm. Tối, lang thang khắp làng trên xóm dưới sục sạo tìm chỗ trai gái tụ họp xay lúa, giã gạo, tát nước, nghe hò nghe hát. Tuổi mới lớn, vòm trời tự do, cảnh trí thôn dã đầy nhựa sống; bài Tập đặt câu “cái xe đạp” rõ ràng là điệu nhạc khô khan, dở dang và đáng ghét trong mọi góc cạnh. Kẹt một nỗi, dịp đó lại cận Tết là lúc lũ nhỏ được tận dụng trong những việc vặt vãnh như quét mạng nhện, chùi lư đồng, lau liễn đối v.v. Chán bài, ham chơi, vui Tết, sau giờ học ở trường về, tôi thẳng tay ném vở viết vào xó nhà. Mãi đến hôm kế cận ngày nộp bài, tôi mới giật mình nhớ lại. Liên tưởng đến ánh mắt gườm gườm của cha tôi đặt lên từng quyển vở của anh em tôi mỗi lúc có dịp về thăm nhà, liên tưởng đến cây roi mây

HỒ PHỔ LẠI

dài thượt hàng ngày, hàng giờ, hàng phút múa may thuần thực trong bàn tay xương xẩu của thầy Cẩn, bấm tính vốn nhất đôn tôi phát... hoảng. Ba chân bốn cẳng, tôi chạy tìm viết, tìm vở, tìm mực, chuẩn bị làm bài. Với những chữ như bánh xe, bàn đạp, ghi đông v.v. , vất trán nặn óc hồi lâu tôi rì rọ thanh toán xong, dụng nhằm chữ “cái chuông” tôi khựng lại. Vặn tay xoắn óc mất cả giờ tôi vẫn... bí như thường. Đảo mắt khắp gian từ đường không có lấy một quyển sách hay một tờ báo cũ nào khả dĩ giúp tôi “tra cứu” thêm hay đối để lăm... cốp nhặt đại; họa may ra. Ngoài cái bàn thờ khói hương u ám và mấy bức màn cũ rách buông rũ lê thê chỉ có hình ảnh bác tôi là sinh động: nằm tréo mảy trên bộ ván, bác ung dung rung đùi. Không còn biết xoay xử cách nào khác,

tôi nảy ý định thử nhờ vả bác. Quơ vôi vờ viết, tôi lân la đến bên bộ ván, thả giọng ồm ồm:

- Bác bày con đặt câu chữ “cái chuông”.

Không buồn mở mắt ra, bác lơ đãng trả lời:

- Xê ra chỗ khác, để bác ngủ!

Để gì tôi chịu xê ra! Tuy không lạ gì thói quen những lúc “ngồi sòng” về, thế nào bác cũng phải đánh một giấc no nê trước khi tỉnh qua việc khác, nhưng vì thời gian cấp bách tôi cứ đổ lì:

- Tội nghiệp con lắm bác ơi! Trưa mai con phải nộp bài. Nếu... nếu...

Vì thương hại con cháu đã học dốt lại ham chơi, vì “ngàn năm một thuở” tình cờ bị du vô cái thế phải nhớ lại lời gởi gắm khẩn thiết của cha tôi hay chỉ vì muốn... tổng khừ tôi đi cho rảnh nợ, bác mở choàng mắt ra, tỉnh

...

CÁI THUỞ BAN ĐẦU

táo nói:

- Đồ... ể nở, khó khăn chi! Trưa mai, bác “gà” cho.

Nói xong bác nhắm khít mắt lại, quơ tay tìm cây quạt mo úp chụp lên mặt, giả vờ cất tiếng ngáy. Đứng xớ rớ thêm một chập coi mòì không “xơ múi” gì, tôi lúi thủi ôm vớ bước đi, lòng dạ ngổn ngang trăm mối.

Trưa mai lại, giờ nghỉ học vừa điểm, tôi băng bộ ù té chạy về nhà. May mắn sao bác tôi đã có mặt, càng may mắn hơn nữa: bác tôi vừa ăn bạc. Cả hai bác cháu đều thập phần vui vẻ khi giáp mặt nhau. Bác kéo ghế ngồi vào bàn ăn, tôi tình nguyện đứng kê bên quạt ruồi. Bác ăn xong vừa để cái chén không xuống, tôi xăng xái đi kiểm tắm, đi rót nước. Thái độ o bế lộ liễu, cử chỉ ngoan ngoãn hiếm có của con cháu gái vốn cứng đầu

giúp bác nhớ sức lại chuyện tôi nhờ vả hôm qua. Vì nghĩ “có qua tất có lại” hay vì muốn tránh nạn bị tôi đeo dính mè neho cả giờ, bác mau mắn mở lời:

- Răng, chừ con muốn bác làm chi?

Mừng như mở cờ trong bụng, tôi hớn hở chìa quyển vở lăm lem ra, đưa tay chỉ chỗ trống dành riêng cho hai chữ “cái chuông.” Rung đùi, bác đủng đỉnh vắn đi vắn lại điệu thuốc lá to bằng ngón chân cái. Sốt ruột tôi định lên tiếng giục, vừa lúc bác hăng giọng, đọc:

- Một bầy thằng ngọng đến coi chuông, chúng bảo nhau rằng “ấy ái uông”.

Vừa nghe qua, lòng tôi xẹp lép như cái lốp xì hơi. Rụng rời, tôi vất vội cán bút xuống, la toáng lên:

- Trời đất ! Câu chi kỳ cục rứa, bác!

Thôi rung đùi, bác cất tiếng cười ha hả.

...

HỒ PHỔ LẠI

- Con ngu lắm! Câu bác đặt hay ho, ý nhị, độc đáo như rứa mà con dám tự ý phê... kỳ cục.

Tuy vốn liếng chữ nghĩa không là bao, nhưng tôi vẫn lờ mờ nhận thấy rằng lối đặt câu... ngang tàng kiểu đó không ổn thoả chút nào hết. Tưởng đâu bác hiểu lắm, tôi đứng vụt dậy, le te chạy đến đứng dựa đùi bác, chu mỏ giải thích:

- Hai chữ “cái chuông” bác để chỗ mô? Thầy Cẩn dặn phải đặt làm răng khi đọc lên từ câu đầu chí câu cuối người nghe phải thấy hiện rõ hình ảnh cái xe đạp. Bác để “bầy thằng ngọng” vô là... trật lất rồi.

Bác không cười nữa, lấy tay đẩy tôi ra.

- Con ni ngất ngơ thiệt nghe! Miễn sao hay là được, cần chi xe đạp với không... xe đạp.

“Hèn chi người làng đồn bác... ba trợn”; tôi cầu nhàu trong miệng cho... bỏ ghét.

Đâu phải tay vừa, để chấm dứt tức thì màn léo nhéo bác nhìn lên đồng hồ, neho một bên mắt:

- Một giờ rồi tề, ngồi xuống viết liền đi.

Bị mắc bẫy, tôi nhìn theo hướng mắt bác rồi ấm ức ngồi xuống viết, vừa viết vừa khóc. Thấy tôi sụt sịt, bác chạnh lòng lên tiếng an ủi:

- Không rằng mô! Bác nói hay là hay. Nếu con chưa tin để bác cho con biết thêm điều nì: lão Cẩn nở cứ mỗi lần “đụng trợn” với bác là mỗi lần thua cháy túi. Đầu óc lão đưng đầy... mủ mứt, còn biết trời trăng mây nước chi mô để khen với chê.

Không nói không rằng, tôi vùng vằng đứng dậy. Nhét quyển vở vào sâu trong vạt áo bà ba, tôi co giò

CÁI THUỞ BAN ĐẦU

chạy bay tới trường. Mưa bắt đầu rơi nặng hột, đường làng trơn trượt, trời đất mịt mù. Đầu trần chân đất, tôi vấp lên vấp xuống, ngã tới ngã lui. Đã vậy, hình ảnh cây roi mây khốn nạn, hình ảnh “bầy thẳng ngọng” dị hình dị hợm cứ một mực lớn vớn hoài trong trí óc tôi. Đang chạy, tôi tủi thân, oà khóc tức tưởi.

Khi tôi đến trường, buổi học chiều đã bắt đầu. Khuôn mặt khật khừ, đôi mắt nửa mở nửa khép, hình như thầy Cẩn không nhìn thấy hoặc không buồn để ý đến con bé học trò nhỏ thó tóc tai ướt nhẹp đang nem nép lách vào chỗ ngồi. Sau giờ chính tả, đến giờ tập đặt câu. Học trò nhốn nháo đem vở lên nộp, tôi cũng lên, mỗi bước mỗi dừng. Đợi học trò nộp bài xong xuôi, thầy Cẩn ơ hờ đưa tay ra lấv từng quyvển vở đã giở sẵn. ê a

đọc, ê a phê bình. Chồng vỗ cẳng với đi, đầu tôi càng gục xuống thấp hơn nữa để thấy rõ từng giọt nước tí tách rơi xuống trên hai cánh tay gầy ồm run rẩy.

- Vở đưa nào đây?

Thình lình thầy Cẩn bỏ giọng ê a, hỏi lớn. Ngược vội mắt lên: rành rành quyển vở thấm nước mưa của tôi! Toàn thân sượng cứng, vành miệng tê dại, tôi trơ mình chịu trận. Không nghe tiếng trả lời, thầy Cẩn lật qua trang bìa, liếc nhìn cái nhãn vở.

- Nì, của trò Thục.

- !!!

- Tụi bây vĩnh tai lên nghe cho rõ câu nì!

Thầy Cẩn nói tiếp, giọng bông lơn hí hửng như sắp kể câu chuyện ... tếu.

- Một bầy thằng ngọng...

HỒ PHỔ LẠI

Giọng đọc cà lăm cà cặp, lối đặt câu ngớ ngẩn lạc điệu sai vẫn không ngờ làm không khí lớp học vui nhộn hẳn lên. Bọn học trò tinh nghịch được dịp rú lên cười, có đứa sẵn trớn thò tay lên mũi ngoáy ngoáy làm điệu bộ lêu lêu tôi nữa. Phần sợ hãi, phần mắc cỡ tôi dùng dùng nổi giận. Giận bác, giận thầy, giận lũ học trò tai quái và giận luôn thời cuộc xui khiến cha tôi vắng nhà.

- Trò Thục lên bàn thầy !

Giờ đèn tối đến thật rồi đây! Tôi tiu ngửu đứng dậy, chàng ràng đi lên. Đứng co ro bên cạnh bàn thầy, lắng tai nghe tiếng gió rít lạnh lốt ngoài trío, mừng tượng như đang nghe tiếng roi mây quất trót trót, tôi bỗng ứa nước mắt.

- Nội câu “cái chuông” thôi, trò được 10 điểm và

đứng đầu lớp.

Cái gì? Có lý nào? Như bị điện giật, tôi lơ lảo đưa mắt nhìn quanh, lòng nơm nớp sợ thầy mãi mơ ngủ đâm ra nói... sáng hoặc sợ mình hãi quá hai lỗ tai hoá lũng bùng nghe “chữ nọ xọ chữ kia” chẳng. Bằng chứng sờ sờ làm gì có chữ “cái chuông” trong bài Tập đặt câu của tôi, chỉ có độc hai chữ “ái uông” thôi. Nhưng kìa, ánh mắt thầy vẫn nhìn tôi âu yếm.

- Trò đặt câu hay lắm, thầy có lời khen ngợi.

Chụp vội quyển vở trong tay thầy, tôi chạy bay về chỗ ngồi. Yên vị đâu đó, tôi phổng mũi lên, xoay qua xoay lại, xoay tới xoay lui, ném cái nhìn hống hách lên từng khuôn mặt ngẩn tò te của lũ bạn bè. Xong màn... trả thù đời, bình tâm hồi nhớ lại câu phê bình của bác tôi lúc nãy “đầu óc lão đưng đầy mủ mít”, tôi cúi gằm mặt

204

CÁI THUỞ BAN ĐẦU

xuống đầu nụ cười e thẹn. Đầu óc thầy Cẩn đưng đầy mủ mít hay vì canh Bài Tối đêm qua rã sòng quá trễ làm khi tới lớp thầy còn ngái ngủ? Rồi giữa cơn buồn ngủ đa diết, giữa nỗi chán ngán não nề phát xuất từ chồng vở cao nghệu chứa đựng cả trăm bài làm ngây ngô xoàng xĩnh giống nhau, bấy thành ngọng trơ trên vô duyên đoảng vị với mấy tiếng kêu lạ đời vô cớ nhảy sống vào vòng chiến, đầu khác gì tên hề xuất hiện đúng lúc giúp khán thính giả nguôi quên bớt nỗi chờ đợi nặng nề lâu lắc giữa hai màn kịch dở. Điểm số 10 thầy cho có lẽ vì muốn thưởng công tôi đóng vai... tên hề giỏi, hơn là vì thấy bài tôi làm hay ho, độc đáo hoặc chính xác. Ôi, bác! Ôi, thầy!

Từ đó, tôi... nổi tiếng. Lũ bạn trong lớp, bấy anh em

con chú, con bác, con cô, có đứa hứng chí bắt đầu gọi tôi là... nữ sĩ. Tôi “ngậm miệng ăn tiền.” Điều đáng nói là: có đôi khi say đã lỡ quên, tôi “cầm nhầm” luôn cái điều người ngoại cuộc đã nhầm, để định ninh tưởng mình là nữ sĩ thật. Bị danh vị hão huyền đôn đốc, lớn lên tôi tập tành cầm bút. Tôi viết, khi thật lúc chơi, khi đều đặn cần cù lúc không có lấy một dòng chữ ra hồn trong suốt cả chục năm trời rỗng rã. Đôi khi tình cờ đọc đâu đó bảng liệt kê tác phẩm ra đời dài như... lá số của một nhà văn nào, tôi bần thần cả buổi.

Bần thần không phải vì tiếc rẻ hay buồn bã mà chỉ vì lý do tôi mãi gặp vấn nạn khi xét về mình: tôi thiếu tài ba, tôi thiếu ý chí hay phải chăng ngay từ lúc sơ khai cái duyên văn tự của tôi đã bắt đầu một cách cực kỳ ba lơn, cực kỳ dí dỏm, cực kỳ khôi hài, cho nên cái hậu vận

HỒ PHỔ LẠI

không làm sao tránh khỏi cảnh trôi nổi bông lông bọt bèo của “cái thuở ban đầu” phù phiếm ấy.

ĐÃ TƯƠNG CHỪNG...

Đ

ang đi ngon trớn, xơ Mân bồng bước

chậm lại, đưa tay lên chỉ.

- Còn đây là nơi an nghỉ của đức cha Sanh người sáng lập ra trại cùi Di-linh này.

Ngước mắt lên, Nguyễn nhìn thấy một ngôi mộ. Một ngôi mộ, thoát mới trông qua cũng tầm thường như trăm ngàn ngôi mộ khác, với cây thanh giá vươn lên trong nắng. Có khác chăng là vùng cây lá vây quanh thì lại thắm tươi chứng tỏ rằng hàng ngày vẫn được một bàn tay nào tận tình chăm sóc đến.

- Nơi đây chúng tôi gọi tên ngài là tông đồ của người Hủi.

“Tông đồ của người Hủi!” Trong ngơ ngác, Nguyễn lặp lại, nhưng cũng tự động nhích người tới trước khòm

HỒ PHỔ LẠI

lưng xuống, lăm thăm đọc.

- Thưa dì, tên khắc trên tấm bia là Jean Cassaigne; con vừa nghe dì gọi tên ngài là Đức Cha Sanh.

Một nụ cười tươi rói nở bùng ra làm hực sáng khuôn mặt vốn khép kín và rất dỗi nghiêm nghị của người nữ tu còn trẻ.

- Chị chưa bao giờ được nghe ai kể qua về tiểu sử của ngài?

Ngó lơ qua chỗ khác, Nguyễn lúng búng trả lời trong họng:

- Thời chưa lập gia đình, con là người ngoại đạo.

- Chị muốn nghe?

Khép nép, Nguyễn gật đầu. Đâu lưng lại với dì Mân, Nguyễn vén áo ngồi bệt xuống, ngay trên mặt

tảng đá đặt kế cận ngôi mộ của Đức Cha Sanh. Lợi dụng giây phút xơ Mân còn mê mải trầm ngâm, Nguyễn đưa mắt nhìn một vòng bao quát khung cảnh rừng núi bạt ngàn vừa dần trải ra trước mắt nàng. Điều làm Nguyễn thích thú nhất vì đây là lần đầu tiên nàng có dịp và có đủ thì giờ để ngắm nhìn kỹ cả một trời bao la nắng ráo đang buông xuống đâu, từ trên mấy tầng mây vời vọi sáng. Lại một điều là: cũng cùng một thứ nắng xé trưa, nhưng khi đậu lại trên đỉnh những ngọn cây bị gió làm lay động không ngừng thì huy hoàng và sinh động biết bao, còn lúc trải dài giăng rộng ra nơi đồng không mông quạnh, thì lại mang màu sắc của một vũng lầy vừa nhễ nhại, vừa ù lì, gần như vô vị.

- Phải, tên thật của ngài là J. C.

Tiếng nói bất thần của xơ Mân làm Nguyễn giật

ĐÃ TƯƠNG CHỪNG. . .

mình.

- “Đức Cha Sanh gốc người Pháp. Ngài là con trai độc nhất của một gia đình thương gia giàu có. Vừa đến tuổi trưởng thành, ngài lìa cha mẹ khoác áo nhà tu. Năm 1925, lúc tròn 30 tuổi ngài đến Việt Nam. Chỉ hai năm sau (1927) ngài từ chức giám mục địa phận Sài gòn để khăn gói lên đây.”

Mới kể đến đoạn đó, chưa gì giọng nói của xơ Mân đã hạ thấp xuống, bùi ngùi bức rức đến độ Nguyễn phải cố vểnh tai lên để nghe cho rõ.

“Chị cứ tưởng tượng lại coi. Cái tỉnh lỵ Di-linh này ngay bây giờ còn lạc hậu như vậy, huống nữa ở vào thời điểm của những năm 26, 27. Vùng này quả xứng đáng là đại diện của loại vùng cao vùng sâu, vùng của rừng

thiên nước độc, của bản làng heo hút, của niềm tin và trình độ dân trí còn tồn đọng lại đầu từ ngàn vạn năm trước. Đó là chưa kể tới những vụ lĩnh kinh khác: bệnh tật triền miên, nghèo đói bốn mùa, tai trời ách nước, người mạnh lẫn kẻ yếu.

Cũng nhờ đó...

Và, cũng vì đó...

Dầu gặp phải sự trở ngại trong vấn đề ngôn ngữ; dầu gặp phải bức rào cản kiên cố từ muôn xưa đã được xây dựng nên bằng những loại mê tín, bùa chú, ếm trừ, trừ tà, yểm quỷ của dân chúng địa phương; dầu từng giờ từng phút phải tự mình làm sao khắc phục và bình địa cho bằng được cái khoảng cách nghìn trùng gây ra bởi nếp sống giàu sang rất mực và văn minh tột cùng nguyên là xuất xứ của bản thân ngài, với sự nghèo khó

HỒ PHỔ LẠI

tự căn bản và sự chậm tiến muôn đời nguyên là vốn liếng do ông bà tổ tiên chúng ta để lại; bất chấp hết, ngài quyết định ở lại và ở lại mãi mãi tại nơi chốn này.

Từ đó ...

Từng phiến đá, từng khúc cây, từng sợi mây, từng nhánh lá...; lượm lặt, quơ quào, gói bó, kéo lôi, gánh gồng, khuân vác... Ngày gió đêm mưa, thú dữ vờn, sên vắt đeo. Mặc kệ. Thui thủi trên những con đường trơn như mỡ. Bám đôi chân vào phiến đá lởm chởm này, vịn đôi tay vào mỏm núi nhọn hoắt kia. Cày cục từng bước. Để cuối cùng, ngài rị mọ dựng nên một trại cùi. Và, lần đầu tiên, nhóm người Thượng với cặp chân què quặt, với khuôn mặt sứt mẻ, với đôi mắt kèm nhèm lở loét; từ đời thuở nào vẫn kéo lê lối sống chui nhủi, hoặc giữa lùm

cây hoặc dưới hốc đá, có một chỗ để về. Có mái nhà để che nắng tránh mưa, chưa đủ, họ còn cần cơm ăn áo mặc, nước uống, bông băng thuốc men, v.v. Một hình một bóng, Đức Cha Sanh tất tả ngược xuôi. Hai năm sau (năm 1959), lúc trại cùi đầu tiên trở thành một làng cùi tương đối đầy đủ và có hệ thống, Đức Cha Sanh nhuộm bệnh. Chứng bệnh đầu tiên chiếu cố đến cơ thể ngài là bệnh sốt rét kinh niên. Là một trong những loại bệnh vẫn thường xuyên có mặt tại miền núi non ẩm thấp và bầu không khí đầy sương lam chướng khí ở đây. Mà, càng bệnh oán, ngài càng quần quật, lấy đêm làm ngày. Không những chỉ miệt mài xây dựng, ngài còn dùng chính đôi tay gầy yếu của mình để vỗ về, nâng đỡ, chăm sóc từng bệnh nhân một. Chuyện phải đến, phải đến. Mười năm sau nữa, ngài bị lây chứng bệnh cùi. Với Đức

ĐÃ TƯỜNG CHỪNG. . .

Cha Sanh, yếu tố thời gian qua đi, tuổi tác kéo đến, bệnh tật chất chồng...; không phải là những chướng ngại vật đáng kể mà chỉ là những động cơ thôi thúc cái ý chí sắc đá và tấm lòng sâu như biển cả của ngài. Vẫn tiến tới và tiến tới không ngừng. Làng cùi càng bành trướng, bệnh nhân cùi từ bốn phương tám hướng càng lũ lượt bò về, thì cơ thể của Đức Cha Sanh càng kiệt quệ. Chỉ mấy năm sau nữa, ngài mắc thêm bệnh lao xương. Qua năm 1963, sau khi tạo dựng được 38 căn nhà nuôi bệnh, ngài vướng phải chứng nan y thứ tư: lao phổi.

Năm 1973, nằm trong gian nhà gỗ rộng trên dưới 10 thước vuông, giữa khung cảnh y nguyên của thời điểm từ 50 năm trước, - thuở ngài vừa chân ướt chân ráo đặt bước tới vùng nầy - cực kỳ giản dị. đúng nghĩa nghèo

nàn, Đức Cha Sanh hấp hối. Sau đây là những lời ngài trăng trối lại: Hãy chôn cha tại đây, giữa những người bệnh thân thiết của cha. Hãy xây đắp phần mộ cho cha bằng thứ đất đỏ của miền cao nguyên núi Thượng này. Hãy đeo gọt cây thánh giá cho cha bằng thứ gỗ lấy từ góc rừng này...”

Dì Mân ngồi lắng lắng một hồi lâu, trước khi chịu mở miệng nói tiếp :

- Hơn 40 năm trôi qua rồi, kể từ ngày Đức Cha Sanh khuất bóng. Nơi đây chỉ còn sót lại nắm xương tàn và công trình được tạo dựng nên bằng mồ hôi, nước mắt, máu xương, và trọn một cuộc đời dâng hiến. Ngài tình nguyện dâng hiến gia đình mình, giòng họ mình, quê hương mình và cả thân xác mình nữa, chỉ để sống và để chết cho những kiếp người không cùng màu da, không

HỒ PHỔ LẠI

cùng máu mủ, không cùng chủng tộc, không có bất cứ liên hệ xa gần nào với mình. Chỉ vì... họ đã lỡ sinh ra đời với số phận hẩm hiu, đành rồi, bên cạnh sự xui rủi tốt cùng đó, họ còn là nạn nhân trường kỳ của sự ghê lạnh, kỳ thị, độc ác, đến từ thân nhân ruột thịt và từ những con người được mệnh danh là cùng một nguồn gốc và cùng một quê hương với họ.

Dừng lại, thở dài, xơ Mân tần ngần đi đến kết luận:

- Dựa theo gương của ngài, chị định nghĩa ra sao về hai từ to lớn sau đây: Ta với Người.

Câu hỏi bất ngờ của xơ Mân, dầu muốn hay không muốn, Nguyễn vẫn cảm thấy như nàng đang bị du vô cái thế phải liên tưởng tới sự gần gũi và thân thiết của hai từ na ná khác: Ta với Tôi. Không dừng, Nguyễn đâm ra

thẹn thùng. Một nỗi thẹn không hiểu đúng hay sai, không hiểu nhiều hay ít, và có căn cứ hay hoàn toàn vô căn cứ. Nhưng chắc chắn một điều là Nguyễn có thẹn, đến lặng ngắt cả người. Thấy Nguyễn cứ ngồi im thin thít, như chợt hiểu ra xơ Mân phủ tay, đứng dậy. Hướng về phía con đường cái quan, xơ Mân cất bước. Cũng lồm cồm đứng dậy, Nguyễn lồm lũi bước theo dấu chân xơ. Yên lặng một hồi, xơ Mân lại lên tiếng hỏi:

- Tuần sau chị về bên đó? Biết đến bao giờ xơ mới được gặp lại chị lần nữa?

“Biết đến bao giờ”; có thêm một lần, Nguyễn lại ú ớ. Vì sự thật Nguyễn cũng hoàn toàn mù tịt về bất cứ câu hỏi nào có liên can xa gần tới cái tương lai vô định của chính nàng.

ĐÃ TƯƠNG CHỪNG. . .

*

* *

Xe lăn bánh, chạy đi.

Ngoái đầu lại, Nguyễn mừng rỡ như còn nhìn thấy dãy nhà cù thấp thoáng sau hàng hàng lớp lớp cây hoang, thấy ngôi mộ của Đức Cha Sanh phủ toàn đất đỏ và, sau hết, thấy cái bóng của xơ Mân trong chiếc áo dòng xanh đậm đứng chênh vênh bên đường. Xe càng chạy, đôi mắt Nguyễn càng mờ mịt hẳn đi.

- Bà có họ hàng gì với xơ Mân không?

Câu hỏi của bác tài đột ngột vang lên làm Nguyễn thấy nhẹ nhõm cả người. Không muốn bỏ lỡ cơ hội, Nguyễn bắt chuyện liền.

- Anh cũng quen xơ Mân?

- Nội quanh đây, ai không quen xơ Mân.

Lối nói chuyện thân tình, cởi mở và không cần rào trước đón sau của bác tài làm Nguyễn vô cùng thoải mái.

- Anh có biết xơ Mân đi tu vào năm nào không?

- Năm nào thì tôi không nhớ, nhưng có một điều chắc chắn là xơ Mân có mặt tại đất Di-linh này ít ra cũng xấp xỉ 20 năm.

- Nói vậy, lúc tới đây xơ còn trẻ lắm?

- Bây giờ xơ cũng còn trẻ chán; nói gì hồi đó.

Ngẩn người ra, Nguyễn nhớ lại. Nhưng, một phần vì muốn tự mình làm quên lãng bớt nỗi buồn phiền còn đầy ăm ắp trong lòng, một phần vì muốn thấu ngấm lại quãng đường còn xa thăm thẳm, Nguyễn cố tình tìm mọi cách để câu chuyện được tiếp tục.

- Có bao giờ anh nghe ai nói qua về lý do vì sao xơ

...

HỒ PHỔ LẠI

Mân đi tu không?

Vẫn chăm chăm chú chú nhìn suốt con đường bụi mù trước mặt, bác tài co tay lên gãi tai, ra chiều đang cố gắng nhớ lại một câu chuyện theo thời gian đã trở thành xưa cũ, nhưng dầu gì, vẫn là loại chuyện hiếm hoi của vùng núi non xa cách này.

- Nói về cái lý do thâm kín đó, là kẻ đứng ngoài làm sao chúng tôi hiểu hết được. Nhưng điều tôi còn nhớ rõ là xơ Mân tới đây lúc xơ còn rất trẻ. Nghe đâu lúc đó xơ vừa tốt nghiệp đại học.

- Xơ có bằng đại học? Vậy, anh có nghĩ rằng xơ đi tu chỉ vì muốn đi tu, hay vì...

Không đợi Nguyễn nói dứt câu, cũng không cần giữ gìn ý tứ nữa, với giọng điệu bức tức bác tài la toáng lên.

- Chờ còn gì nữa! Xơ trẻ, đẹp, có học vấn, con nhà giàu.

Biết mình lỡ lời, Nguyễn đành ngậm cứng miệng lại, dẫn lòng đợi. Mãi đến khi thấy bác ta đã dịu giọng xuống rồi Nguyễn mới dám e dè bắt chuyện lại.

- Anh có thường xuyên gặp mặt xơ Mân không ?

- Có ngày nào tôi không gặp xơ đâu.

- Anh chờ khách vô thăm dòng?

- Đâu cần phải vô tận dòng mới được gặp mặt xơ.

Suốt ngày xơ đi đó đi đây. Buổi sáng xơ qua nhà thương lo săn sóc bệnh nhân cùi; buổi xế xơ xuống trại cô nhi - là tập hợp những đứa bé do cha mẹ cùi sanh ra và được nuôi riêng từ lúc mới lọt lòng mẹ - dạy tụi nhỏ học chữ, học hát, học làm thủ công; buổi chiều xơ dành riêng cho việc đi thăm viếng những bà mẹ mới nằm nơi, những

ĐÃ TƯỜNG CHỪNG. . .

người già cả phải sống một mình.

Ngạc nhiên quá đổi, Nguyễn đưa tay lên, chỉ một vòng vu vơ trước mặt.

- Đường xá quanh co trơn trượt, trời lên trụt xuống kiểu này, xơ đi lại bằng cách nào?

- Còn cách nào nữa, ngoài cách lội bộ! Với cái gui trên vai, xơ Mân trèo đèo lội suối, chui bụi nầy, luồn hang khác tài tình và mau lẹ không thua kém bất cứ người đàn bà Mường Mán nào.

- Một năm có bốn mùa xuân hạ thu đông, chẳng lẽ ngày nào xơ Mân cũng chu toàn chừng đó công việc?

- Cũng có ngày vì đau ốm hay vì nhà dòng có lễ lạc, xơ Mân không đi được thì chính những thân chủ của xơ lại... rồng rắn kéo nhau vô tận dòng thăm xơ và để

xin được nhận lãnh về số lượng thuốc men, sữa bột, đường muối...; nguyên là những loại quà biếu mà, khi cần, họ vẫn được xơ đem đến cung cấp tận nhà.

- ?

- Do gia đình xơ từ dưới Sài Gòn gửi lên, một tháng một lần qua hệ thống xe hàng xuyên tỉnh.

Đã quá đủ cho một đoạn đường dài và cũng quá đủ cho một lần thăm viếng. Co rút hai cánh tay lại, Nguyễn ngồi im phăng phắc và bắt đầu suy ngẫm: hai câu chuyện, hai mẫu đời. Họ, những anh hùng không tên tuổi. Sống cho người và chết cũng cho người. Sống cho xó rừng này và chết cũng tại xó rừng này. Trong khi đó thì... Nguyễn, một khung trời hoàn toàn xa lạ, một nền văn minh bậc nhất và một cuộc đời: sống cho mình và chết cũng cho mình.

HỒ PHỔ LẠI

Ngoài cửa xe gió thổi ào ào. Trời Cao nguyên se lạnh, nhưng dường như Nguyễn vẫn mơ hồ nghĩ thấy có một cơn sốt vẳng vát đang vẫn vũ đâu đây. Rồi, không hiểu do một mãnh lực vô hình nào thúc đẩy, Nguyễn vọt miệng, nói bừa:

- Anh biết không, tôi cũng muốn noi gương Đức Cha Sanh và dì Mân.

- Bằng cách nào vậy, bà?

- Tôi sẽ bỏ bên đó, trở về, lên đây và sẽ ở lại làm việc tại trại cùi...

Như vừa chạm phải lửa, bác tài nhảy nhồm người lên. Quay đầu về phía Nguyễn, với hai con mắt trợn ngược thiếu điều rách cả khoé, bác hỏi lại, vành miệng gần như dí sát rạt vào tận lỗ tai Nguyễn:

- Bỏ bên đó? Té ra bà mới từ ngoại quốc trở về!

Nguyễn tê tái gật đầu.

- Bà sống ở ngoại quốc được bao nhiêu năm rồi?

Nhếch mép, Nguyễn trả lời, hai vành môi trề xuống như đang mếu.

- Trên ba mươi năm rồi.

- Trời đất, tới 30 năm lận!

Không cần đợi lời than vãn chấm dứt, bác hùng hổ quay mặt lại, hả rộng miệng ra, cười hô hố. Cười cợt một hồi, không biết nghĩ sao bác loay hoay cử động tay chân liên hồi, xê xê dịch dịch đôi móng cho cách xa chỗ vẫn ngồi từ nãy; cốt dành một khoảng trống cho cái nhìn soi mói được tha hồ đậu lại trên toàn bộ con người của vị khách vừa tự phương xa trở về. Ngắm nghía đã đời, bác lên giọng.

ĐÃ TƯƠNG CHỪNG. . .

- Suy nghĩ kỹ lại đi; không phải chuyện giỡn đâu, bà Việt kiều ơi!

Rồi, lập nghiêm, bác từ tốn nói tiếp.

- Ở đời, đôi khi nói thì nghe dễ ợt, vì hễ cứ mở miệng ra là nói được, nói huyền thuyên, nói vô hồi kỳ trận, hứa hẹn đủ điều; nhưng, khi bắt tay vào việc là lập tức... co vùi lại.

“Bà Việt kiều”, thứ danh xưng mới mẻ và lạ đời nghe đã chói tai lại là một trong những nguyên nhân xây dựng lên hàng rào ngăn cách giữa người đi và kẻ ở; đầu không phải lần đầu tiên được nghe nhắc đến, nhưng đặc biệt lần này vì mặc cảm tự ti hay vì nông nổi “giận cá chém thớt”, Nguyễn bỗng... nổi khùng. Gân cổ lên, Nguyễn ra sức cãi lại cho bằng được:

- Đức Cha Sanh, di Mân làm được; tại sao tôi không làm được?

Suýt chút nữa, Nguyễn đã lếu láo tuyên bố tiếp câu này: “Nếu tôi nói rằng, hồi đó tôi đi để có một ngày tôi trở lại thì anh có tin không?”

Nhưng, than ôi, khi nhìn thấy cặp chân mày nhíu kín và nhất là nhìn thấy ánh mắt lộ đầy ắp nét nghi ngờ pha lẫn nét thương hại của bác ta, Nguyễn khựng lại. Gật gù, Nguyễn nói nhỏ vừa đủ cho mình nghe: “Mười voi chẳng được chút nước sáo”; lời thật mất lòng. Trong lơ mơ, Nguyễn hình dung nhớ lại hình ảnh những con đĩa dói, mình mẩy đen nhẻm, cong queo, ướn nhẹp, bám dai nhách trên bàn chân mốc meo của mấy bác cày ruộng mà nàng từng thấy ở quê mình, thời sơ tán.

Con đĩa dói và cái bến bờ lạnh giá phía bên kia!

HỒ PHỔ LẠI

Bồi hồi, Nguyễn bật khóc.